

Nhã

Th

Ph

Gia

TỊNH KHÔNG PHÁP SƯ

淨空法師

# NHẬN THỨC PHẬT GIÁO

## 認識佛教

*Nguyên bản*

Nhận thức Phật giáo - Hạnh phúc mỹ mãn đích giáo dục  
認識佛教 - 幸福美滿的教育

Buddhism: The Wisdom of Compassion and Awakening  
Silent Voice biên tập

*Phật-đà Giáo dục Cơ kim Hội ấn hành tháng 5 - 2002*

*Bản dịch Việt*

**THÍCH NHUẬN CHÂU**

Nhà Xuất Bản Tôn Giáo

PL: 2555 – DL: 2011

## Chương 1: Dẫn nhập THẾ NÀO LÀ PHẬT PHÁP

---

Rất cần thiết phải có được sự hiểu biết chính xác trước khi chúng ta tu tập theo Phật pháp; nếu không, chúng ta sẽ bị phí công tu tập vô ích, vì không đạt được kết quả mong muốn. Do vậy, nên tôi xin trình bày cho quý vị đồng tu về cốt tủy của Phật pháp một cách đơn giản.

Lịch sử Trung Hoa cho chúng ta biết cách đây chừng 3000 năm, người khai sáng đạo Phật là Đức Phật Thích-ca Mâu-ni. Ngài ra đời ở miền Bắc Ấn Độ vào năm Chu Chiêu vương thứ 24 (Giáp dần), nhập niết-bàn vào năm Chu Mục vương thứ 53 (Nhâm thân). Ngài trụ thế 79 năm và dành suốt 49 năm giảng kinh thuyết pháp cho chúng đệ tử. Sau khi Đức Phật nhập niết-bàn chừng 1000 năm, vào năm 67 sau C.N. (niên hiệu Vĩnh Bình thứ 10), Phật giáo mới chính thức được truyền bá vào Trung Hoa.

Để có được nhận thức toàn diện về Phật học, trước hết chúng ta cần phải biết: Thế nào là Phật? Thế nào là Pháp? Thế nào là Phật pháp? Thế nào là Phật giáo? Những vấn đề

này, đối với những người tu học Phật pháp rất là quan trọng.

Phật là tiếng Phạn (Sanskrit), có nghĩa là *trí huệ, giác ngộ*. Tại sao nay không dùng hai chữ *trí, giác* để phiên âm, mà lại dùng chữ *Phật-đà*? Vì ý nghĩa của chữ *Phật-đà* (Buddha) vô cùng sâu mầu. Từ vựng của hai chữ *trí, giác* trong tiếng Hán không bao hàm hết ý nghĩa trên, do vậy nên phải dùng tiếng phiên âm kèm thêm những giải thích rộng hơn.

Về mặt *thể*, Phật có nghĩa là trí huệ, về mặt *dụng* Phật có nghĩa là giác ngộ. Giải thích trên phương diện *bản thể*, trí huệ có 3 loại:

1. *Nhất thiết trí*: Dùng danh từ triết học hiện đại để giải thích, đó là sự hiểu rõ chính xác tường tận về bản thể vũ trụ, là trí huệ nhận biết toàn thể mọi hiện hữu trong pháp giới. Đó là trí huệ của hàng Thanh văn.

2. *Đạo chủng trí*: *Chủng* là chỉ cho vô lượng vô biên các hiện tượng trong vũ trụ. Các hiện tượng ấy vì đâu sanh khởi, từ đâu đến, quá trình sinh khởi như thế nào? Kết thúc ra sao? Biết rõ việc này gọi là *Đạo chủng trí*, là trí huệ của hàng Bồ-tát.

3. *Nhất thiết chủng trí*: Thấu suốt mọi chân tướng của hết thảy vũ trụ nhân sinh không chút mê lầm. Đó là trí huệ của chư Phật.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có đủ 3 trí huệ này, hoàn toàn thấu triệt thực tướng của nhân sinh và vũ trụ.

Tác dụng của trí huệ là sự giác ngộ lớn lao. Trong kinh, Đức Phật giảng cho chúng ta có 3 loại giác ngộ:

1. *Tự giác*: Tự mình được giác ngộ, không còn chút vọng tưởng mê lầm từ thân, miệng và ý. Các vị A-la-hán và Bích-chi Phật trong truyền thống Phật giáo Tiểu thừa đều đạt được mức độ *tự giác* này, nhưng không phát tâm bồ-đề để giúp cho mọi chúng sinh đều được giác ngộ.

2. *Giác tha*: Là khi mình được giác ngộ rồi, lại giúp cho mọi người đều được giác ngộ như mình. Hàng Bồ-tát Đại thừa đã đạt đến mức độ giác ngộ này.

3. *Cứu cánh viên mãn*: Là khi đã đạt được trọn vẹn hai trình độ giác ngộ trên, đã tự mình giác ngộ và giúp cho mọi chúng sinh đều được giác ngộ. Đó là năng giác ngộ của chư Phật.

Đức Phật dạy rằng đức tướng trí tuệ giác ngộ viên mãn

này tất cả chúng sinh đều tự có đủ. Kinh Viên Giác<sup>(1)</sup> nói rằng: “*Tất cả chúng sinh vốn đã thành Phật từ lâu nay rồi*”<sup>(2)</sup>; và Kinh Hoa Nghiêm<sup>(3)</sup> nói: “*Tất cả chúng sinh đều có sẵn đức tướng trí huệ Như Lai*”<sup>(4)</sup>. Nói cách khác, về bản tánh,

<sup>1</sup> Viên giác kinh 圓覺經; C: yuánjué-jīng; J: engaku-kyō; tên gọi tắt của *Đại phương quảng viên giác tu-đa-la liễu nghĩa kinh* (S: Mahāvaiṣṭvāpūṣṭya-buddhasūtra-prasannārtha-sūtra); Một bộ kinh Đại thừa quan trọng được ngài Giác Cứu (Phật-đà Đa-la; S: Buddhārāta) dịch sang Hán ngữ năm 693. Kinh này gồm 12 chương, lấy tên của 12 vị Đại Bồ-tát làm tên của mỗi chương. Phần nội dung và phần kết thúc bao gồm 12 lần hỏi đáp. Trong kinh này, 12 vị Đại Bồ-tát, trong đó có hai vị Văn-thù và Phổ Hiền, được chỉ dạy về sự viên mãn của Giác ngộ (Viên giác). Kinh này có ảnh hưởng rất lớn trong Thiền tông.

<sup>2</sup> 一切眾生,本來成佛

<sup>3</sup> 華嚴經 (S: Avatamsakasūtra hoặc Gaṇḍavyūha);

Kinh Đại thừa cơ bản của Hoa Nghiêm tông. Kinh nhấn mạnh đến tính vô ngại của mọi hiện tượng và chủ trương rằng, Tâm con người chính là vũ trụ và đồng thể với tâm Phật. Kinh Hoa Nghiêm thuộc hệ Phương đẳng, gồm 81 quyển mà phần dài nhất là phẩm Hoa Nghiêm (S: gaṇḍavyūha). Một phẩm quan trọng khác là Thập địa (S: daśabhūmika). Ngày nay người ta chỉ còn tìm thấy kinh Hoa Nghiêm bản chữ Hán được dịch vào thế kỉ thứ 5, và chữ Tây Tạng.

Bộ kinh này được dịch ra Hán văn dưới ba dạng, bộ 40 quyển của ngài Bát-nhã (S: Prajñā), bộ 60 quyển của ngài Giác Hiền (cũng gọi là Phật-đà Bạt-đa-la; S: Buddhābhadrā), và bộ 80 quyển của ngài Thật-xoa Nan-đà (S: śikṣānanda). Phẩm Hoa Nghiêm – chữ Phạn là Gaṇḍa-vyūha – tương đương với bộ 40 quyển của Pháp sư Bát-nhã nên cũng được gọi là *Tứ thập Hoa Nghiêm*. Gaṇḍavyūha thường được xem là toàn bộ Hoa Nghiêm Kinh (S: Avatamsaka hoặc Buddhāvataṃsaka) bởi vì bộ kinh Đại thừa mang biệt danh Gaṇḍavyūha được xem như là 9 bộ kinh cốt yếu ở Ne-pal. Tại Trung Quốc và Tây Tạng, phẩm Gaṇḍavyūha được gọi là phẩm ‘Nhập Pháp giới’ (入法界; S: dharmadhātupraveśa).

<sup>4</sup> 一切眾生皆有如來德相智慧,但以妄想執著而不能證得

mọi chúng sinh đều bình đẳng với chư Phật, không chút sai biệt. Tuy nhiên, vì chúng ta có quá nhiều vọng tưởng và chấp trước, là cội gốc của mọi bệnh khổ, nên tạm thời chúng ta quên mất tánh Phật, và mãi bị trôi lăn trong luân hồi sinh tử vô tận.

Nếu chúng ta trừ khử được những vọng tưởng chấp trước càng nhiều, thì chúng ta càng mau chóng thoát khỏi khổ đau, và đức tướng trí huệ giác ngộ càng sớm hiển lộ. Một khi chúng ta hoàn toàn thoát khỏi hấn phân biệt vọng tưởng chấp trước, thì chúng ta sẽ nhận ra Phật tánh, sẽ có được trí huệ giác ngộ viên mãn mà ta đã lỡ đánh mất.

Một khi có được trí huệ giác ngộ viên mãn này rồi là chúng ta thực sự nhận ra hết thấy vô tận mọi sự mọi vật trong vũ trụ. Chữ vạn trong vạn vật không thể dùng ngôn từ và con số mà diễn tả được, chỉ có thể hình dung là nhiều cùng cực, là vô lượng của vô lượng.

Trong kinh Đức Phật thường dạy rằng nhỏ như lỗ chân lông trên thân người, hoặc nhỏ như đầu sợi lông (chỉ cho chánh báo), hoặc nhỏ như hạt vi trần (chỉ cho y báo); cho đến

---

<sup>5</sup> s:Dharma; p: Dhamma.

lớn như hư không pháp giới, tất cả đều là đối tượng từ trong tâm giác ngộ của chúng ta. Đức Phật dùng danh từ *Pháp*<sup>(5)</sup> để chỉ cho vạn sự vạn vật này. Chữ *Phật pháp*<sup>(6)</sup> là chỉ cho trí huệ giác ngộ biết rõ hết thấy vô tận vạn vật nhân sinh trong vũ trụ. Người Trung Hoa thường nói là Phật pháp vô biên, vì trí huệ để nhận ra được các hiện tượng này là không có ngăn mé,<sup>(7)</sup> và các hiện tượng trong vũ trụ được nhận biết cũng không có hạn lượng.<sup>(8)</sup> Trí tuệ vô lượng vô biên này chính là năng lực có trong bản tánh của mỗi chúng ta.

Đức Phật dạy rằng: “Năng lực trí tuệ vốn có trong bản tánh các ông và các hiện tượng trong vũ trụ mà các ông nhận biết được là *một* chứ không phải *hai*”.<sup>(9)</sup> Khi chúng ta chiêm nghiệm thật sâu sắc về vấn đề này, nếu thấy lời dạy của Đức Phật là hoàn toàn chính xác, thì chúng ta có thể tin chắc rằng trí huệ giác ngộ là cứu cánh viên mãn. Còn nếu năng lực nhận biết (năng tri) và đối tượng được nhận biết (sở tri) là đối lập nhau thì trí huệ giác ngộ sẽ bị hạn cuộc, khó lòng mà

---

<sup>6</sup> Buddhist Dharma; e: Principle.

<sup>7</sup> 能覺

<sup>8</sup> 所覺

<sup>9</sup> 我門本能的智覺與智覺的對像是一不是二。

được cứu cánh viên mãn.

Đức Phật dạy rằng: năng tri và sở tri, năng giác và sở giác của chúng ta chỉ là một, không phải hai. Đây được gọi là *Nhất chân pháp giới*, cảnh giới chân thật, viên mãn, tối thượng của Kinh Hoa Nghiêm. Cõi Tây phương Cực lạc của Tịnh độ tông cũng thuộc về và không tách rời Nhất chân pháp giới này. Cõi Tây phương Cực lạc này do Đức Phật A-di-đà kiến lập theo bốn nguyện của Ngài, đó là nơi lý tưởng cho những người tu tập phát nguyện vãng sanh để không còn bị luân hồi sinh tử trong sáu đường dữ nữa.

Vào năm Dân quốc thứ nhất (1923), một học giả Phật giáo nổi tiếng là ông Âu Dương Cảnh Vô (Jing Wu Ou-Yang) đã giảng thuyết đề tài: “*Phật pháp không phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, mà là nhu cầu tất yếu của thời đại*” tại trường Đại học Trung Sơn đệ tứ (nay là Đại học Sư phạm Nam Kinh), đã gây chấn động cho mọi giới ở Trung Hoa đương thời. Lời diễn giảng đầy thuyết phục của ông đã góp phần xác định ý nghĩa và quan điểm đúng đắn của Phật pháp.

## Chương 2

# THẾ NÀO LÀ PHẬT GIÁO

---

Vấn đề này sẽ đáp ứng cho những ai muốn có nhận thức sâu hơn về Phật pháp. Phật pháp là nền giáo dục chí thiện, viên mãn nhất mà Đức Phật muốn chỉ dạy trực tiếp cho mọi chúng sinh trong pháp giới này. Nền giáo dục này bao hàm vô lượng vô biên nguyên lý và hiện tượng trong vũ trụ, hơn cả những gì được giảng dạy trong giáo trình của các trường đại học hiện thời. Trên phương diện thời gian, nó bao hàm cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Trên phương diện không gian, nó bao hàm cả những chi tiết nhỏ nhất trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta cho đến các hiện tượng vô cùng vô tận trong vũ trụ. Nên Phật giáo không phải là tôn giáo, mà là nền giáo dục trí huệ để nhận biết rõ toàn triệt nhân sinh và vũ trụ. Học thuyết của Khổng Tử chỉ đề cập đến một đời người, từ khi sinh ra cho đến khi chết. Còn Phật pháp là nền giáo dục thông cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai.

Tại sao nói rằng Phật pháp là nền giáo dục? Thời nay, chữ Thầy và trò chỉ được dùng trong nhà trường. Tuy nhiên,

không những chúng ta gọi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là Bổn sư, và tự xưng mình là đệ tử, mà còn xưng ngài là Đấng cha lành. Điều này không như trong những tôn giáo mà giáo chủ và môn đệ không có mối quan hệ thầy-trò mà chỉ có mối quan hệ cha-con. Đạo Phật xác định rõ Đức Phật là Thầy và chúng ta là những học trò. Các vị Bồ-tát là bạn cùng học đạo chung với chúng ta; các ngài đã từng học với Đức Phật lâu rồi, còn chúng ta là những người mới học.

Lại nữa, Đại đức Tăng hay Ni được gọi là Hòa thượng,<sup>(10)</sup> đó là tiếng phiên âm từ chữ Sanskrit, có nghĩa là vị Thầy gần gũi và trực tiếp dạy đạo riêng cho chúng ta. Chúng ta được hưởng mối quan hệ thầy-trò từ vị Hòa thượng này. Mỗi ngôi chùa hoặc đạo tràng chỉ có một vị Hòa thượng. Người thay mặt Hòa thượng giảng dạy kinh luận cho chúng ta được gọi là A-xà-lê<sup>(11)</sup>. Là vị thầy làm mô phạm cho chúng ta noi theo, từ lời nói cho đến công hạnh. Còn những vị không trực tiếp thân cận dạy dỗ, mà chỉ giảng dạy kinh luận cho chúng ta thì được gọi là Pháp sư. Những thuật ngữ này

---

<sup>10</sup> 和尚 c: He-shang; s: Upādhyāya. Phiên âm là Ô-ba-đa-da 邬波駄耶 dịch là Thân giáo sư. Cựu dịch là Hòa thượng.

<sup>11</sup> 阿闍梨 s: ācārya; p: ācariya; t: slob- dpon. Dịch là Quý phạm sư, Chánh hạnh, Duyệt chúng, Giáo thọ. Trí hiền. Truyền thụ.

mang đặc điểm của nền giáo dục Phật pháp chứ không có trong tôn giáo.

Một ví dụ khác nữa, chúng ta hãy xem xét một cơ cấu tổ chức đạo tràng Phật giáo (Tự viện Phật giáo Trung quốc). Tự viện là một cơ cấu kết hợp cả hai hệ thống giáo dục Phật pháp và nghệ thuật Phật giáo, tương tự như sự kết hợp của nhà trường và viện bảo tàng hiện nay. Đó là hình thức giảng dạy nghệ thuật trong nhà trường. Vậy mà Phật giáo cách đây hơn 3000 năm đã thực sự áp dụng lối giáo dục kết hợp với nghệ thuật ấy rồi.

Cách sắp xếp nhân sự trong các tự viện Phật giáo lại càng giống với các nhà trường hiện nay. Hiệu trưởng cũng giống như Hòa thượng, quyết định mọi nguyên tắc đào tạo, sắp xếp giáo trình và giáo thọ giảng dạy. Giúp việc cho Hòa thượng là ba vị: Thủ tọa, coi sóc về giáo vụ; Duy-na<sup>(12)</sup>, coi sóc về huấn đạo; Giám viện, chịu trách nhiệm tổng quát. Mới biết tổ chức cơ cấu tự viện thực sự là một nhà trường hoàn chỉnh. Thuở xưa, tự viện ở Trung Hoa được gọi là Tùng lâm.

---

<sup>12</sup> 維那 Từ ghép chữ Phạn và Hán; Duy 維 tức là cương duy 綱維, có nghĩa là thống lý. Na 那, xuất phát từ tiếng Phạn karma-dāna (yết-ma đà-na). Cự dịch là Duyệt chúng.

Tùng lâm đích thực là một trường Đại học Phật giáo. Từ cơ cấu tổ chức này, chúng ta được biết rõ hơn Phật pháp đích thực là một nền giáo dục.



### Chương 3

## NHỮNG BIẾN THỂ CỦA PHẬT GIÁO NGÀY NAY

---

Hiện nay, có ít nhất năm hình thái Phật giáo. Hình thái đầu tiên là *Phật giáo truyền thống* như chúng ta vừa đề cập đến. Đó chính là nền giáo dục Phật-đà. Hình thái này ngày nay hiếm thấy. Còn bốn hình thái khác đều đã lệch hướng với hình thái truyền thống này.

Hình thái thứ hai là *Phật giáo tôn giáo*. Mặc dù Phật giáo vốn không phải là tôn giáo, nhưng Phật giáo đã trở thành một *Phật giáo tôn giáo* trong vài trăm năm trở lại đây. Ngày nay thực lòng khó mà phủ nhận hình thái tôn giáo này. Sao vậy? Hình thức bên ngoài của nó đích thực là một tôn giáo. Không còn tìm thấy nữa nền giáo dục của Tùng lâm tự viện. Trong đó, hành giả phải dành suốt 16 giờ một ngày để tu học. Trong đó, việc học gồm 8 giờ để nghe giảng, nghiên cứu, và thảo luận kinh điển. Công phu tu tập gồm 8 giờ, hoặc niệm Phật hoặc ngồi thiền. Sự tu học được nỗ lực liên tục để

tâm ý được thanh tịnh, có được chánh kiến, chánh hạnh và sau cùng sẽ đạt được giác ngộ.

Khi chư tăng ni đã dành 16 giờ trong một ngày để tu học rồi thì không còn thời giờ để tâm phân biệt vọng tưởng sinh khởi nữa, nên sự thành tựu tương đối nhanh chóng. Tiếc thay, hình thái *Phật giáo truyền thống* này ngày nay ít thấy trong những đạo tràng Phật giáo, vì những nơi đó đã bị biến thành nơi lễ bái, cúng dường để cầu phước mà thôi. Nên chẳng ngạc nhiên gì mà người ta xem Phật giáo như là một tôn giáo.

Hình thái thứ ba là *Phật giáo học thuật*. Phật giáo biến thành học thuật, triết học. Hiện tại có một số trường đại học mở phân khoa Triết học Phật giáo, lấy giáo pháp nhà Phật ra làm đối tượng để nghiên cứu. Thật là không thích hợp chút nào. Sao vậy? Vì giáo dục Phật giáo vốn đã là một trường đại học hoàn chỉnh, bao gồm mọi khoa mọi ngành. Nhưng nay lại loại trừ hết, chỉ lấy một môn triết học Phật giáo để giảng dạy. Qua đó, đã bỏ quên một thực tế quan trọng rằng đạo Phật là nhu cầu tất yếu của mọi chúng sinh. Ông Âu Dương Cảnh Vô (Jing Wu Ou-Yang) đã nói rất đúng: "*Phật pháp*

*không phải là tôn giáo, chẳng phải là triết học, Phật pháp là Phật pháp, là nhu cầu tất yếu của mọi con người.*” Sao vậy? Vì giáo pháp này có thể giúp chúng ta giải quyết toàn triệt mọi vấn đề trong sinh hoạt hiện tại, cho đến những vấn đề tương lai, kể cả chuyện sống chết. Giáo pháp nhà Phật rất thâm sâu và bao hàm rất rộng lớn, nên khi chỉ nhìn Phật giáo qua lĩnh vực triết học để nghiên cứu thì thật là một sai lầm. Nhưng hai hình thái Phật giáo *học thuật* và Phật giáo *tôn giáo* này ít gây nguy hại nghiêm trọng cho xã hội. Vì tôn giáo khuyến khích con người làm điều thiện. Triết học giúp truy tìm chân lý và tri thức.

Hình thái thứ tư là *Tà môn ngoại đạo, bóp méo đạo Phật thành một giáo phái*. Hình thái lệch lạc này xuất hiện chừng ba, bốn chục năm trở lại đây. Việc khai thác đạo Phật như là một tà giáo đã đi quá xa. Nhân danh Phật giáo, họ lợi dụng bản tính mềm yếu của con người, họ tạo ra những chiêu bài để lừa bịp người tin, làm thương hại đến mọi người, gây nhiễu loạn cho xã hội. Lôi tuyên truyền và hoạt động của họ nghe rất hấp dẫn và lôi cuốn. Tuy nhiên, nếu chúng ta làm theo họ, tất chúng ta phải chịu đọa đày. Khi chúng ta nhận ra được sai lầm, thì tai họa đã đến bên lưng rồi. Có hối hận

cũng đã muộn. Do vậy, chúng ta phải biết chọn lựa một cách khôn ngoan các pháp mình sẽ thực hành mới mong có được lợi lạc chân thực.

## Chương 4 MỤC TIÊU CỦA NỀN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

---

### I. Hệ thống giáo dục Phật giáo.

Mục tiêu tối thượng của Phật pháp là gì? Đó là đạt được A-nậu-đa-la Tam-miệu tam-bồ-đề, phiên âm chữ *Anuttarā-samyak-sambodhi* từ tiếng Sanskrit, Hán dịch là Vô thượng chánh đẳng chánh giác, có nghĩa là sự giác ngộ chân thực, toàn diện và cao tột. Vì tôn trọng, nên thuật ngữ này vẫn được gọi theo từ gốc của nó chứ không gọi theo dịch nghĩa. Có thể phân tích sự giác ngộ này theo 3 mức độ :

1. Chánh giác.
2. Chánh đẳng chánh giác.
3. Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Đức Phật dạy rằng giới khoa học gia, triết gia, các học giả về tôn giáo có thể đạt đến một trình độ hiểu biết nhất định nào đó về nhân sinh vũ trụ, nhưng sự hiểu biết này

không phải là chân thực và toàn diện. Sao vậy? Mặc dù họ đã có được một số hiểu biết, nhưng họ vẫn chưa thoát khỏi những ràng buộc của những phiền não do tham, sân, si, kiêu mạn, thị phi, ngã nhân.... Nói cách khác, họ vẫn còn là phàm phu, chưa phải là thánh nhân. Do vậy, nên không được gọi là chánh giác. Nếu quả thực họ đã chuyển hóa sạch mọi phiền não do tham, sân, si, kiêu mạn, thị phi, ngã nhân...; thì Đức Phật thừa nhận họ là bậc chánh giác, và được gọi là A-la-hán,<sup>(13)</sup> là quả vị đầu tiên trong tiến trình tu Phật. Chư Phật và A-la-hán khác nhau ở chỗ dụng tâm. A-la-hán cũng dụng tâm như chúng ta, gọi là thức tâm (tâm hư giả, không phải là chân tâm); chỉ khác là chúng ta còn nhiều phiền não, nhưng A-la-hán thì đã hết sạch.

Mức độ giác ngộ cao hơn gọi là Chánh đẳng chánh giác, được đại biểu bởi hàng Bồ-tát. Chư Bồ-tát dụng tâm đồng như chư Phật, nhưng trình độ giác ngộ chưa đồng. Bồ-tát vận dụng chân tâm cũng như chư Phật. Nhưng tâm chư Phật là chân tâm viên mãn, trong khi Bồ-tát còn phải tu tập nhiều

---

<sup>13</sup> 阿羅漢; S: arhat; P: arahat, arahant; T: dgra com pa; dịch nghĩa là Sát tặc (殺賊), là diệt hết giặc phiền não, ô nhiễm; Ứng cúng 應供, là người xứng đáng được cúng dường; Bất sinh 不生 hoặc Vô sinh 無生, là người đã đạt Niết-bàn, đoạn diệt sinh tử.

mới đạt được chân tâm viên mãn như chư Phật.

Trong kinh luận Phật giáo, chân tâm viên mãn của chư Phật được biểu tượng bằng vàng trắng tròn sáng ngày rằm, tâm Bồ-tát được ví như trắng non, tâm A-la-hán ví như vàng trắng phản chiếu trên mặt nước, gọi là cảnh hoa thủy nguyệt, nó hư giả, không thực. Tâm của chư Phật và Bồ-tát tương tự như nhau, đều là tâm chân thật, không chút hư giả, nên được gọi là Sơ trụ Bồ-tát, phá một phần vô minh, chứng được một phần pháp thân. Các vị hoàn toàn sống với chân tâm, tuyệt đối không còn tâm hư vọng, nên gọi chánh đẳng chánh giác.

Ba mức độ giác ngộ này có thể đem so sánh với các học vị trong hệ thống giáo dục hiện nay. A-la-hán tương tự như Cử nhân,<sup>(14)</sup> Bồ-tát tương tự như Thạc sĩ,<sup>(15)</sup> chư Phật tương tự như Tiến sĩ.<sup>(16)</sup> Danh hiệu Phật không chỉ dành riêng cho Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, mà là dành cho tất cả những ai đạt được Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Như vậy, Phật, Bồ-tát, A-la-hán chỉ là danh xưng biểu tượng cho trình độ giác ngộ hoặc là quả vị đạt được trong quá trình tu tập

<sup>14</sup> Học sĩ 學士 ; e: Degraduate Degree.

<sup>15</sup> Thạc sĩ 碩士 ; e: Master's Degree.

<sup>16</sup> Bác sĩ 博士 ; e: Doctorate's Degree.

Phật pháp. Phật, Bồ-tát, A-la-hán hoàn toàn không phải là những vị thần để sùng tín.

Như vậy, Phật là người đã giác ngộ toàn triệt về nhân sinh và vũ trụ, đã đạt đến Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Đây cũng là mục tiêu của nền giáo dục Phật-đà, là giúp cho mọi chúng sinh đều đạt được trí huệ giác ngộ chân thực, toàn diện và cao tột. Cho nên Phật pháp là một nền giáo dục trí huệ.

## II. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo.

Phương châm của giáo dục Phật giáo là triệt để phá trừ mê muội, chuyển hóa mọi mê lầm, đạt đến giác ngộ an lạc; dẹp trừ mọi khổ đau, đạt được sự an tĩnh thân tâm. Thế nào là mê? Khi chúng ta không hiểu đúng đắn và chính xác về mọi hiện tượng quanh mình, chúng ta nhìn sai lạc, suy nghĩ sai lạc dẫn đến hành xử sai lạc, nên đau khổ liên kéo theo như bóng với hình. Tuy nhiên, nếu chúng ta có chính kiến, có cái nhìn đúng đắn và chính xác về các hiện tượng nhân sinh và vũ trụ, thì chúng ta sẽ không còn bị mê lầm từ tư tưởng và hành vi nữa. Mọi kết quả đều rất tốt đẹp. Như vậy, chuyển hóa mê lầm, khai mở trí huệ chân thực chính là *nhân*;

và phá trừ khổ đau, đạt được tâm ý thanh tịnh an vui chính là *quả*.

Chỉ cần phá trừ mê tín là ngay đó được giác ngộ. Đó là mục tiêu của Phật pháp. Trí huệ chân chính này sẽ giúp cho mọi người phân biệt được rõ giữa chính và tà, thật và giả, xấu và tốt. Trí huệ này giúp cho chúng ta có được sự năng động trong cuộc sống và thái độ bao dung thân thiện khi đối xử với mọi người chung quanh. Thế nên chúng ta thấy rõ ràng Phật pháp không thụ động, chẳng phải lỗi thời, cũng chẳng phải cách biệt hẳn với xã hội. Như Đức Phật nói trong *Kinh Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm Thanh tịnh Giác ngộ Bình đẳng* hoặc trong *Kinh Vô lượng thọ*, Phật pháp có khả năng giải trừ tất cả mọi phiền não, Phật pháp giúp cho chúng ta có được lý trí, có được sự hiểu biết lớn lao, hạnh phúc lợi lạc vô biên bằng cách tạo lập cuộc sống lợi ích, gia đình đầm ấm, hài hòa với xã hội, quốc gia hưng thịnh, thế giới hòa bình. Đây là những mục tiêu của giáo dục Phật pháp dành cho thế giới ngày nay. Mục tiêu tối thượng là giải trừ mọi phiền não để không còn phải luân hồi sinh tử trong tam đồ ác đạo nữa. Đó là lợi lạc vô cùng lớn lao, bất khả tư nghì. Do vậy, có thể hiểu rằng Phật pháp là nền giáo dục giúp

chúng ta đạt được thành quả chân thiện mỹ, trí huệ chân thật và an lạc vĩnh hằng.

## Chương 5

# NHẬP MÔN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

### KINH ĐỊA TẠNG

#### I. Đại viên mãn.

Sau khi đã hiểu được mục tiêu và phương châm của nền giáo dục Phật-đà rồi, chúng ta cần phải có nhận thức sâu rộng hơn về Phật pháp. Thế nào là *Pháp*? Đó là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, tất cả giáo nghĩa của chư Phật được chứa trong trong kinh tạng. Những kinh điển này do môn đệ của Đức Phật ghi lại. Kinh điển chính là bộ sách giáo khoa của Phật pháp. Bộ kinh căn bản nhất của Phật giáo Đại thừa là *Kinh Địa Tạng*<sup>(17)</sup>. Có thể xem đây là cuốn giáo khoa thư cho những ai ban đầu học Phật. Trong kinh, chân lý được Đức Phật trình bày rất rõ ràng, không bằng ngôn ngữ mà biểu thị bằng sự phóng hào quang. Kinh mở đầu bằng việc Đức Phật phóng các đạo hào quang to lớn sáng rỡ. Đó là:

<sup>17</sup> Đại nguyện Địa Tạng Bồ-tát Bản nguyện Công đức Kinh; 大願地藏菩薩本願功德經. e: *Original Vow of Earth Treasure Budhisattva Sutra*.

1. Vàng mây sáng rỡ đại viên mãn.
2. Vàng mây sáng rỡ đại từ bi.
3. Vàng mây sáng rỡ đại trí huệ.
4. Vàng mây sáng rỡ đại Bát-nhã.
5. Vàng mây sáng rỡ đại tam muội.
6. Vàng mây sáng rỡ đại kiết tường.
7. Vàng mây sáng rỡ đại phước đức.
8. Vàng mây sáng rỡ đại công đức.
9. Vàng mây sáng rỡ đại quy y.
10. Vàng mây sáng rỡ đại tán thán.

Mặc dù nêu ra 10 đạo hào quang, nhưng không có nghĩa là chỉ có 10. Con số 10 chỉ là một biểu tượng cho tính viên mãn, biểu tượng cho một chu kỳ hoàn chỉnh vô tận.

Đại viên mãn trong Kinh Địa Tạng thì trong *Kinh Vô lượng thọ* gọi là Vô lượng. Không chỉ thọ mạng vô lượng, mà mọi thứ đều vô lượng! Tuy nhiên, trong tất cả hiện tượng vô lượng, mạng sống là quan trọng nhất. Chúng ta có thể có được vô số ruộng vườn, của cải tài sản, nhưng nếu chúng ta không sống thọ, thì làm sao ta hưởng nó được? Do vậy, Tịnh

độ tông dùng chữ *thọ* để biểu tượng cho mọi cái vô lượng. Và trong *Kinh Địa Tạng*, Mười vàng mây Đại quang minh biểu tượng cho ý tưởng này. Một là tất cả, tất cả là một sẽ giải thích rõ ràng ý niệm vô lượng của con người và vũ trụ.

Đức Phật đã đặt nền tảng giáo lý về nhân sinh và vũ trụ vào đâu? Trước nhất là vào Vàng mây sáng rỡ Đại viên mãn. Trong Mật tông Tây Tạng, ý niệm Đại viên mãn chính là Chân như tự tánh như trong Hiển giáo của Phật giáo Trung Hoa. Chân như tự tánh chính là Đại viên mãn. Các hào quang tiếp theo: Vàng mây sáng rỡ đại từ bi, Vàng mây sáng rỡ đại trí huệ. Vàng mây sáng rỡ đại Bát-nhã. Vàng mây sáng rỡ đại tam muội, Vàng mây sáng rỡ đại kiết tường..., tất cả đều viên mãn. Đại viên mãn chính là Chân như tự tánh của chúng ta. Chính từ điểm này mà Đức Phật lưu xuất vô lượng giáo pháp chỉ dạy cho chúng ta. Mọi điều Đức Phật chỉ dạy đều có sẵn đầy đủ trong chúng ta. Đó chính là chân như tự tánh. Mục đích 49 năm thuyết pháp của ngài là để dạy cho chúng ta sống một cuộc đời trọn vẹn và an lạc. Nền giáo dục viên mãn và độc nhất dành cho hết thảy mọi chúng sinh này là rộng lớn, bao quát hơn tất cả mọi hệ thống giáo dục trên thế gian rất nhiều.

Người đời vất vả lao nhọc suốt ngày, điều gì khiến họ thức khuya dậy sớm, làm việc suốt ngày, đến tối mới về nhà? Đó là vì họ mong cầu công danh, của cải tài sản, đặc biệt là sự giàu có. Liệu người ta có chịu tiếp tục làm việc nếu như họ không nhận được tiền bạc hoặc chút danh vọng sau khi làm lụng suốt ngày không? Chắc chắn là không. Đa phần họ sẽ uể oải và không muốn làm nữa. Do vậy, đối với phần đông nhiều người, động lực chính trong cuộc sống là của cải, kể đến là danh vọng.

Chư Phật và Bồ-tát không tham muốn của cải và danh vọng mà các ngài làm việc vất vả hơn chúng ta nhiều. Động lực nào đằng sau công việc dạy dỗ tận tâm chu đáo này mà không mong một sự đáp đền nào cả? Ý nghĩa đó nằm trong Vàng mây thứ hai, Vàng mây sáng rỡ đại từ bi. Cũng giống như người mẹ thương con, nhất là đứa con mới sinh thì càng được thương yêu sâu đậm hơn. Người mẹ thương con với tình thương tự nhiên mà không đòi hỏi điều gì cả. Tình thương này được gọi là lòng từ bi. Tình thương của Đức Phật và Bồ-tát đối với hết thảy chúng sinh cũng rộng lớn, bình đẳng, không một điều kiện nào cả. Đó là do tâm nguyện nhiều đời thúc dục các ngài cứu giúp cho toàn thể chúng sinh.

Cho nên có Vàng mây sáng rõ Đại từ bi theo sau Vàng mây sáng rõ Đại viên mãn.

Để giáo hóa người khác, chúng ta thực hành tu tập và khuyến khích mọi người cùng tu tập như mình. Đó là tâm nguyện thiết tha giới thiệu Phật pháp đến cho mọi người. Động lực gì khiến ta làm như vậy? Vì lòng từ bi. Nhưng nếu ta làm việc ấy vì danh lợi, thì đó thuần túy chỉ là dịch vụ và hoàn toàn sai lầm vì việc ấy phá hủy toàn bộ tinh thần chân chính của đạo Phật.

Đúng vậy, sự hoằng truyền giáo pháp, bao gồm truyền bá kinh luận, nên làm với tinh thần vô điều kiện. Các ấn phẩm mà tác giả giữ bản quyền thường không hợp với chân tinh thần nhà Phật. Mỗi khi tôi được tặng một tác phẩm Phật học nào đó, nếu thấy trang đầu có ghi “*Sách này được giữ bản quyền, mọi hình thức in ấn, sao chép nếu không có sự thỏa thuận sẽ bị truy tố*”, là tôi không đọc sách ấy nữa. Sao vậy? Vì nếu cuốn sách ấy có được chút nào tri thức đúng đắn và lợi lạc, đáp ứng cho mọi người một cách vô điều kiện thì nên cho phép được in ấn rộng rãi. Thật là phí thời gian và công sức để đọc các ấn phẩm giữ bản quyền này. Chỉ những tác phẩm của những ai có tư tưởng rộng rãi, có tấm lòng vì

tha và đã từng trải qua công phu thực hành thì những điều họ dạy hay viết ra mới đáng được đọc và nghiên cứu. Sao ta lại mong những người với tấm lòng hạn hẹp, mưu cầu lợi nhuận mà viết ra những điều hay ho tốt đẹp và xem họ là người trong Đại viên mãn được?.

Tâm từ bi phải được phát khởi trên lý tánh chớ không phải trên cảm tình. Nếu khác đi, sẽ là mê lầm. Trong nhà Phật thường có hai câu nói về tâm từ bi, Từ bi là cội gốc, phương tiện là pháp môn để thích nghi cho mọi căn tánh chúng sinh.<sup>(18)</sup> Câu thứ hai dường như hoàn toàn khác hẳn với câu trên, Từ bi (đề phòng) dính mắc với nhiều tai họa, phương tiện (đề phòng) dẫn đến những việc phi đạo đức.<sup>(19)</sup> Nguyên nhân đằng sau những mâu thuẫn này là nếu chúng ta phát khởi tâm từ bi mà quên đi căn bản lý tánh mà vì tình cảm thì kết quả thường là không mấy tốt đẹp. Do vậy, tâm từ bi thường phải đi liền theo trí huệ, nên Vàng mây sáng rõ Đại trí huệ là đạo hào quang lớn thứ 3 trong 10 đạo hào quang Đại viên mãn. Trí huệ là pháp phương tiện. Chỉ bằng sáng suốt vận dụng vô số phương tiện trí huệ và từ bi thì mới

<sup>18</sup> 慈悲為本,方便為門.

<sup>19</sup> 慈悲多福害,方便出下流.



có thể giúp chúng sinh được giác ngộ và thoát khỏi khổ đau được.

Tiếp theo là Vàng mây sáng rõ Đại trí huệ. Khác nhau giữa Trí huệ bát-nhã và tri thức thông thường là gì? *Kinh Đại Bát-nhã* giải thích rất rõ: “*Bát-nhã vô tri, vô sở bất vi.*” *Vô tri*: không biết, chính là bát-nhã; *Vô sở bất vi*: không có điều gì là không làm được, chính là trí huệ. Nói cách khác, một bên là *thể* và một bên là *dụng*. Trí huệ là tri thức nhận biết mọi hiện tượng trong pháp giới và nhận thức được chân lý toàn triệt. Trí huệ Bát-nhã hay còn gọi là Căn bản trí, có năng lực đoạn trừ vô minh phiền não. Hậu đắc trí là trí huệ có năng lực hiểu biết và giải thích mọi hiện tượng trong vũ trụ. Hậu đắc trí phát sinh từ Căn bản trí. Nếu chúng ta hoàn toàn không chứng nghiệm được gì cả về Đại viên mãn của vũ trụ, thì làm sao ta có thể nói cho người khác nghe được? Người tu hành đạt được trí huệ này được gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Như thiên tông Trung Hoa không nhấn mạnh về độ thứ năm là Thiên định ba-la-mật trong Lục độ mà lại nhấn mạnh Bát-nhã ba-la-mật. Như Lục tổ Huệ Năng trong *Kinh Pháp Bảo Đàn* có nói: “*Các ông đều phải niệm Ma-ha Bát-nhã ba-la-*

*mật-đa*”.<sup>(20)</sup> Mới biết chỗ cứu cánh tu tập của thiên tông là Bát-nhã, chứ không chỉ thiên định.

Chỉ có Bát-nhã vô tri mới có năng lực phá trừ sạch vô minh phiền não. Khi phá trừ sạch vô minh phiền não rồi thì ta mới đạt được tự tánh Đại viên mãn và khôi phục lại được năng lực của tự tánh bản hữu. Từ đó mới khởi tác dụng *không có việc gì là không biết, không có việc gì mà ta không làm được*, vì Đức Phật là bậc toàn trí toàn năng. Vàng mây sáng rõ Đại trí huệ có ý nghĩa rất thâm sâu vi diệu, nên đó chính là Trí huệ cứu cánh viên mãn, cũng chính là Vô thượng chánh đẳng chánh giác mà chúng ta đã đề cập trong nội dung mục tiêu của nền giáo dục Phật giáo ở trước.

Do đâu mà chúng ta có được Trí huệ? Trí huệ vốn có sẵn đầy đủ trong tự tánh của mỗi chúng ta. Nhưng hiện tại nó bị che phủ mất đi. Đức Phật dạy rằng do chúng ta mê nên trí huệ ấy tạm thời bị che mất, chứ không phải bị mất hẳn. Khi giác ngộ thì trí huệ này được khôi phục lại ngay. Thế làm sao để phá trừ mê vọng khôi phục lại trí huệ viên mãn vốn có đầy đủ trong tự tánh chúng ta? Đức Phật có dạy cho chúng ta

<sup>20</sup> 汝等總念摩訶般若波羅密多(法寶壇經).

một phương pháp, gọi là Thiền định. Trong *Kinh Địa Tạng* gọi là Vàng mây sáng rỡ Đại tam muội. Tam muội là phiên âm chữ Samadhi từ tiếng Sanskrit, tiếng Hán dịch là chánh thọ, có nghĩa là thiền định.

Tu tập theo Phật pháp có nghĩa là sửa đổi những suy nghĩ và việc làm sai trái của mình. Đó là sửa đổi lại cho đúng đắn những hành vi sai lầm đã sinh khởi từ lời nói, và từ nhận thức; tức là ba nghiệp xấu từ thân, miệng, ý. Để điều chỉnh lại ba nghiệp này cho đúng đắn, chúng ta sẽ bắt đầu tu tập từ bản tâm, như Thiền tông đã dạy: Tu tập nên bắt đầu từ gốc. Gốc ở đâu? Chính là tâm. Nếu tâm chúng ta chân chính, thì lời nói, hành vi đều chân chính theo.

Trong Phật pháp có rất nhiều pháp môn. Có đến tám vạn bốn ngàn pháp môn (*pháp* là phương pháp, *môn* là đạo học dẫn đến chân lý). Trong đó, pháp môn nào cũng đều khuyến khích tu định. Không chỉ riêng Thiền tông mới chú trọng tu định, mà mọi tông khác đều chú trọng, chỉ khác là không dùng thuật ngữ “*thiền định*” thôi.

Tịnh độ tông gọi đó là nhất tâm bất loạn; Tông Thiên Thai gọi là chỉ quán, Mật tông gọi là tam mật tương ưng. Ba

nghiệp thân, miệng, ý đều tương ưng với chư Phật. Tương ưng chính là thiền định. Chúng ta thấy các tông phái đều có chung mục tiêu. Nên nói: “*Các pháp môn đều bình đẳng, chẳng có cao thấp, đều chung mục tiêu để hướng về.*”<sup>(21)</sup>

Chúng ta có thể chọn bất kỳ pháp môn nào thích hợp nhất với sinh hoạt và phù hợp với trình độ nhận thức của riêng mỗi người. Nhưng điều quan trọng nhất là phải tinh chuyên thật sâu vào một pháp môn. Càng thử tu theo nhiều pháp môn, càng khiến cho chúng ta rối trí; càng rối rắm, càng khó đạt được mục đích. Điều này rất quan trọng, vì thiền định là then chốt trong việc tu tập của nhà Phật. Trong ba môn học giới, định, huệ thì giới dẫn đến định và định dẫn đến huệ. Do vậy, trí huệ Bát-nhã sẽ lưu xuất nhờ thiền định, đó là định từ tự tánh lưu xuất, nên còn được gọi là Vàng mây sáng rỡ Đại tam muội.

Trong mười vàng mây Đại quang minh, năm Vàng mây đầu là biểu tượng cho nguyên lý nền tảng, năm Vàng mây sau biểu tượng cho nguyên tắc và phương pháp. Nguyên lý là nền tảng giáo pháp của Đức Phật. Sau đây sẽ nói về năm

<sup>21</sup> 法門平等,殊途同歸,淨無高下.

nguyên tắc và phương pháp.

Đầu tiên là Vàng mây sáng rỡ Đại kiết tường. Thế nào là kiết tường? Hầu hết trong chúng ta, những gì mình mong muốn mà có được thì gọi là kiết tường. Nếu không đạt được những gì mình mong muốn thì gọi là không kiết tường. Ý nghĩa của kiết tường trong đạo Phật sâu xa hơn nhiều: cùng tận hư không, khắp hết pháp giới, bất kỳ lý luận nào, bất kỳ hiện tượng nào, chúng ta đều biết rõ, hết thủy vạn sự vạn vật chúng ta đều được thọ dụng, đó gọi là Đại kiết tường. Chẳng hạn như khi chúng ta nhất tâm niệm Phật để được vãng sinh về cõi Tây phương Cực lạc với y báo chánh báo trang nghiêm của Đức Phật A-di-đà, chúng ta liền được vãng sanh về cõi giới ấy. Nếu chúng ta muốn được sinh về Hoa tạng thế giới với y báo chánh báo trang nghiêm của Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, chúng ta liền được giác ngộ đồng như Ngài. Đó là bản ý của kiết tường.

Trong thế gian này, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã dùng nhiều phương tiện thích hợp cho từng căn cơ chúng sinh mà thuyết pháp, đó gọi là vô lượng kiết tường. Thứ nhất, Đức Phật thuyết pháp không bao giờ trái với lý chân thật của nhân sinh và vũ trụ. Thứ hai, Đức Phật luôn luôn vận dụng giáo lý

thích hợp với trình độ hiểu biết của chúng sinh. Giả như trình độ người nghe hơi cạn mà giảng pháp quá thâm sâu, họ sẽ tiếp thu không nổi, đó gọi là không kiết tường. Còn nếu trình độ người nghe có phần cao mà giảng pháp quá đơn giản, người nghe chẳng khởi phát đạo tâm, đó gọi là không kiết tường. Cho nên Đức Phật thuyết pháp là hoàn toàn *khế lý khế cơ*, đó gọi là vô lượng kiết tường. Nay Đức Phật không trực tiếp thuyết pháp cho chúng ta, và chúng ta cũng không trực tiếp nghe được Đức Phật giảng nói, nhưng ai cũng đều đạt được những lợi ích chân thực. Đó chính là Đại viên mãn kiết tường.

Ngày nay, mọi người đều truy cầu của cải tài sản, kiến thức, sức khỏe và sống lâu. Đây gọi là phước đức. Nếu Đức Phật khuyên chúng ta nên tu tập theo những gì Đức Phật đã dạy nhưng chúng ta không làm theo, thế là chúng ta đã từ chối giáo lý ấy. Sao vậy? Nếu chúng ta không đạt được những gì mong ước ngay trong hiện tại, thì làm sao ta tin là mình sẽ hưởng được những gì tốt đẹp trong kiếp sau? Thật là xa vời và không chắc chắn. Khi nào chúng ta mới hưởng được phước báo lớn lao như mong ước? Tuy nhiên, nếu chúng ta hưởng được những phước đức ngay bây giờ, có khả

năng chúng ta sẽ tin nhiều hơn những phước báo to lớn mà chúng ta sẽ hưởng được trong tương lai. Chỉ bằng thực hành tu tập Phật pháp, chúng ta mới đạt được tất cả những gì mình mong ước.

Điều này cũng tương tự như cây cối khai hoa kết quả. Chỉ khi nào chúng ta thấy được những chùm hoa tươi đẹp, mới tin là sẽ có nhiều quả tốt. Nếu hoa không nở, làm sao tin sẽ có quả. Do vậy, chúng ta có Vàng mây sáng rỡ Đại phước đức theo sau ngay Vàng mây sáng rỡ Đại kiết tường. Chúng ta phải siêng năng gieo trồng nhân để về sau sẽ đạt được quả.

Phương pháp dẫn đạo tiếp theo được biểu tượng qua Vàng mây sáng rỡ đại công đức. Chư Phật đều đã trải qua thời gian dài cả hàng trăm kiếp tu tập công đức sau khi đã thành Phật. Sao vậy? Một Đức Phật không thể nào cứu độ chúng sinh nếu như các ngài không có phước đức. Phật tử sẽ không tin vào Pháp sư giảng về công đức trong khi chính Pháp sư lại thiếu điều ấy. Tuy nhiên, khi Pháp sư có được phước đức và giải thích rằng nhờ vào tu tập Phật pháp mà có được phước báo ấy thì Phật tử sẽ tin theo lời dạy ngay. Do vậy, chỉ khi một người có phước báo và công đức cùng với trí huệ thì mới có thể cứu độ chúng sinh được. Do vậy, Đức

Phật dạy chúng ta phải tu tập cả phước đức và trí huệ. Tuy nhiên, phước đức khác với công đức ở chỗ là công đức chính là điều giúp chúng ta thoát khỏi luân hồi sinh tử. Chúng ta tạo công đức bằng tu tập ba môn học vô lậu: Giới, Định, Huệ.

Trong quá trình tu tập, chúng ta cần phải có phương pháp. Điểm trọng yếu nhất là cần phải có một tiêu chuẩn. Chúng ta nên y cứ vào tiêu chuẩn là Đại quy y. Đây không có nghĩa là pháp quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Đúng hơn, đó là quay về nương tựa vào Tự tánh Đại viên mãn, gọi là Tam bảo của Tự tánh Đại viên mãn. Đây chính là Vàng mây sáng rỡ Đại quy y.

Vàng mây sáng rỡ Đại tán thán được biểu thị bằng sự truyền dạy Phật pháp cho mọi người và tán thán công đức vô lượng vô biên của tự tánh viên mãn. Phật pháp dạy chúng ta điều gì? Dạy chúng ta chứng ngộ tự tánh viên mãn. Thiên tông thường dạy chúng ta phải nhận ra được mặt mũi của mình là gì trước khi cha mẹ sinh ra. Mặt mũi của mình trước khi cha mẹ sinh ra, tức *bổn lai diện mục* chính là Tự tánh Đại viên mãn. Nền giáo học Phật pháp cũng lấy điểm này làm mục tiêu và phương hướng.

Tóm lại, Đức Phật phóng hào quang trước khi giảng *Kinh Địa Tạng*, hào quang này có vô lượng vô biên ý nghĩa hơn nhiều so với những Vàng mây hào quang Đại viên mãn nói trên. Năm Vàng mây hào quang Đại viên mãn đầu tiên biểu tượng cho *thể* của tự tánh và năm Vàng mây hào quang Đại viên mãn sau cùng biểu tượng cho *dụng* của tự tánh. Mười Vàng mây hào quang Đại viên mãn này bao hàm nền tảng giáo lý Phật pháp và được dạy trong rất nhiều bộ kinh, thường được biểu tượng qua sự phóng quang. Có nhiều Phật tử đọc kinh không hiểu được ý nghĩa chân thật thâm sâu vi diệu của việc phóng quang. Không chỉ trong *Kinh Địa Tạng*, mà các kinh khác cũng lưu xuất từ Đại viên mãn. Chúng ta sẽ được lợi lạc nhiều một khi hiểu được những biểu tượng này.

## II. Đại viên mãn trong Phật giáo Đại thừa.

Thứ lớp tu tập theo Phật giáo Đại thừa được biểu tượng qua hình ảnh bốn vị Đại Bồ-tát, đó là Cửu hoa sơn Địa Tạng Bồ-tát, Phổ đà sơn Quán Thế Âm Bồ-tát, Ngũ đài sơn Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát, Nga mi sơn Phổ Hiền Bồ-tát.

Địa Tạng có nghĩa là kho báu trong lòng đất, biểu tượng cho tâm chúng ta. Không có đất, không có gì sống

được. Thế nên Đức Phật dùng đất như một ẩn dụ cho tâm chúng ta, đó là Đại viên mãn. Xưa nay vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng Bát-nhã, vô lượng kiết tường, vô lượng phước đức, vô lượng công đức. Do vậy, tất cả những gì Đức Phật nói trong kinh đều là vô lượng, đó chính là Đại viên mãn. Hiểu được điều này sẽ giúp cho chúng ta nhận ra được ý nghĩa thâm sâu vi diệu vô cùng trong kinh.

*Kinh Địa Tạng* dạy rằng chúng ta bắt đầu tu học Phật pháp bằng cách thực hành hiếu kính cha mẹ và tôn trọng sư trưởng. Nền giáo dục Đạo Phật lập nền tảng trên hiếu hạnh. Làm sao chúng ta có thể hy vọng ở một người nếu người đó không hiếu kính cha mẹ và không biết tôn trọng thầy mình? Người thầy, dù sở học và năng lực cao đến đâu cũng không thể trao truyền cho học trò nếu như học trò không kính trọng và không muốn nghe.

Do vậy, chỉ khi nào chúng ta có tinh thần tôn sư trọng đạo thì mới thành tựu được mục tiêu học Phật. *Kinh Địa Tạng* là kinh dạy lòng hiếu kính, là điểm tinh yếu của Đại viên mãn. Tất cả mọi sự thành tựu đều bắt nguồn từ kinh này. Ngay từ bây giờ, chúng ta nên mở rộng lòng thương yêu,

hiếu kính cha mẹ và tôn trọng các bậc sư trưởng.

Từ đây, phát tâm rộng lớn một cách bình đẳng, không phân biệt, không chấp trước, cho đến hiếu kính và tôn trọng hết thầy chúng sinh trong hư không pháp giới. Đây là phát nguyện rộng lớn của Bồ-tát Địa Tạng và là pháp môn của Bồ-tát Quán Thế Âm. Thật vậy, nếu không có lòng hiếu kính, thì sẽ không có tâm đại từ bi. Điều này cũng tương tự như khi xây một ngôi nhà, tầng thứ hai phải được xây trên tầng thứ nhất. Khi hiếu kính với cha mẹ và thể hiện lòng từ bi với mọi người, chúng ta đừng nên dựa vào cảm tính, mà phải phát xuất từ lý tánh và trí huệ. Chỉ bằng cách này chúng ta mới đạt được kết quả tốt đẹp.

Vị Bồ-tát thứ ba là Văn-thù-sư-lợi, biểu tượng cho trí huệ; và vị Bồ-tát thứ tư là Phổ Hiền, biểu tượng cho thực tiễn, có nghĩa là đem hiếu kính, từ bi, trí huệ ứng dụng vào sinh hoạt hằng ngày. Nếu chúng ta thực hành những nguyên tắc này khi đối nhân xử thế thì chính chúng ta là những Bồ-tát Phổ Hiền. Pháp môn của Bồ-tát Phổ Hiền chính là pháp môn viên mãn. Nên *Kinh Hoa Nghiêm* nói: “*Không tu hạnh Phổ Hiền, thì không thể nào thành tựu viên mãn Phật đạo*”. Sao vậy? Vì mọi tâm niệm của Bồ-tát Phổ Hiền đều là viên mãn,

mọi hạnh nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền đều là viên mãn. Nếu không có trí huệ viên mãn, thì hạnh nguyện to lớn của Bồ-tát Phổ Hiền khó thành tựu được.

Bốn vị Đại Bồ-tát trên đại biểu cho Phật pháp Đại thừa viên mãn. Do vậy, từ Địa Tạng Bồ-tát, chúng ta học được hạnh hiếu kính, từ Bồ-tát Quán Thế Âm, chúng ta học được hạnh từ bi, từ Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, chúng ta học được đại trí huệ, từ Bồ-tát Phổ Hiền, chúng ta học được hạnh nguyện rộng lớn của ngài.

## Chương 6

# NĂM KHOA MỤC CHỦ YẾU TRONG VIỆC TU HỌC PHẬT PHÁP

---

### I. Ba loại tịnh nghiệp.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã dùng vô số phương tiện tùy thuận mọi căn cơ chúng sinh mà thuyết pháp. Tuy nhiên, bất luận phương tiện nào cũng không tách rời khỏi Đại viên mãn. Nói cách khác, mọi giáo pháp của Ngài đều lưu xuất từ tự tánh. Do đó, mọi pháp môn đều chân thật bình đẳng. Như tinh thần *chủ bạn viên dung* trong Kinh Hoa Nghiêm. Chẳng hạn, nếu như ta xem Đức Phật Thích-ca Mâu-ni là chủ, thì hết thầy chư Phật là bạn. Nếu ta xem Đức Phật A-di-đà là chủ thì Đức Phật Tỳ-lô-giá-na là bạn. Vị Phật nào cũng có thể là chủ và cũng có thể là bạn, vì *chủ bạn viên dung*.

Tinh thần *chủ bạn viên dung* cũng được áp dụng cho hàng Bồ-tát. Nếu như chúng ta nhận Bồ-tát Quán Thế Âm là bản tôn thì chư Phật là bạn. Nếu như chúng ta nhận Bồ-tát Địa Tạng là bản tôn thì Bồ-tát Quán Thế Âm là bạn. Kinh cũng như vậy. Nếu như chúng ta xem *Kinh Vô lượng thọ* là

chủ thì hết thầy các kinh khác đều là bạn. Nếu như chúng ta xem *Kinh Kim cương* là chủ thì *Kinh Vô lượng thọ*, *Kinh Hoa Nghiêm*, *Kinh Pháp Hoa* đều là bạn. Tất cả các kinh điển và chư Bồ-tát đều bình đẳng từ tự tánh. Khi chúng ta chọn được pháp môn nào để tu tập rồi, chúng ta thường tự khen pháp môn của mình là đệ nhất; tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là các pháp môn khác dở hơn hoặc thấp kém hơn pháp môn mình đang tu. Nếu chúng ta quên điều này, chúng ta sẽ bị phạm một sai lầm rất nghiêm trọng, xem như là đã phạm giới. Giới gì? Đó là tự khen mình chê người.

Trong cương lĩnh tu tập, nên quán sát kỹ duyên khởi của *Kinh Quán Vô lượng thọ*<sup>(22)</sup>. Khi người thân của Vi-đề-hy<sup>(23)</sup> phu nhân bị hoạn nạn, bà chua xót thưa cùng Đức Phật: “*Thế gian này tràn ngập khổ đau. Có một quốc độ nào không có khổ đau chăng? Con muốn sanh về cõi nước ấy*”. Đức Phật dùng năng lực thần thông chỉ bày cho bà thấy vô số

<sup>22</sup> *Quán Vô lượng thọ Phật Kinh* 觀無量壽經 do ngài Cương-lương-da-xá (s: Kālayāśas 曇良耶舍) dịch vào đời Lưu Tống. Còn gọi là *Vô lượng thọ Kinh*, *Vô lượng thọ Quán Kinh*, *Thập lực Quán Kinh*, gọi tắt là *Quán Kinh*. Là một trong 3 bộ kinh chính của Tịnh độ tông.

<sup>23</sup> 韋提希, s: Vaidehī, p: Vedehī. Dịch là Tư thắng Phu nhân, Thắng diệu thân phu nhân. Vợ của vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt-đà xứ Trung Ấn Độ, mẹ của vua A-xà-thế.

cõi nước của chư Phật trong khắp mười phương để cho bà chọn lựa. Bà phát nguyện sinh về cõi Tây phương Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà, đó là cõi nước Cực lạc, và thỉnh cầu Đức Phật chỉ dạy pháp tu để được thành tựu bản nguyện.

Đức Phật dạy cho bà trước hết nên tu tập Ba loại Tịnh nghiệp, đây là chánh nhân để thanh tịnh nghiệp chướng mà chư Phật trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đã tu tập và thành chánh quả. Do vậy, Ba loại Tịnh nghiệp là nền tảng trọng yếu trong việc tu tập Phật pháp và là điều cốt yếu để thành tựu Phật quả.

#### 1. Phước trời người:

Là người Phật tử, trước tiên cần phải tu tập Ba loại Tịnh nghiệp (Tịnh nghiệp tam phước). Chúng ta thường nghe trong Kinh Đại thừa thường nói: “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Cần có đủ những tiêu chuẩn nào để được gọi là Thiện nam tử, thiện nữ nhân? Đó là hội đủ mười một điều trong Ba loại Tịnh nghiệp. Như vậy chúng ta thấy những tiêu chuẩn ấy rất cao. *Thiện nam tử, thiện nữ nhân* trong cõi trời và người thì chỉ cần tu tập Tịnh nghiệp thứ nhất là đủ. Trong kinh điển Nguyên thủy chỉ yêu cầu hành giả tu tập Tịnh nghiệp thứ

nhất và Tịnh nghiệp thứ nhì là được; nhưng theo tinh thần Đại thừa, *Thiện nam tử, thiện nữ nhân* phải hội đủ cả Ba loại Tịnh nghiệp. Như chúng ta thấy trong *Kinh Địa Tạng* và *Kinh Vô lượng thọ*, trong kinh dạy rằng người Phật tử phải sống đúng theo mười một điều trong Ba loại Tịnh nghiệp.

Không thực hành dù chỉ một trong mười một điều thuộc Ba loại Tịnh nghiệp đều chưa được gọi là *Thiện nam tử, thiện nữ nhân*. Bất luận Đức Phật giảng dạy điều gì, về phương pháp cơ bản để tu tập hoặc về chân lý của vũ trụ nhân sinh, tất cả đều tương ứng với Đại viên mãn, tất cả đều lưu xuất từ chân như tự tánh, tất cả các pháp đều là Đại viên mãn. Mười một điều trong Tam phước tịnh nghiệp đều là viên mãn trong từng câu chữ.

Phước nghiệp thứ nhất gồm:

1. Hiếu dưỡng cha mẹ.
2. Kính trọng bậc sư trưởng.
3. Tâm từ bi không sát hại mọi loài chúng sinh.
4. Tu tập mười thiện nghiệp.

Trước tiên hãy xem xét hai điều đầu tiên là hiếu dưỡng cha mẹ và tôn trọng sư trưởng. Chữ *hiếu* (孝) trong tiếng



Hán gồm hai phần, phần trên là chữ *lão* (老), có nghĩa là thế hệ đã qua; phần dưới là chữ *tử* (子), có nghĩa là thế hệ tương lai. Hàm ý biểu tượng cho thế hệ đã qua và thế hệ tương lai là *một* thực thể. Là *một* chứ không phải *hai*. Trong lối sống của người Tây phương hiện nay, còn tồn tại một khoảng cách giữa hai thế hệ khiến cho cha mẹ và con cái là *hai* thực thể chứ không phải *một*. Khoảng cách này đi ngược lại với đạo hiếu. Lòng hiếu kính với cha mẹ sẽ xóa khoảng cách ấy.

Quá khứ có chỗ trả về của nó, tương lai có riêng vị trí của nó. Quá khứ không có chỗ khởi đầu, tương lai không có chỗ kết thúc. Vô thủy vô chung nên vốn là nhất thể. Lòng hiếu đạo vượt hẳn thời gian và bao trùm cả không gian. Nói cách khác, chữ hiếu bao trùm cả hư không, khắp cả pháp giới. Vậy thì có ai là người thực hành viên mãn được đạo hiếu này? Chỉ có Đức Phật Như Lai mới có thể làm được. Nếu không chứng được Phật quả, thì chúng ta không thể nào thực hành đạo hiếu đạt đến mức Đại viên mãn.

Hiếu dưỡng có ý nghĩa rất sâu trong Phật pháp. Chữ *hiếu* chỉ cho lý tánh, chữ *dưỡng* chỉ cho đức hạnh. Không

những chỉ lo phụng dưỡng, chăm sóc thân thể cho cha mẹ thôi, mà còn phải biết tôn dưỡng tâm chí của cha mẹ nữa. Càng lo hiếu dưỡng cha mẹ, chúng ta càng phát triển tâm từ bi đối với mọi người rộng lớn hơn. Như trong Giới kinh có dạy: “*Hết thấy người nam là cha mình, hết thấy người nữ là mẹ mình*”.<sup>(24)</sup> Là để phát tâm hiếu rộng lớn đến khắp mọi người trong tận hư không pháp giới. Đó được gọi là *hiếu đạo*.

Kinh điển Đại thừa Phật giáo kiến lập trên nền tảng hiếu đạo, vì đạo Phật là đạo được truyền thụ giữa thầy và đệ tử, nên lấy đạo hiếu làm nền tảng. Nếu không có hiếu đạo thì sẽ không có tinh thần tôn sư trọng đạo. Nếu có người không hiếu kính cha mẹ, thì làm sao họ lại cung kính bậc sư trưởng được. Chúng ta còn có ý định không được tốt; chẳng hạn, tăng bóc xu nịnh thầy giáo để được nhiều điểm. Việc ấy không phải là hiếu kính. *Hiếu* và *kính* phải đi cùng với nhau. Cùng lúc hiếu thuận với cha mẹ, ta mở rộng lòng ra cùng *hiếu* thuận với tất cả chúng sinh và *kính* trọng sư trưởng. Chỉ khi nào nhận ra được chân lý này thì chúng ta mới thực sự hưởng được chân giá trị của hiếu đạo. *Kinh Địa Tạng* là hiếu

<sup>24</sup> 一切男子是我父,一切女人是我母 - Kinh Phạm Võng.

kinh, cho nên chỉ khi nào chúng ta đối xử với cha mẹ bằng tâm hiếu kính thì chúng ta mới có thể khôi phục lại được kho báu vô giá từ trong tự tánh ta được.

Hiếu kính cha mẹ là công đức của tự tánh. Chỉ có công đức của tự tánh (tánh đức) mới khai phát được tự tánh. Đây là điều căn bản nhất trong Ba loại Tịnh nghiệp. Người Trung Hoa rất kính trọng tổ tiên dù đã qua đời đã hàng trăm hàng ngàn năm. Nay họ vẫn tưởng niệm tổ tiên trong những ngày giỗ. Sao vậy? Vì tổ tiên với họ là một thực thể. Không có khoảng cách giữa họ và tổ tiên. Thành tâm tưởng nhớ tổ tiên là hoàn toàn tương ứng với tự tánh. Nếu chúng ta thành tâm tưởng nhớ và kính trọng tổ tiên, chắc chắn là chúng ta sẽ hiếu kính với cha mẹ. Khi chúng ta đã có lòng hiếu kính với cha mẹ rồi, chắc chắn chúng ta sẽ tôn kính các bậc sư trưởng. Đây là tác dụng to lớn của tánh đức.

Nếu như có người không tôn kính các bậc sư trưởng, không nghe lời thầy dạy, đó không phải là người học trò tốt. Làm cho cha mẹ buồn lòng; đó gọi là người bất hiếu. Lại nữa khi chúng ta không hòa mục với anh chị em trong gia đình, khiến cho cha mẹ không vui; đó cũng gọi là người bất hiếu. Khi ra làm việc cùng với người khác, nhất định phải có trách

nhiệm và tuân theo pháp luật, đừng để cha mẹ phải mang tiếng bận lòng. Làm được như vậy là thực hành đúng đạo hiếu, đích thực là viên mãn tốt cùng của tánh đức. Đức Phật dạy chúng ta học đạo khởi đầu từ điểm này. Đức Phật là bổn sư của chúng ta đã từ 3000 năm nay, nếu chúng ta đã tôn kính một bậc thầy từ quá khứ lâu xa như thế, tại sao chúng ta lại không tôn kính bậc thầy hiện nay của mình?

Khi chúng ta đánh lễ trước tượng Phật, không có nghĩa là chúng ta cầu một vị thần linh giúp đỡ, mà chúng ta tôn kính ảnh tượng như là một biểu tượng của vị Bổn sư, do vậy nên chúng ta thể hiện lòng biết ơn đến ngài. Đó là lý do tại sao hàng Phật tử đánh lễ tượng Phật cũng như lạy trước bàn thờ tổ tiên. Trong việc này có một ý nghĩa giáo dục rất lớn và sâu xa, là khi chúng ta chiêm ngưỡng thần vị của tổ tiên, khi chúng ta chiêm bái hình tượng của chư Phật và Bồ-tát, chúng ta càng nhớ đến bổn phận của mình là hiếu thuận với cha mẹ và tôn kính các bậc sư trưởng hơn.

*Kinh Địa Tạng* dạy chúng ta về lòng từ bi sau khi giải thích về Đại viên mãn. Từ bi là điểm thứ ba trong phước nghiệp thứ nhất thuộc về Ba loại Tịnh nghiệp. Từ bi là công

đức của tự tánh (tánh đức) và là một đề mục rất trọng yếu trong việc tu tập Phật pháp. Khi tâm hiếu đạo đối với cha mẹ và tôn kính sư trưởng được mở rộng thì biến thành tâm từ bi. Từ bi là không giết hại mọi loài. Điều này có ý nghĩa rất sâu. Nếu không thông suốt *Kinh Địa Tạng*, ta khó lòng nhận ra được ý nghĩa sâu mầu của việc không giết hại chúng sinh.

Trong tất cả các nghiệp ác, giết hại chúng sinh có hậu quả nghiêm trọng nhất. Sao vậy? Mọi chúng sinh đều có bản tính tham tiếc mạng sống của mình, ai cũng tham sống sợ chết. Tuy nhiên, sát sinh là oan nghiệp báo ứng nhau nhiều đời nay, nhưng nạn nhân hiện thời không biết về điều đó. Họ không nghĩ được rằng: “*Trước đây mình đã giết người này nên bây giờ họ giết lại mình*”. Nếu người bị giết hiểu được điều ấy thì họ sẽ không tức giận người đã giết mình. Thay vì vậy, họ lại nghĩ: “*Bây giờ thì anh giết tôi, được rồi, sau này tôi sẽ giết anh để trả thù*”. Sự trả thù này lặp đi lặp lại trong vòng luân hồi sinh tử vô tận, lòng sân hận càng chất chồng nhiều và mạnh hơn thêm.

Đây là điều nghiêm trọng nhất trong tất cả các nghiệp chướng, và đó là lý do tại sao chúng ta cần phải sớm tu tập tâm từ bi đối với tất cả mọi loài chúng sinh. Có vô số cách để

tu tập tâm từ bi, nhưng trong Ba loại Tịnh nghiệp, Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh không sát hại chúng sinh. Nói cách khác, sát hại chúng sinh là hành vi cực kỳ bất hiếu đối với cha mẹ và bất kính đối với các bậc sư trưởng.

Đức Phật đã dạy chúng ta thực hành Năm giới, điều trước tiên của Năm giới cũng là điều trước tiên trong pháp tu Mười thiện nghiệp, đó là không sát hại chúng sinh. Nếu chúng ta vẫn còn tâm sát hại chúng sinh có nghĩa là chúng ta không làm theo lời Đức Phật dạy và đó là hành vi vô cùng bất kính. Sự bất kính này tương đương như bất hiếu với cha mẹ. Cũng vậy, nếu chúng ta không làm theo những lời dạy này, có nghĩa là chúng ta không có tâm từ bi và cũng chẳng có tâm hiếu đạo.

Điều thứ tư là tu Mười thiện nghiệp, đó là tiêu chuẩn của các thiện pháp trong thế gian. Các tôn giáo và các nền văn hóa lấy tiêu chuẩn này làm nền tảng. Đức Phật dạy chúng ta rằng nếu tu Mười thiện nghiệp này, chắc chắn không bị đọa vào ba đường dữ.<sup>(25)</sup> Thay vì vậy, chắc chắn sẽ được sinh vào cõi trời nếu chúng ta tu tập tinh chuyên. Nếu

<sup>25</sup> Nguyên văn: Tam đồ ác đạo; địa ngục, nga quý, súc sanh.

chúng ta tu tập được thiền định cùng với Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) thì chúng ta sẽ đạt đến cảnh giới cõi trời cao hơn như cõi trời Sắc giới hoặc cõi trời Vô sắc giới.

Mười thiện nghiệp này được xếp thành ba phạm trù: thân, miệng, ý. Thân gồm ba điều: Không sát sanh; Không nói dối; Không tà dâm. Đối với hàng xuất gia, Đức Phật dạy là: “*Không dâm dục*”. Bất luận tu tập pháp nào, công phu thiện hạnh đạt đến cỡ nào, định lực sâu đến mức nào đi nữa mà tâm tham ái chưa trừ sạch, thì chỉ được sinh ở cõi trời Dục giới. Cõi trời này có đến sáu tầng,<sup>(26)</sup> càng lên cao, tham ái càng nhẹ hơn.

Với người tinh cần chân chính tu hành, dù chỉ đạt đến Sơ thiên, họ cũng có thể hàng phục tâm tham ái rồi. Ở tầm mức định lực này, họ đã chuyển hóa toàn bộ ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù; khiến không còn một niệm sinh khởi tác dụng nữa. Tuy nhiên, vẫn chưa hoàn toàn trừ sạch hẳn. Nếu được như vậy, hành giả đã có đủ tư cách sinh vào cõi trời Sơ

<sup>26</sup> Lục dục thiên: 6 tầng trời cõi dục:

1. Tứ đại vương thiên; 2. Tam thập tam thiên; 3. Diêm-ma thiên; 4. Đạo lợi thiên; 5. Hóa tự tại thiên; 6. Tha hóa tự tại thiên.

thiên trở lên. Hiểu được điều này rồi mới biết tu tập thiền định không phải là chuyên dễ. Khi nỗ lực công phu, chúng ta cần phải tự hỏi mình, “*Ta có còn động tâm trước ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù hay không?*” Nếu còn động tâm khởi niệm trước ngũ dục, thì chẳng có chút phần nào ở cõi trời Sơ thiên. Nếu thực sự không còn động tâm, thì mới được gọi là thành tựu thiền định. Nên tuy nhiều người học thiền, nhưng đạt được mức thành tựu thiền định thì không được bao nhiêu. Người đạt được thiền định (chưa đạt được chánh định) thì còn có vài người, nhưng người thực sự đạt được thiền định và sinh vào cõi trời Sắc giới thì không có mấy người.

Điều giới thứ hai là không trộm cắp. Chẳng hạn, ngày nay nhiều người thích tránh thuế lợi tức. Điều này cũng giống như ăn cắp công quỹ quốc gia và quả báo còn nghiêm trọng hơn ăn cắp tài sản cá nhân. Khi ta trộm lấy tài sản cá nhân, ta chỉ mắc nợ một người; nhưng khi ăn cắp tài sản quốc gia là ta đã mang một món nợ không thể nào trả nổi vì như thế là ta đã ăn cắp và nợ của những người đã đóng thuế nhà nước. Chẳng hạn, Hoa Kỳ có dân số chừng hơn hai trăm triệu, là hai trăm triệu chủ nợ! Hãy tưởng tượng hệ quả to lớn của vấn đề!. Do vậy, người tu hành chân chính là người hết

lòng tôn trọng luật pháp và chịu những trách nhiệm chung. Người không vi phạm các giới sát hại chúng sinh, giới trộm cắp và giới tà dâm là người có được thân nghiệp thanh tịnh, đúng là người chân chính học Phật.

Khẩu nghiệp gồm có bốn điều: không nói dối (vọng ngữ), không nói hai chiều (lưỡng thiệt), không nói lời thô ác (ác ngữ), không nói lời hoa mỹ (ý ngữ). Nói dối là cố tình lừa gạt người khác, đó là điều không thành thực. Nói hai chiều là khơi động tính thị phi, trước mặt anh Ất thì nói: “Anh Giáp bảo anh không được tốt”. Trước mặt anh Giáp thì nói: “Anh Ất bảo anh không được tốt”. Nên đã làm cho hai bên giận trách nhau. Khi đã khơi động tính thị phi, dù cố tình hay vô ý đều phạm giới nói hai chiều. Trong xã hội ngày nay, nhiều người phạm phải việc này đến nỗi vấn đề bị bóp méo đi quá xa sự thực. Một câu chuyện hoặc nhận xét có thiện ý trở thành ngược lại chỉ sau khi được thêm thắt đôi điều qua cửa miệng vài người. Điều này có thể gây ra những hậu quả bất hòa nghiêm trọng giữa cá nhân và dẫn đến chiến tranh giữa các quốc gia. Nói lời thô ác là dùng ngôn ngữ thô lỗ, dùng lời mắng nhiếc, xỉ vả người khác, khiến người khác bất bình. Nói lời hoa mỹ có nghĩa là dùng những lời nói nghe rất

êm tai và hấp dẫn nhưng thường ẩn chứa những ý định xấu. Hãy nhìn những phim ảnh, ca nhạc và sân khấu ngày nay, xem qua thấy hay và đẹp nhưng nó lại khiến người ta hành động như thế nào? Nói dối, trộm cắp, giết hại.

Ý nghiệp gồm có ba điều. Ý nghiệp là do khởi tâm động niệm. Do khởi niệm ban đầu mà xếp vào ba loại chính: tham, sân, si. Lòng tham bao gồm cả keo kiệt bủn xỉn, không muốn cho người khác những gì mình có, không muốn chia sẻ kiến thức hiểu biết cho người. Điều này có thể trở thành chướng ngại lớn cho việc tu tập. Đức Phật dạy rằng bố thí là phương pháp để chuyển hóa tâm tham. Nhiều người có thể vượt qua được những cám dỗ thế gian, nhưng họ không thể hàng phục được tâm tham muốn thử tu cho được nhiều pháp môn. Hôm nay muốn thử tu pháp môn này, hôm sau muốn thử tu pháp môn kia. Đó cũng là dạng chưa đoạn được tâm tham. Đức Phật dạy chúng ta hãy đoạn trừ tâm tham, chứ không bảo chúng ta hoán đổi đối tượng tham luyện. Trước đây chúng ta tham thế gian pháp, nay chúng ta lại tham Phật pháp. Tâm tham vẫn còn y nguyên, điều ấy thật sai lầm. Nên đối với Phật pháp lẫn thế gian pháp đều không nên khởi tâm tham ái, vì tham ái là cội nguồn của hết thảy mọi tội chướng.

Kế đến là tâm sân hận. Lòng tham ái không được thỏa mãn sẽ biến thành tâm sân hận và điều này dẫn đến vô cùng phiền não. Tham, sân, si được gọi là Ba món độc phiền não. Xan tham là nghiệp nhân đưa đến quả báo làm nga quý. Do không chuyển hóa được lòng sân hận gây nên bởi không thỏa mãn lòng tham mà chúng sinh bị đọa vào địa ngục. Do ngu si, không có trí huệ mà chúng sinh bị đọa vào loài súc sanh. Phật pháp và pháp thế gian đều có cái thật cái giả, cái chính cái tà, cái thiện cái ác. Người ngu si thì không thể nào phân biệt rõ được sự khác nhau ấy, nên vô tình hoặc cố ý, họ thường nhận lầm cái tà làm chính, cái ác làm thiện.

Ba món độc phiền não này là chướng ngại nghiêm trọng nhất cho sự minh tâm kiến tánh. Đạo Phật, đặc biệt là Thiền tông, các vị cổ đức đều dạy chúng ta tu hành nên dụng công trực tiếp từ căn gốc, từ bốn tâm, có nghĩa là khi chúng ta đoạn trừ sạch tham, sân, si rồi thì chân tâm sẽ tự nhiên hiển lộ. Đó có nghĩa là tu tập trực tiếp từ bốn tâm.

Tu tập ba nghiệp từ thân, bốn nghiệp từ miệng và ba nghiệp từ ý, tất cả tạo thành Mười nghiệp lành. Nếu chúng ta hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, từ bi không sát hại chúng sinh, tu tập Mười nghiệp lành, thì mới được gọi là bậc

*Thiện nhân* ở trong thế gian. Tuy nhiên, còn khó mới được gọi là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*” như trong kinh điển Phật dạy, vì tiêu chuẩn yêu cầu phải cao hơn bốn điều trên. Như thế mới biết tuân thủ theo bốn điều trên không phải là dễ. Thiện là tiêu chuẩn thấp nhất mà chúng ta phải nhận thức rõ đó là điều cần phải thực hành trong khi tu học.

### 2. Phước Nhị thừa:

Phước nghiệp thứ hai là nội dung của giáo lý Phật pháp Tiểu thừa. Gồm có ba điều:

1. Quy y Tam bảo.
2. Nghiêm trì các tịnh giới.
3. Không phạm các oai nghi.

Chúng ta đều biết giáo lý Đại thừa được kiến lập trên nền tảng của giáo lý Tiểu thừa. Cách đây 1300 năm, Phật giáo Tiểu thừa được truyền đến Trung Hoa vào đời Tùy, Đường. Kinh điển được phiên dịch khá hoàn chỉnh (kinh văn tiếng Pāli chỉ có chừng 50 bộ). Nhưng chỉ thịnh thành được một thời gian ngắn. Đến cuối đời Đường thì Phật giáo Tiểu thừa suy vong. Lý do tại sao Phật giáo Tiểu thừa tại Trung Hoa lại thất truyền? Vào thời trước đó, giới học Phật phần

nhiều đã có được nền tảng giáo lý Nho gia và Đạo gia (Đạo gia không phải là Đạo giáo) đủ để thay thế cho giáo lý Tiểu thừa. Thực tế là tư tưởng Nho gia và Đạo gia rất dễ tiếp cận với tư tưởng Đại thừa, do vậy nên người Trung Hoa tiếp nhận Đại thừa rất tự nhiên. Giới học Phật thời xưa đều đọc qua các sách Tứ thư, Ngũ kinh, và tư tưởng Lão Trang, nên họ thâm nhập tư tưởng Đại thừa rất vững vàng. Đó là một nguyên nhân khiến cho Tiểu thừa tiêu trầm. Ngày nay chúng ta tu học tư tưởng Đại thừa mà không đọc kinh điển Tiểu thừa và sách của Nho gia, Đạo gia; việc này cũng giống như xây nhà mà không để ý đến cơ cấu địa tầng, thậm chí tầng thứ nhất cũng không để ý, mà lại xây từ tầng hai. Việc như thế không nên làm vì đó là “*xây lầu các trên không*”. Đó là lý do tại sao chúng ta thấy có rất ít nhân tài trong Phật pháp xuất hiện ngày nay.

Phật giáo Tiểu thừa xây dựng trên nền tảng quả báo ở cõi trời và người, gồm hiếu dưỡng cha mẹ, tôn kính sư trưởng, thực hành tâm từ bi, tu Mười thiện nghiệp. Với nền tảng này, chúng ta hội đủ điều kiện để bắt đầu tu học Phật pháp. Để trở thành người Phật tử chân chính, sau khi đã có được nhận thức cơ bản về Phật pháp rồi, trước tiên chúng ta

cần phải cầu thỉnh một vị Thầy để truyền pháp Quy y Tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Được truyền thọ pháp Tam quy y là việc rất long trọng, nghiêm túc chứ không phải là việc nhỏ. Chúng ta thể hiện tâm quy ngưỡng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và phát nguyện thực hành theo lời dạy của ngài cho đến trọn đời. Từ đây chúng ta có được nguyên tắc tối cao làm tiêu chuẩn để tu sửa hành vi, tư tưởng và lời nói của mình.

Quy Tam bảo là quy y Phật, quy y Pháp, và quy y Tăng. Thời xưa mọi người đều thông hiểu ý nghĩa của Tam bảo. Tuy nhiên, ngày nay nhiều người hiểu sai lạc ý nghĩa này. Khi nghe quy y “*Phật*”, họ nghĩ ngay đến pho tượng. Khi nghe đến quy y “*Pháp*”, họ nghĩ ngay đến cuốn kinh. Nghe quy y “*Tăng*”, họ nghĩ ngay đến quý Thầy, quý ni cô. Lục tổ Huệ Năng của thiền tông đã tiên liệu người đời sau sẽ hiểu sai lạc về ý nghĩa Tam bảo. Do vậy nên khi ngài giảng, Lục tổ không dùng từ Phật, Pháp, Tăng. Thay vì vậy, ngài dùng từ quy y Giác thay cho quy y Phật, quy y Chính thay cho quy y Pháp, quy y Tịnh thay cho quy y Tăng. Đó là chỗ y cứ chủ yếu của người tu hành chúng ta. Chủ yếu là quy y tự tánh *giác*, tự tánh *chính*, và tự tánh *tịnh*. Đó được gọi là Tự tánh Tam bảo. Đây chính là chỗ quy y chân thực của chúng ta.

Nếu ban đầu mà chúng ta bị lầm lạc theo một cá nhân nào đó, thì sẽ còn bị lầm lạc mãi về sau. Như vậy làm sao có thể thành tựu được đạo nghiệp?

Đầu tiên là quy y Phật. Thế nào có nghĩa là “*Quy y*”? Quy có nghĩa là quay về; y có nghĩa là nương tựa. Chúng ta vốn từ nhiều kiếp xưa nay luân hồi sinh tử trong sáu đường, chẳng có nơi quay về để nương tựa, thật đáng thương xót. Đó là do chúng ta không gặp được thiện tri thức, không gặp được Phật. Nay chúng ta đã gặp được Đức Phật chỉ cho con đường từ mê hoặc điên đảo quay về nương tựa vào Tự tánh giác. Vì tự tánh xưa nay vốn là giác ngộ sáng suốt. Nên quy y Phật không có nghĩa là quy y ông Phật bên ngoài, mà đó là quy y Tự tánh Phật. Tịnh độ tông thường dạy: “*Tự tánh Di-đà, duy tâm tịnh độ*”. Đức Phật A-di-đà, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, và chư Phật trong 10 phương ba đời thấy đều biến hiện từ tự tánh Phật. Do vậy, chính là chúng ta quay về nương tựa vào tự tánh Phật hay là tự tánh giác. Nên từ giờ trở đi, chúng ta phải tỉnh giác chứ đừng mê trở lại nữa, mới được gọi là chân chính quy y. Nếu như chúng ta đã quy y Phật rồi, mà còn mê hoặc điên đảo, có nghĩa là chỉ quy y cho có danh mà vô thực, thì chẳng được các vị Hộ pháp gia hộ,

chẳng được sự cảm ứng. Nên chúng ta phải nhận thức thật rõ ràng về ý nghĩa quy y tự tánh giác.

Kể đến chúng ta quay về nương tựa vào Pháp. Pháp là cái nhìn về vũ trụ nhân sinh hoàn toàn phù hợp với chân tướng. Đó là tư tưởng và kiến giải chính xác, đúng đắn nhất. Trong kinh Phật gọi đó là “*chánh tri chánh kiến*” hoặc là “*Phật tri Phật kiến*”. Đó là pháp bảo của tự tánh, không phải từ bên ngoài mà có mà chính là vốn có sẵn từ tự tánh. Đức Phật dạy chúng ta từ cách nhìn, cách suy nghĩ sai lầm nay hãy quay về nương tựa vào chánh tri chánh kiến của Tự tánh giác. Đây chính là quy y Pháp. Đức Phật dạy, đừng tin theo ngài một cách mù quáng mà mình hãy dừng mãi làm một con người tự chủ độc lập, chính mình hãy thể nghiệm chân lý.

Tiếp theo chúng ta quay về nương tựa vào Tăng. Tăng là biểu tượng cho sự thanh tịnh của sáu giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Khi sáu giác quan (căn) tiếp xúc với ngoại cảnh (trần) liền phát sinh sáu thức phân biệt. Phần nhiều sáu giác quan chúng ta bị ô nhiễm khi chúng tiếp xúc với sáu trần. Nếu thấy hài lòng, chúng ta liền khởi tâm tham, đó là tâm ô nhiễm. Khi có điều gì không hài lòng, ta nổi tâm sân



hận, đó cũng là tâm ô nhiễm. Nên nhớ rằng ngũ dục: tài, sắc, danh, thực, thù và thất tình: hỷ, nộ, ái, lạc, ái ô, dục đều là tâm ô nhiễm. Đức Phật dạy chúng ta rằng tự tánh xưa nay vốn thanh tịnh không chút nhiễm ô. Nay chúng ta nên từ những nhiễm ô này quay về nương tựa vào tâm thanh tịnh của chính mình, đó chính là quy y Tăng.

Tóm lại, quy y Phật có nghĩa là tỉnh giác, không còn mê nữa. Quy y Pháp là có nhận thức đúng đắn. Quy y Tăng có nghĩa là thanh tịnh, không nhiễm ô. Đây là Tam bảo của tự tánh mà Đức Phật dạy chúng ta nên tu tập. Đó là Giác, Chánh và Tịnh. Từ nay trở đi chúng ta nên từ bỏ những tập khí trong quá khứ, quay về nương tựa vào Tam bảo. Từ đó, suy nghĩ, hành động, lời nói của chúng ta đều được chân chính.

Khi chúng ta đã quy y một trong Tam bảo, có nghĩa là chúng ta đã đạt được cả hai phương diện kia. Hãy nghĩ xem. Có thể nào một người đã giác ngộ mà còn có những suy nghĩ sai lầm? Làm sao mà người có tâm ô nhiễm và kiến giải sai lầm mà giác ngộ được? Đức Phật chỉ dạy cho chúng ta ba nguyên tắc để khai mở tự tánh vốn có trong mình và để chúng được Phật quả. Cũng tương tự như ngôi chùa có cổng

tam quan, chỉ cần ta bước qua một cửa là đã vào được bên trong rồi!

Thiền tông Phật giáo dùng phương pháp đốn ngộ để khai mở tự tánh. Tuy nhiên, chỉ những hành giả có căn cơ cao và tâm thanh tịnh mới theo được pháp tu này. Chẳng hạn, Lục tổ Huệ Năng của thiền tông thường chỉ dạy cho những đệ tử có căn cơ nhạy bén này.

Các tông phái khác như Tông Thiên Thai, Hoa Nghiêm, Tam Luận, Pháp tướng tông thường dùng những phương pháp tu tập chính kiến để có được tư tưởng, việc làm chân chính theo những nguyên tắc hướng dẫn trong kinh điển. Tức là từ “*Chính*” mà đi vào. Tuy nhiên, pháp tu này đòi hỏi sự tinh cần công phu qua thời gian dài và phải nghiên cứu rất nhiều kinh luận.

Tịnh độ tông và Mật tông<sup>(27)</sup> lại chú trọng đến “*Tịnh*” để nhập đạo, có nghĩa là làm cho tâm ý thanh tịnh. Vào thời mạt pháp, hai pháp môn này rất thích hợp để tu hành. Tuy nhiên, Tịnh độ tông không cần thiết đòi hỏi phải là người có căn cơ bậc cao mới tu được và không cần thời gian lâu dài.

<sup>27</sup> E: Tibetan School.

Do pháp môn này chú tâm vào niệm danh hiệu Phật để được tâm ý thanh tịnh nên dễ thực hành và dễ thành tựu hơn là Mật tông. Lại nữa, các cánh cửa dẫn vào đạo tràng tuy khác nhau, nhưng những cánh cửa ấy đều là lối vào. Do vậy, các pháp môn đều bình đẳng và đều là ba phương pháp đưa đến giác ngộ (**Giác**), hiểu biết Chân chính (**Chính**) và hòa hợp, thanh tịnh (**Tịnh**).

Do vậy, chúng ta cần phải có được sự hiểu biết đúng đắn và rõ ràng về Tam bảo tự tánh, phải biết chọn pháp môn căn bản để tu. Bằng cách này mới được gọi là chân thật quy y. Ngược lại, chúng ta vẫn còn mê mờ về sự quay về và không biết mình thực sự nương tựa vào đâu?

Dù bây giờ chúng ta đã có phần hiểu biết hơn về Tam bảo, nhưng chúng ta vẫn còn mơ hồ không biết thực hành ra sao trong đời sống hằng ngày. Mỗi pháp môn đều có những biểu tượng riêng về Tam bảo. Chẳng hạn như trong tông Hoa Nghiêm, Đức Phật Tỳ-lô-giá-na biểu tượng cho *Phật bảo*, Kinh Hoa Nghiêm biểu tượng cho *Pháp bảo*, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền và 41 vị Đại Bồ-tát là biểu tượng cho *Tăng bảo*. Đó là những biểu tượng mẫu mực cho chúng ta y cứ mà tu học.

Tam bảo theo Tông Thiên Thai gồm Đức Phật Thích-ca Mâu-ni biểu tượng cho *Phật bảo*, *Kinh Pháp Hoa* biểu tượng cho *Pháp bảo*, các vị Bồ-tát đề cập trong kinh biểu tượng cho *Tăng bảo*.

Tam bảo theo Tịnh độ tông gồm Đức Phật A-di-đà biểu tượng cho *Phật bảo*, *Kinh Vô lượng thọ* cùng bốn bộ kinh khác và một bộ luận biểu tượng cho *Pháp bảo*, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền biểu tượng cho *Tăng bảo*.

Chúng ta học lòng từ bi từ Bồ-tát Quán Thế Âm và học tinh thần tu tập chuyên nhất từ Bồ-tát Đại Thế Chí. Chương Pháp tu niệm Phật viên thông của Bồ-tát Đại Thế Chí trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* chỉ cho chúng ta cách mà Bồ-tát Đại Thế Chí đã chuyên tâm tu tập pháp môn niệm danh hiệu Phật từ khi quy y Tam bảo cho đến khi được giác ngộ. Ngài dạy chúng ta phương pháp niệm Phật đúng đắn là thu nhiếp sáu căn và nhất tâm chuyên niệm danh hiệu A-di-đà Phật không gián đoạn.<sup>(28)</sup> Không nghi ngờ, không y lại những phương

<sup>28</sup> . 都攝六根,淨念相續.

tiện khác, chắc chắn tâm sẽ được khai ngộ.<sup>(29)</sup>

Niệm danh hiệu liên tục có nghĩa là niệm câu này đến câu khác không gián đoạn. Đó là bí quyết niệm Phật mà Bồ-tát Đại Thế Chí dạy cho chúng ta, là *không hiệp ly, không hoại nghi, không gián đoạn*.

Cư sĩ Hạ Liên Cư<sup>(30)</sup> có viết trong cuốn “*Yếu quyết tu tập Tịnh độ*”<sup>(31)</sup> rằng: Bồ-tát Đại Thế Chí là Sơ tổ của pháp giới. Vừa đọc qua, cuốn sách này làm cho tôi thích thú vô cùng vì trước đây chưa có ai nghĩ được như vậy. Sau khi hiểu được ý cư sĩ muốn nói, tôi càng thán phục ông ta. Vì trong khắp pháp giới này, Bồ-tát Đại Thế Chí là vị Bồ-tát đầu tiên chuyên tâm tu tập pháp môn niệm danh hiệu Phật.

Khi Đức Phật Thích-ca Mâu-ni thị hiện ở cõi Ta-bà này, bộ kinh Ngài giảng đầu tiên là *Kinh Hoa Nghiêm*. Trong pháp hội này, Bồ-tát Phổ Hiền phát Mười đại nguyện dẫn dắt chúng sinh quy hướng về cõi Tây phương Cực lạc. Như vậy Bồ-tát Phổ Hiền là Sơ tổ của Ta-bà thế giới. Đến đời Đông Tấn, *Kinh Vô lượng thọ* truyền đến Trung Hoa, Đại sư Huệ

<sup>29</sup> 不假方便, 自得心開.

<sup>30</sup> 夏蓮居; c: Xia.

<sup>31</sup> 淨修樓要; e: *Essentials for Practical of the Pure Land School*.

Viễn ở núi Lô sơn lập nên đạo tràng gồm 123 người chuyên tu niệm Phật, nay đã được 1600 năm. Họ chỉ chuyên hành trì theo *Kinh Vô lượng thọ* và chuyên niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Do vậy, ba vị tổ thành lập Tịnh độ tông là Bồ-tát Đại Thế Chí, Sơ tổ của pháp giới; Bồ-tát Phổ Hiền, Sơ tổ của thế giới Ta-bà và Đại sư Huệ Viễn của Trung Hoa.

Khi tôi đến hoàng pháp ở Hoa Kỳ, thầy tôi là Lão sư Lý Bình Nam<sup>(32)</sup> có căn dặn rằng nên truyền bá Tịnh độ tông vào các nước phương Tây. Tôi lập một đạo tràng tại Dallas, Texas và đặt tên là Hoa Nghiêm Liên xã, giống như tên đạo tràng ở Đài Loan, nơi tôi đã giảng *Kinh Hoa Nghiêm* suốt 17 năm. Khi thỉnh tượng Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí từ Trung Hoa về thì thấy các pho tượng quá nhỏ, chỉ cao 4 thước, so với chánh điện cao 21 thước. Tôi liền nghĩ ra tốt hơn nên có một bức tranh thật lớn họa Tam thánh Tây phương để biểu tượng cho sự kiện Tịnh độ tông được truyền bá đến các nước Tây phương.

Lần này trước khi có việc phải rời Hoa Kỳ một ngày, có người gởi đến tặng một quyển Phật tượng, ước nguyện

<sup>32</sup> 李炳南 c: Lee Bing Nan.

rằng tượng Phật sẽ được vẽ ở ngôi chánh điện tại Dallas. Tôi chẳng biết người gởi tặng là ai, cũng chẳng biết nhờ ai vẽ, may nhờ có Cư sĩ Giản Phong trong cơ quan hội đứng ra lo liệu. Khi đến xem, thấy bức tranh sơn dầu vẽ Tam thánh Tây phương, Đức Phật A-di-đà, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Đại Thế Chí thật là bất khả tư nghi! Đức Phật A-di-đà có nét mặt của người Ấn Độ, Bồ-tát Quán Thế Âm có nét mặt của người Trung Hoa, Bồ-tát Đại Thế Chí có nét mặt của người Mỹ. Thật là cảm ứng đạo giao. Người cúng dường đã có cùng ước nguyện như tôi. Hình tượng Bồ-tát Đại Thế Chí, Sơ tổ của pháp giới có nét mặt người Mỹ, biểu tượng cho vị Sơ tổ đã đến nước này, chân thực nói lên Tịnh độ tông đã được truyền bá đến đây. Từ đó, Tịnh độ Học Hội<sup>(33)</sup> do Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đề xướng được thành lập. Lần này không phải ở Trung Hoa mà ở tại Dallas, Mỹ quốc.

Trụ trì thế gian Tam bảo còn được biểu tượng qua ảnh tượng chư Phật, kinh điển và chư Tăng ni. Các biểu tượng ấy nhắc nhở cho chúng ta hãy quay về nương tựa vào Tam bảo tự tánh. Khi chúng ta nhìn thấy tượng Phật, sẽ nhắc nhở chúng ta hãy tỉnh giác chứ đừng mê mờ trong khi ứng xử với

<sup>33</sup> Pure Land Society.

mọi người. Nếu không có sự nhắc nhở hằng ngày này, chúng ta dễ bị vương mắc mãi trong những ham muốn thế gian.

Hằng ngày chúng ta tụng kinh không phải là cầu công đức của chư Phật và Bồ-tát, mà xem đó như là lời nhắc nhở của người khác về cách tu tập tâm ý và cách đối nhân xử thế của mình. Hãy biến *Kinh Vô lượng thọ* thành tư tưởng, lời nói, việc làm của mình hằng ngày. Đó chính là Pháp bảo.

Hình ảnh của chư Tăng ni, là những người xuất gia, dù họ có an trú trong giới luật hay không, đều nhắc nhở cho chúng ta sự thanh tịnh của sáu căn. Thanh tịnh không bị nhiễm ô, đó là công đức của người xuất gia. Đó chính là công đức lợi ích của trú trì thế gian Tam bảo đối với chúng ta. Nên hiểu rằng quy y không phải là quy y cá nhân một Pháp sư nào đó. Pháp sư chỉ là một vị Tăng đại biểu cho Tăng đoàn, là người hiểu rõ ý nghĩa pháp Tam quy và truyền thọ cho chúng ta, dạy cho chúng ta biết từ nay trở đi phải nên nương vào “chánh, giác, tịnh” mà tu hành. Điểm quy hướng của Phật pháp là trí huệ, là trí huệ Đại viên mãn, là Tự tánh Đại viên mãn. Tu tập theo Phật pháp là tu “giác, chánh, tịnh”. Giác có nghĩa là không mê, Chánh là không tà, Tịnh là

không ô nhiễm. Nhưng chúng ta dùng phương pháp nào để tu?

Mặc dù có rất nhiều, có đến tám vạn bốn ngàn, vô lượng vô biên pháp môn. Pháp là phương pháp. Môn là cách thể nhập.<sup>34</sup> Bất luận dùng phương pháp nào, bất luận dùng cách nào, đều phải tu “chánh, giác, tịnh”. Nếu không tu “giác, chánh, tịnh”, thì đó chẳng phải là Phật pháp. Do vậy, pháp môn tuy nhiều, nhưng mục tiêu đều giống nhau, các con đường khác nhau đều dẫn về một mục đích. Các pháp môn đều bình đẳng, không có cao thấp. Chúng ta tu tập theo Tịnh độ tông, Thiền tông hoặc các tông khác. Vì sao? Vì mục đích của các pháp môn ấy đều giống như pháp môn mình đang tu, chỉ khác là họ theo phương pháp không như mình. Giống như khi ta đi xe buýt và người khác thích đi bộ. Ta không thể nói rằng họ sai khi mọi con đường đều dẫn đến mục đích. Họ có tự do để lựa chọn. Khi tôi ở Huntsville, bang Alabama, một học trò hỏi tôi: *Con bối rối vì quá nhiều pháp môn. Thầy khuyên con nên chọn phương pháp nào?* Lúc ấy có một trái bóng đang nằm đó. Tôi chỉ trái bóng và giải thích: Hãy nhìn

<sup>34</sup> 法是方法, 門是門經.

trái bóng kia, trên bề mặt nó có vô số điểm cũng giống như có vô lượng pháp môn tu. Giáo lý là vấn đề tìm ra tâm điểm trái bóng. Anh có thể tìm đến tâm điểm trái banh từ bất kỳ một điểm nào trên mặt trái bóng miễn là anh theo một đường thẳng. Không cần đến hai hoặc ba điểm. Ngạn ngữ xưa có câu: *“Cứ theo đường thẳng là về đến nhà, khỏi cần đi loanh quanh”*. Anh ta hiểu ngay tu học Phật pháp là để nhận ra chân tâm. Khi giác ngộ rồi thì đạt đến cái toàn thể. Do vậy, bất luận chọn pháp môn nào, bí quyết là ở tinh chuyên. Chỉ cần siêng năng tu tập là chắc chắn có ngày thành tựu, sẽ được định, sẽ có huệ, sẽ chúng được tự tánh Đại viên mãn, khiến cho tự tánh tròn đầy hiển lộ.

Công đức thế gian trú trì Tam bảo đối với chúng ta rất to lớn là do vậy. Chư Tăng ni là Tăng bảo, chúng ta nên kính trọng. Chúng ta có thể học hỏi từ những vị có hạnh thanh tịnh cũng như những vị không tuân thủ giới luật và nguyên tắc tu tập. Chúng ta lấy những vị có hạnh thanh tịnh làm mẫu mực và xem những vị sau như là một ví dụ để tránh.

Nếu chúng ta chưa hiểu được quy y Tam bảo không có nghĩa là theo một cá nhân nào đó thì sẽ dẫn đến một hậu quả

rất nghiêm trọng, vì chúng ta sẽ bị đọa vào địa ngục A-tì. Sao vậy? Vì cùng tận hư không, khắp cả pháp giới, vốn chỉ có một tăng đoàn, là một thể thống nhất. Tăng đoàn mà chúng ta đang quy y trong cõi giới này là một phần của toàn thể thống nhất này. Nếu chúng ta quy y và theo chỉ một vị Tăng hoặc Ni, rồi xem vị đó như là thầy duy nhất của mình rồi không còn kính trọng ai khác nữa, làm như vậy có nghĩa là “chia thành bè phái, phân hóa tăng đoàn”. Việc ấy được ghép vào tội “phá hòa hợp Tăng”. Theo Giới kinh, đó là một trong năm tội ngũ nghịch,<sup>(35)</sup> quả báo sẽ bị vào địa ngục A-tì. Năm tội ngũ nghịch là: giết cha, giết mẹ, giết Bồ-tát, A-la-hán, làm thân Phật chảy máu và phá hòa hợp Tăng. Vậy nên rất tệ hại khi chỉ chọn một vị Tăng, ni để quy y chứ không chịu quy y toàn thể Tăng bảo.

Lại nữa, chúng ta chỉ cần quy y một lần. Sẽ không thành tựu điều gì cả nếu lúc này quy y vị này, hồi khác quy y vị kia. Chúng ta có thể nghĩ rằng sẽ có được nhiều sự hỗ trợ nếu theo nhiều Tăng ni, nhưng hãy nhớ câu: **“Phật đất qua sông, còn khó giữ được mình, làm sao độ được người khác”**. Chỉ có quy y tự tánh Tam bảo thì mới chân thật được

<sup>35</sup> E: Five Deadly Offenses.

chư Phật hộ niệm, thiện thần giúp đỡ. Trong số quý vị có mặt hôm nay nếu ai đã quy y mà chưa được hiểu rõ, nay đã nhận thức được rõ rồi thì có thể quy y tự tánh Tam bảo “giác, chánh, tịnh”.

Điều thứ sáu trong Ba loại tịnh nghiệp là nghiêm trì các tịnh giới và luật nghi. Trong tất cả các luật nghi, quan trọng nhất là năm giới căn bản. Thầy tôi trước đây, Chương Gia Đại sư<sup>(36)</sup> có nói: “Tam quy và Ngũ giới rất là cần thiết cho tu tập Phật pháp, quý vị cần phải gìn giữ trong mọi lúc”, và Ngài nói thêm: “Cũng giống như vé xe lửa để đi từ Bắc Đài Loan đến Nam Đài Loan. Từ khi quý vị lên tàu cho đến khi đến nơi, quý vị phải giữ vé ấy. Không được để mất, vì phải trình ra khi quý vị rời ga. Giữ gìn Tam quy Ngũ giới cũng giống như giữ tấm vé ấy vậy”. Ngài còn dạy thêm nếu chúng ta tách rời quy y Tam bảo và giới luật, thì chúng ta sẽ không còn là học trò của Đức Phật nữa.

Năm giới là không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Bốn điều đầu tiên

<sup>36</sup> C: Zhang-Jia.

được gọi là tánh tội.<sup>(37)</sup> Bất luận chúng ta có thọ giới hay không thọ giới, khi phạm các điều này đều là có tội. Không thể nói rằng ai chưa thọ giới thì không có tội khi phạm các điều này. Còn người đã thọ giới rồi mà còn phạm các giới này được xem là phạm tội phá giới.

Tuy nhiên, giới uống rượu và dùng các chất kích thích thì lại khác. Người chưa thọ giới thì không có tội khi uống rượu. Tuy nhiên, người đã thọ giới rồi mà uống rượu thì sẽ phạm giới này. Mục đích của giới này là ngăn ngừa cho ta khỏi phạm bốn tánh giới đầu tiên khi bị ảnh hưởng các chất này. Nên điều này gọi là giá giới. Đây là ví dụ vì sao ta cần phải thông hiểu mục đích chế giới của Đức Phật cùng những tác dụng và lợi lạc của giới.

Vậy nên khi phát tâm thọ giới, cần thiết phải cầu thỉnh một vị Pháp sư giảng giải tường tận về các giới điều, sau đó mình mới biết cách hành trì và cách giữ giới. Tuyệt đối không được tự mình xem các điều giới trong sách luật rồi tự cho đó là trì giới. Phải nên tìm hiểu để biết chính xác rằng khi Đức Phật chế định một điều giới nào là đều có dụng ý tại

<sup>37</sup> 性罪 E: Physical transgressions of the self-nature.

một địa phương nào đó. Phải biết điều giới nào đối với việc tu học của chúng ta rốt ráo có được lợi ích công đức nào? Nên biết mỗi điều giới đều có “khai, giá, trì, phạm”. Trong tình huống nào thì giới ấy được “khai” mà không xem là “phạm”? Trong tình huống nào thì giới ấy phải được “trì” (tuân thủ) mà không được “khai”? Thế nào được gọi là “trì”, Thế nào được gọi là “phạm”? Chúng ta phải thông hiểu rõ ràng. Hiểu rõ giáo lý như thế mới có thể biết cách ứng dụng vào sinh hoạt hằng ngày mà không bị giới luật ràng buộc.

Một số người than phiền rằng có quá nhiều điều giới khiến cho ta dễ phạm. Nói như thế là họ không muốn thọ trì giới luật. Đó là lý do tại sao có nhiều người thích đọc hoặc thích nghe giảng kinh trong khi không thích giữ giới. Chúng ta nên biết rằng giới luật hướng dẫn cho hành vi của chúng ta và là công hạnh của chư Phật. Giới luật là chỗ hành trì của chư Phật, nếu không hành trì giới luật, thì chẳng phải Phật pháp. Nếu không có lễ, Nho gia đã bị tiêu vong rồi. Nếu không có giới luật, Phật pháp đã đoạn diệt rồi. Chỉ tụng kinh suông mà không tu tập theo kinh điển thì chẳng được lợi ích chân thực. Nên trình độ học vấn chân thực là ở chỗ thực hành. Sự thực hành trong Phật pháp chính là giới luật. Giới

luật là quy phạm sinh hoạt đưa đến sự giác ngộ chân chính.

Khi Đức Phật còn tại thế, trong mọi sinh hoạt giảng kinh, thuyết pháp hằng ngày, ngài đều tỏ ra niềm an lạc và bao dung. Chính nhờ niềm an lạc và năng lực ấy mà thu hút được mọi người để giúp họ đến với Phật pháp. Phật pháp tuyệt nhiên không phải là cái gì đó ràng buộc, mà đem đến cho con người niềm vui và an lạc. Sự chế định giới luật là để chỉ cho chúng ta con đường chân chính dẫn đến sự an lạc và cuộc sống thanh thản. Ngày nay có nhiều Pháp sư giảng kinh, nhưng Pháp sư giảng giới luật thì rất ít, gần như chẳng có ai. Tương tự như vậy, người nghe giảng kinh thì nhiều, nhưng người nghe giảng giới luật thì rất ít. Sao vậy? vì nghe nói làm điều này là phạm tội, làm điều kia là đọa địa ngục, nên nghe lần thứ nhất, lần thứ hai không đến nữa, qua ba ngày thì chẳng còn ai nghe. Thật ra giới luật rất là viên mãn, ở chỗ chúng ta phải biết thông hiểu tường tận những điểm “khai, giá, trì, phạm” để vận dụng linh hoạt. Giới luật không phải là những tín điều chết cứng.

Ở Đài Trung có Lão sư Lý Bình Nam, là vị thầy trước đây của tôi. Ngài sống rất thanh đạm nhưng đầy an lạc. Đã mấy chục năm nay, ngày chỉ ăn một bữa, nhưng bất kỳ khi

nào được mời đi ăn buổi chiều, ngài liền nhận lời. Có vài lần, ngài bảo tôi cùng đi; vì tôi đã giữ giới không ăn chiều nên thấy rất lúng túng. Ngài vốn đã biết tôi chỉ ăn một bữa trong ngày, nhưng vẫn ôn tồn bảo: *Cứ đi với tôi! Cứ đi với tôi!* Sau đó, ngài giải thích: *Với suy nghĩ ấy, ông không thể nào làm lợi lạc được cho nhiều người.* Sao vậy? Vì muốn giúp họ, ông phải làm cho họ vui. Ăn chiều không phải là phạm giới mà chính là “khai” giới. Họ mời mình với ý định tốt, nếu mình không đến, họ sẽ cho rằng mình không quan tâm đến tình người. Không những họ khước từ Phật pháp, mà còn nói với người khác là những người học Phật là cao ngạo và xem thường kẻ khác. Có thể họ sẽ bảo người khác xa lánh Phật pháp. Thế nên ông làm mất cơ hội cho nhiều người được biết đến Phật pháp. Điều ấy chẳng khác nào khiến họ tạo nghiệp xấu hay sao!

Do vậy, ngài đã không phạm giới, ngài còn “khai” giới với ý nghĩa là cho người khác sanh tâm hoan hỷ, để giúp cho họ hiểu được Phật pháp tùy theo hoàn cảnh sống của họ. Khi chúng tôi đến, chủ nhà xin lỗi: *Chúng con rất ân hận không biết là Lão sư không ăn chiều.* Chủ nhà rất cảm động khi Lão sư đã đáp lời mời. Chúng ta thấy Phật pháp rất uyển chuyển.



Tuy nhiên, sẽ hoàn toàn khác nếu như Lão sư hoặc người nào đó đã phát nguyện giữ giới này mà còn muốn ăn chiều. Lâu nay tôi theo lời dạy của Sám Vân Pháp sư trì ngọ (ăn ngày một bữa) rất nghiêm. Khi sang Đài Trung theo Lão sư Lý Bình Nam học kinh luận, tôi tiếp nhận thêm được những giáo huấn rất lợi lạc cho sự học đạo về sau.

Cách đây nhiều năm khi tôi còn nhỏ, có người bạn kể cho tôi nghe về cuộc đời anh ta. Chuyện xảy ra vào thời kháng chiến chống Nhật Bản xâm chiếm Trung Hoa. Sau khi Nam Kinh thất thủ, anh ta và hai người nữa bị quân Nhật truy đuổi. Cả ba chạy trốn trong một ngôi chùa do một Lão Hòa thượng trú trì. Lão Hòa thượng cạo tóc cho cả ba người rồi lấy y phục của chư tăng cho họ mặc. Khi lính Nhật Bản tìm đến chùa, họ không thể nào tìm được ba người đang trốn nên bỏ đi. Ba người ấy đã được cứu thoát.

Khi chiến tranh chấm dứt, người bạn ấy trở lại Nam Kinh để đền đáp ơn cứu mạng. Họ mời Lão Hòa thượng đến dự một buổi tiệc rất sang trọng. Lão Hòa thượng thấy bàn tiệc chất đầy thịt gà, vịt, heo, cá. Đến đây họ mới chợt nhớ là Lão Hòa thượng ăn chay! Họ rất bối rối về lỗi lầm của họ và không biết nói sao. Nhưng Lão Hòa thượng xem như không

có gì xảy ra và thân nhiên cảm đũa rồi mời mọi người ngồi vào bàn. Cả ba người đều rất xúc động.

Có phải Lão Hòa thượng đã phá giới chăng? Không! Ngài xử sự như trong kinh dạy, “*Từ bi là gốc, phương tiện là pháp môn*”. Ngài đã vận dụng điều thứ nhất trong Tứ vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả) để làm cho người khác sanh tâm hoan hỷ. Ba người kia xúc động vì phong cách ứng xử của Lão Hòa thượng khi ngài đã không quở trách họ. Ngài đã ứng xử theo cách mà các vị Bồ-tát đã vận dụng các pháp môn để cứu độ chúng sinh. Nếu Lão Hòa thượng tức giận, ngài sẽ phá tan lòng mến mộ Phật pháp nơi ba người ấy, nhưng ngài thừa trí huệ để vận dụng cơ hội này mà giáo hóa họ. Chúng ta thấy Phật pháp Đại thừa rất là uyển chuyển, vì nó thích hợp với mọi căn cơ con người.

Về việc nghiêm trì giới luật, Ngũ giới là trọng yếu trong tất cả mọi giới điều. Phạm vi của giới luật rất là sâu rộng. Chúng ta không chỉ tuân theo những điều giới do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chế định mà còn phải tuân thủ luật pháp quốc gia, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán địa phương nữa. Khi ở Trung Hoa, ta phải tuân thủ luật pháp,

đạo đức xã hội, phong tục, tập quán của Trung Hoa. Khi ở Hoa Kỳ, chúng ta cũng phải hành xử đúng y như vậy. Nói cách khác, giới luật là những nguyên tắc mà ta phải ứng dụng vào trong đời sống hằng ngày. Hiện nay phương tiện giao thông phát triển thuận lợi nên dễ dàng đi từ quốc gia này đến mọi nơi trên thế giới. Đến đâu chúng ta cũng phải theo đúng luật pháp quốc gia, đạo đức xã hội, phong tục, tập quán địa phương ấy. Đó gọi là nghiêm trì giới luật.

Hai ngàn năm trăm năm về trước Đức Phật thị hiện ở Ấn Độ, những giới điều Ngài chế định vào thời ấy đến nay ứng dụng không còn thích hợp nữa, vì phương thức sinh hoạt, sử dụng y phục ở mỗi quốc gia không giống nhau. Như 10 điều mục về y phục trong giới tỳ-khuru, và việc khát thực của chư tăng ở Ấn Độ thời xưa với việc khát thực của chư tăng ngày nay khác nhau rất nhiều. Cho nên ngày nay khi chúng ta tụng giới hãy chú trọng đến ý nghĩa nhắc nhở chúng ta sống đúng tinh thần của giới luật.

Do vậy, khi trì giới, điểm trọng yếu nhất là theo đúng tinh thần, “*Không làm việc ác, siêng làm việc lành*”. “Không làm việc ác” là giới của Tiểu thừa. Là giới tự áp dụng cho riêng mình. Người Trung Hoa gọi điều này là Độc thiện kỳ

thân<sup>(38)</sup>. Khi trì giới này, dù sống một mình không ai thấy, cũng không chút vi phạm, không chút phóng dật. “Siêng làm việc lành” là giới của hàng Bồ-tát, là để hòa nhập với chúng sinh, vì lợi ích cho chúng sinh mà phải thực hành giới này. Giới luật là tiêu chuẩn để phân biệt thiện ác.

Do sự khác nhau về thể chế chính trị, triết học, văn hóa, nên giới luật đã được điều chỉnh và bổ sung thêm khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa. Thanh quy do Thiên sư Bách Trượng soạn vào đời Đường là giới luật được điều chỉnh và bổ sung, vận dụng để thích nghi với địa phương và thời đại. Nhưng tinh thần cốt tủy của giới luật vẫn giữ nguyên. Tương tự như tu chính hiến pháp của các quốc gia. Khi gặp những tình huống mới phát sinh, cần phải sửa đổi, bổ sung một số điều luật, nhưng nguyên tắc chung thì vẫn giữ nguyên. Ở Trung Hoa, các đạo tràng ở mỗi địa phương đều có những thanh quy riêng. Cần phải thích ứng với điều kiện sinh sống của người dân địa phương ấy mới giúp cho họ tu học Phật pháp được. Đây là sự vận dụng để thích nghi. Nếu không thông suốt việc này, Phật pháp khó trường tồn. Nhờ vậy Phật

<sup>38</sup> 獨善其身; E: Attending to one's own moral wellbeing even while alone.

pháp luôn luôn mới mẻ và sinh động, khiến mọi người khắp trên thế giới đều chấp nhận và thực hành theo.

Đức Phật dạy rằng nếu chúng ta an trú trong giới luật thì sẽ có được thân tâm an tịnh, không bị phiền não quấy nhiễu. Có được định lực là nhờ tâm an tịnh. Do vậy giới luật là điều cốt yếu để tu tập. Nếu chúng ta phạm giới, tâm thức chúng ta sẽ bị dầy vò bởi tội lỗi mặc dù không phải chịu một hình phạt nào. Tuy nhiên, dù ta tránh được quả báo ở thế gian nhưng không thể nào tránh khỏi nghiệp báo. Khi thân tâm bị phiền nhiễu, thì không thể nào chú tâm tu tập được. Muốn thành tựu trong tu tập, thân tâm cần phải an định. Nên nói: “*Nhân giới đắc định, nhân định khai huệ*”.

Điều thứ bảy trong Ba loại tịnh nghiệp là: “Nghiêm trì luật nghi”, có nghĩa là chúng ta hành xử nghiêm túc, thích ứng trong mọi hoàn cảnh mà chúng ta đang gặp phải. Chúng ta hành xử một cách thành tâm kính trọng mọi loài chúng sinh, hữu tình cũng như loài vô tình. Đây là phước báo và là nền tảng tu tập của hàng Nhị thừa.

### 3. Phước Đại thừa:

Phước nghiệp thứ ba là nội dung của giáo lý Phật pháp

Đại thừa. Giáo lý Đại thừa được xây dựng trên nền tảng giáo lý Tiểu thừa. Phước Đại thừa có 4 điều:

1. Phát tâm bồ-đề.
2. Tin sâu nhân quả.
3. Thọ trì kinh Đại thừa.
4. Khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ.

Điều thứ 8 là phát tâm bồ-đề. Người Trung Hoa chủ yếu tu tập theo Phật giáo Đại thừa, Phát tâm bồ-đề là lời nói luôn luôn được nhắc đến để khuyến khích mọi người. Bồ-đề là phiên âm chữ *bodhi* từ tiếng Phạn, dịch nghĩa là giác ngộ. Tâm bồ-đề là tâm giác ngộ chân chính, là tâm chân thật không mê vọng, là tâm từ bi, mong đạt được giác ngộ để cứu giúp cho toàn thể chúng sinh. Giác ngộ là biết rõ cuộc đời thực chất là khổ. Đức Phật dạy rằng cả ba cõi thế gian đều là khổ, không những cõi người khổ mà cõi trời cũng khổ. Cái khổ ở cõi người nhiều không có thì giờ kể cho hết được. Nói đơn giản là có tám nỗi khổ ở thế gian: sanh, già, bệnh, chết, sống gặp nghịch cảnh, muốn mà không được, thương yêu phải xa lìa, gặp người mình không ưa.

Người được sinh vào Sắc giới là người có tu tập thiền

định và đã đoạn trừ được năm thứ dục lạc: tài, sắc, danh, thực, thù. Ở cõi trời này không còn chịu khổ do nghịch cảnh như đói khát, bão tố, bệnh dịch... nữa, đó là *khổ khổ*, nhưng vẫn còn chịu sự tàn hoại của thân xác theo thời gian, và khổ do nhận biết rằng không được tồn tại ở cõi trời lâu dài nữa. Với thân thể, có sự hoại diệt theo tiến trình: sinh, già, bệnh, chết. Đối với vạn vật, theo luật vô thường: thành, trụ, hoại, không. Đó là *hoại khổ*.

Cõi trời cao hơn là Vô sắc giới. Ở đây không còn tâm tham dục nữa, không còn thân tướng cũng như tướng nam nữ. Chúng sinh ở đây không còn chịu khổ bởi hoàn cảnh và sự biến hoại nữa. Tuy nhiên, ở đây còn nỗi khổ khi nhận thấy rằng không có gì là vĩnh viễn bất diệt cả, vì chúng sinh ở đó chưa phải đã đạt đến niết-bàn, nên không thể dừng trụ mãi mãi ở cõi giới này. Đó gọi là *hành khổ*.

Ba loại khổ này, ở ba cõi đều có. Nếu chân thực nhận thức được chân tướng của ba cõi là người giác ngộ, tự nhiên sẽ có tư tưởng xa lìa cái khổ để đạt được an lạc. Do vậy, cách hay nhất là thoát khỏi ba cõi: Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Bằng cách nào? Qua thực hành theo lời Phật dạy. Chỉ bằng cách này chúng ta mới chân chính phát tâm bồ-đề và

đạt được giác ngộ.

Tâm bồ-đề được thành tựu nhờ phát Bốn lời nguyện lớn của chư Phật và Bồ-tát:

*Chúng sinh vô biên thế nguyện độ.*

*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.*

*Pháp môn vô lượng thế nguyện học.*

*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.*

Bốn nguyện lớn là điều cụ thể thực tiễn nhất của phát tâm bồ-đề. Trong kinh điển Đại thừa, Đức Phật dạy rằng hàng Nhị thừa, A-la-hán, Bích-chi Phật không phát tâm bồ-đề, chỉ có hàng Đại thừa Bồ-tát mới phát tâm bồ-đề, vì họ mang tâm nguyện cứu độ chúng sinh. Họ không chỉ biết nỗi khổ riêng của họ mà còn muốn cứu giúp cho toàn thể thân quyến, bạn bè và vô lượng vô biên chúng sinh. Tâm bình đẳng cứu giúp tất cả chúng sinh, đó là tâm bồ-đề rộng lớn. *Kinh Vô lượng thọ* nói rằng các vị Bồ-tát là người bạn không mong cầu của chúng sinh. Cho dù quý vị không cầu mong họ đến giúp mình họ vẫn đến. Họ tự nguyện giới thiệu Phật pháp đến cho mọi người và đây là hạnh nguyện thanh tịnh của các Bồ-tát.

Muốn cứu giúp tất cả chúng sinh, trước tiên phải biết cách cứu mình. Để được như vậy trước tiên chúng ta phải vượt qua mọi phiền não. Điều quan trọng đối với chúng ta là thực hiện Bốn lời nguyện lớn theo thứ tự trong bài kệ. Tuy vậy, có người thực hiện lời nguyện thứ ba, tu học nhiều pháp môn trước khi thực hiện lời nguyện thứ hai là chuyển hóa sạch mọi phiền não. Trong bốn nguyện lớn ấy, họ chỉ muốn đạt được hai hạnh nguyện sau cùng là học hết các pháp môn và thành Phật chứ không thực hiện hai hạnh nguyện đầu là chuyển hóa phiền não, cứu độ vô biên chúng sinh. Nỗ lực của họ như vậy cũng giống như xây nhà ba tầng bốn tầng mà không xây tầng hai và tầng trệt của ngôi nhà. Ngày nay có nhiều người tu tập nhưng ít người thành tựu. Sao vậy? Vì họ không biết rằng trước hết cần phải phát nguyện cứu giúp cho tất cả mọi người, vì tâm đại bi này là tiêu chuẩn phát sinh những động lực để tu học. Đây là trọng tâm của lòng từ bi.

Cách đây nhiều năm, khi ban đầu học đạo với thầy tôi là Lão sư Lý Bình Nam, ngài đưa ra ba điều kiện:

1. Từ nay trở đi, chỉ nghe Lão sư giảng dạy, ngoài ra không nên nghe bất luận người nào.

2. Muốn xem kinh Phật hoặc bất kỳ loại sách nào, đều phải có sự đồng ý của Lão sư.
3. Những gì đã được học trước đây xem như không đáng lưu tâm. Phải bắt đầu lại từ đây.

Điều thứ nhất để thanh lọc những gì nên nghe, điều thứ hai là gom lại những gì cần thấy, và thứ ba làm cho tâm ý thanh tịnh. Những yêu cầu xem có vẻ độc đoán và vô lý. Lúc ấy tôi nghĩ: “Thầy thật là cao đạo, độc đoán”. Nhưng sau đó tôi đồng ý các điều kiện ấy và theo học với thầy. Tôi không ngờ rằng những điều kiện này chính là giới luật giúp tôi cắt đứt mọi phiền não. Tâm tôi trở nên thanh tịnh hơn, ít vọng tưởng hơn sau sáu tháng. Phương pháp của thầy đã giúp tôi thực hành hạnh nguyện thứ nhì, chuyển hóa sạch mọi phiền não.

Tôi rất biết ơn Lão sư, mặc dù ngài chỉ yêu cầu tôi tuân theo những điều kiện này năm năm, tôi tự nguyện kéo dài thời gian tu học với ngài đến mười năm. Sau mười năm làm học trò và tuân thủ những điều luật của ngài, tôi đã có được một nền tảng Phật pháp. Từ đó, ngài giải tỏa những điều kiện trước và khuyến khích tôi mở rộng phạm vi nghiên cứu. Nói

cách khác, tôi được phép nghe các thầy khác giảng kinh, thuyết pháp, kể cả những người có tà kiến. Tôi có thể đọc bất kỳ sách nào. Sao vậy? Vì mọi kiến thức đều có ích chớ không nguy hại gì cho tôi vì tôi đã phân biệt được đúng sai, tà chính. Tôi không còn bị người khác lung lạc. Lão sư ví chuyện này cũng như đứa trẻ còn ngây thơ, cần có sự chăm sóc, hướng dẫn của cha mẹ trước khi có khả năng phán đoán và hành xử độc lập.

Bậc thầy tốt là người chân thật có tâm đại từ đại bi. Các ngài kiên nhẫn dạy dỗ và tận tâm tận lực với trách nhiệm của mình. Các ngài tận tâm gìn giữ cho học trò mình không bị ô nhiễm tâm ý. Nên chúng ta rất cần thiết phải gần gũi một vị thiện tri thức. Tuy nhiên, gần gũi không có nghĩa ở sát bên cạnh mà là tuân theo lời dạy của thầy. Thường rất khó gặp được một vị thiện tri thức. Chúng ta chỉ có thể gặp được chân sư sau nhiều đời đã gieo trồng căn lành, phải có đầy đủ phước đức, nhân duyên mới gặp được. Có người nói với tôi rằng: Thật là may mắn khi Thầy đã gặp được chân sư, nay chúng con phải tìm ở đâu để gặp, chúng con phải đi đâu để học đạo? Bậc chân sư ấy chỉ có thể gặp được chứ không thể tìm, và cơ duyên để gặp thì rất hiếm có. Đó là do các duyên

lành đã gieo trồng đến khi chín muồi, nên chúng ta cần phải tích cực gieo trồng căn lành. Nếu chúng ta chưa được gặp những bậc chân sư này, thì hãy noi gương các bậc cổ đức.

Lão sư Lý Bình Nam khiêm tốn bảo tôi rằng ngài chỉ có khả năng dạy tôi năm năm. Ngài khuyến khích tôi tiếp tục theo học với Bổn sư của ngài là Lão Hòa thượng Ấn Quang Pháp sư. Ngài khuyên tôi đừng học theo những người nổi tiếng là học giả, là giới có kiến thức trong Phật pháp nhưng không có được thành tựu công phu tu tập. Ngài nói: *“Không nên học theo Tô Đông Pha thời xưa, cũng không nên học theo Lương Khải Siêu thời nay. Hai vị ấy đều là những người tinh thông Phật học nhưng việc học Phật thì họ hoàn toàn chưa thành tựu”*. Nên ngài khuyên tôi nên học với Ấn Quang Pháp sư, lúc ấy Ấn Quang Pháp sư thực là bậc thiện tri thức mô phạm chân chính. Còn khi không tìm gặp được thiện tri thức thì chúng ta có thể học theo các bậc hiền triết thời xưa. Nhiều người đã thành công theo phương pháp này.

Người Trung Hoa đầu tiên nhận các bậc hiền triết thời xưa làm thầy mình là Mạnh Tử. Ông ta học theo Khổng Tử, là người đã để lại kinh sách cho các thế hệ sau học theo.

Mạnh Tử chuyên tâm học theo lời giáo huấn của Khổng Tử, về sau Mạnh Tử được lịch sử Trung Hoa công nhận là Á Thánh, còn Khổng Tử là Đại Thánh, Chí Thánh. Sau Mạnh Tử, nhiều người đã thành công về mặt học thuật khi theo phương pháp trên. Một điển hình khác là nhà viết sử nổi tiếng đời Hán là Tư Mã Thiên<sup>(39)</sup> với bộ Sử Ký. Ông chỉ học một người là Tả Khâu Minh<sup>(40)</sup> bằng cách chuyên đọc bộ Tả truyện. Ông học cách tu dưỡng đạo đức tinh thần của các nhân vật trong Tả truyện và học tài trí tác văn chương của Tả Khâu Minh, học cho đến khi thành công và được tôn xưng là văn hào của thời đại. Trong nhà Phật có Đại sư Ngẫu Ích đời Minh, là Tổ sư của Tịnh độ tông. Ngài đã xem Đại sư Liên Trì cùng những trước tác lưu lại thế gian của ngài như thầy mình. Ngài hoàn toàn y theo những điều trong đó để tu học mà không theo một ai khác. Hoàn toàn giống như cách Lão sư Lý Bình Nam đã dạy tôi.

Nay quý vị muốn tìm thiện tri thức để tu học, xin đừng

<sup>39</sup> 司馬遷 (135-93. tcn). Nhà tư tưởng, nhà văn, nhà sử học Trung Quốc thời cổ đại.

<sup>40</sup> 左丘明 (?-?) Nhân vật thời Xuân thu Chiến quốc, cùng thời hoặc trước Khổng Tử, từng giữ chức Quốc sử quán. Tác giả của Tả truyện, hay còn gọi là Tả thị Xuân Thu.

theo tôi, tôi chưa có đủ năng lực. Hồi xưa Lão sư Lý Bình Nam khuyên tôi tìm đến Ấn Quang Pháp sư để tu học, nay tôi khuyên quý vị nên chọn vị thiện tri thức tối ưu nhất là Đức Phật A-di-đà và *Kinh Vô lượng thọ* để tu học. Điều quan trọng nhất khi tu tập là chú tâm và chuyên nhất một pháp môn. Được vậy chắc chắn chúng ta sẽ có được định lực và sẽ phát sinh trí huệ. Người tu thời xưa ai cũng phải qua giai đoạn chuyên nhất một pháp môn trong năm năm. Sau đó, mới được phép học rộng vào kinh luận. Lúc ấy, tôi tin chính kiến đã được phát huy và tự nhiên sẽ thông đạt mọi nghĩa lý trong kinh. Nếu chúng ta vẫn còn tâm phân biệt vọng tưởng, trí huệ sẽ không khai phát được, thì dù có học 300 năm, cũng không thể nào hiểu được nghĩa lý sâu màu trong kinh luận.

Tôi tưởng rằng chỉ có Lão sư Lý Bình Nam mới đặt ra ba điều kiện tu học cho tôi thôi, đâu ngờ rằng vào năm 1989, tôi được Pháp sư Diễn Bồi mời sang giảng kinh ở Singapore. Thấy có nhiều người còn trẻ trong đạo tràng, tôi kể cho họ nghe việc tu học của mình trong quá khứ và khuyên họ chỉ nên tu học theo Pháp sư Diễn Bồi. Tôi bảo đảm với họ rằng: *“Chỉ học theo một thầy, chắc chắn sẽ thành công”*.

Sau buổi giảng, Pháp sư Diễn Bồi mời tôi dùng trà, Pháp sư nói rằng khi ngài còn là chú Sa-di nhỏ, thầy của ngài là Pháp sư Đệ Nhàn cũng đã đặt ra ba điều kiện yêu cầu ngài tuân theo khi học đạo. Tôi mới hiểu là ba điều kiện ấy không phải là phát kiến của một cá nhân nào, mà cổ đức đã lập ra để dạy cho đệ tử từ xưa nay rồi.

Nay tôi mới nhận ra được ý nghĩa của Sư thừa<sup>(41)</sup>, kế thừa truyền thống đạo học từ thầy. Khi thầy thấy đó là một học trò tốt, thầy mới trao cho ba điều kiện ấy. Trước tiên là bung tai, bịt mắt lại để phiền não không xâm nhập vào được, Khi ta đã gạn lọc được những vướng mắc rồi và có được chút ít trí huệ thì mới được phép học các pháp môn khác. Do vậy, học vô lượng pháp môn được xếp thứ yếu sau khi đã chuyển hóa được phiền não.

Điều khó khăn sẽ xảy ra nếu chúng ta thích học rộng vào lúc ban đầu. Giống như nghe lời giáo huấn từ một thầy và bắt đầu tu tập theo. Rồi lại nghe lời giáo huấn từ một vị thầy thứ hai và như thế chúng ta đối diện trước hai con đường dẫn đến hai hướng khác nhau. Với ba vị thầy, chúng

<sup>41</sup> 師承 ; e: Inheritance of the tradition from the master.

ta sẽ gặp một ngã ba và với bốn vị thầy, chúng ta sẽ bị kẹt ở ngã tư đường mà không biết phải đi đường nào. Do vậy, điều quan trọng là một lúc chỉ nên theo một thầy. Đọc sách truyện về các vị cổ đức, cao tăng, cư sĩ thời xưa, ta thấy họ đều theo học với thầy hai ba chục năm cho đến khi được khai ngộ rồi mới rời thầy đi các nơi tham học với các vị thầy khác.

Nền giáo dục Phật giáo và giáo dục thế gian có quan niệm và phương pháp không giống nhau. Chẳng hạn, trong trường đại học, phải cần rất nhiều thời gian và rất thận trọng khi chọn lựa phân khoa để theo học. Giáo dục Phật giáo thì khác hẳn. Ở đây chúng ta chỉ mong khai sáng trí huệ viên mãn trước tiên rồi trong tương lai chúng ta sẽ thông đạt toàn thể mọi điều. Nhưng cách học đó bắt đầu từ đâu? Bắt đầu từ thâm nhập một pháp môn nào đó. Như nói: “Thông đạt một bộ kinh, là thông suốt tất cả kinh điển”. Thông đạt có nghĩa là gì? Có nghĩa là có được trí huệ.

Giáo dục ngày nay cũng giống như xây dựng một kim tự tháp. Đầu tiên họ học rất rộng, về sau khép dần vào sự tinh chuyên một bộ môn. Đây là một cách học từ rộng đến tinh và sâu. Nhưng bất luận kim tự tháp có cao và rộng bao nhiêu,



thì nó vẫn có đỉnh điểm của nó. Giáo dục Phật giáo thì khác hẳn, giống như cây có rễ, thân, cành, lá và hoa trái. Đó là một tiến trình dài vô hạn, bắt đầu từ một điểm là rễ và rồi phát huy thành tự tánh Đại viên mãn. Kết quả là chúng ta hiểu được mọi điều. Tri thức thế gian có hạn chế là khi học đến chỗ tột cùng rồi không có cách để đột phá nữa, không có cách nào để thăng hoa. Còn giáo dục Phật giáo thì rất cao minh, vượt hẳn mọi tri thức trung bình ở thế gian. Phật pháp xem có vẻ bình thường lúc đầu nhưng sự thành tựu về sau thì bất khả tư nghì. Ngược lại, cái học thế gian ban đầu rất rộng nhưng sự thành tựu về sau lại không đáp ứng được lâu dài.

Tu tập theo Bốn lời nguyện lớn, cuối cùng chúng ta sẽ khai mở được tự tánh bản hữu. Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Thiện Tài Đồng tử (Sudhana), là mẫu mực cho sự tu tập của chúng ta, ngài không những chỉ bày cho chúng ta lý luận và phương pháp tu học mà còn chỉ cho chúng ta cách ứng dụng các nguyên lý ấy vào trong đời sống hằng ngày. Vị thầy đầu tiên của Thiện Tài Đồng tử là Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, đã dạy Thiện Tài Đồng tử hãy theo ba điều kiện tu học mà tôi đã nói ở trước, đoạn trừ sạch phiền não, và tu tập ba môn học vô lậu giới, định, huệ. Sau khi Thiện Tài Đồng tử khai phát được trí

huệ rồi, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi mới cho phép ngài đi tham học rộng rãi các pháp môn bằng cách đi đến cầu thỉnh 53 vị thiện tri thức đại biểu cho mọi tầng lớp và thành phần trong xã hội chỉ dạy cho.

Vị mà Thiện Tài Đồng tử đến tham học sau cùng là Bồ-tát Phổ Hiền, ngài đã dạy cho Thiện Tài Đồng tử Mười nguyện lớn, ngài khuyên Thiện Tài Đồng tử nên đến Tây phương Cực lạc diện kiến Đức Phật A-di-đà, khi đến được cõi đó mới thành tựu viên mãn Phật đạo vô thượng. Nếu chưa vãng sinh ở cõi Tịnh độ và chưa diện kiến Đức Phật A-di-đà, thì chúng ta chỉ mới làm được nguyện thứ hai và ba là chuyển hóa sạch phiền não và học các pháp môn chứ chưa thành tựu Phật đạo vô thượng.

Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, theo viên giáo, cả Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền đều đã đạt đến hàng đẳng giác Bồ-tát, và cả hai vị đều phát nguyện vãng sinh về Tịnh độ. Tôi rất sung sướng khám phá ra điều này khi giảng về *Kinh Hoa Nghiêm*. Cảnh giới Hoa Nghiêm là của hàng đẳng giác Bồ-tát, cõi nước đó kỳ diệu biết bao. Tôi ngạc nhiên không hiểu các ngài vãng sinh về Tây phương Cực lạc làm gì?

Dường như không cần thiết cho lắm? Sau khi suy nghĩ như vậy, tôi mới biết là các ngài phát nguyện về đó để có thể thành tựu Phật quả chỉ trong một thời gian ngắn. Nếu không phải vậy, thì chẳng có nguyên do nào để đến cõi Tịnh độ của Đức Phật A-di-đà.

Đột nhiên, tôi nhận ra rằng nếu chúng ta muốn thành tựu giác ngộ viên mãn, thì nên phát nguyện sinh về Tây phương Cực lạc. Chỉ nhờ thông hiểu được phẩm Phổ Hiền Bồ-tát hạnh nguyện trong *Kinh Hoa Nghiêm* chúng ta mới chân thực biết cách tu tập theo Phật giáo Đại thừa. Và khi chúng ta đã thực sự hiểu được, đã thức tỉnh và phát tâm bồ-đề, cuối cùng chúng ta sẽ thoát khỏi được mọi chấp trước phiền não.

Điều thứ 9 của Ba loại tịnh nghiệp là tin sâu nhân quả. Ban đầu khi mới tu tập, tôi rất nghi hoặc khi đọc câu này trong *Kinh Quán Vô lượng thọ*. Sao vậy? Dường như có hàm ý rằng Bồ-tát chưa hiểu rõ về luật nhân quả. Nếu chúng ta hiểu rằng nhân lành sẽ dẫn đến quả lành và nhân xấu sẽ dẫn đến quả xấu, tại sao một vị Bồ-tát lại không hiểu được điều ấy? Nay trong kinh lại khuyến khích các Bồ-tát phải tin sâu vào nhân quả. Thật tôi không thể nào hiểu nổi!

Cho đến khi đọc kỹ *Kinh Hoa Nghiêm* đến phẩm Thập địa, đột nhiên bùng lên ánh sáng. Tôi nghĩ rằng: “*Từ vô thủy đến nay, hàng Thập địa Bồ-tát đều không rời pháp môn niệm Phật*”. Và tôi nhận ra rằng Bồ-tát từ Sơ địa đến thập địa cho đến hàng Đẳng giác Bồ-tát đều tu tập pháp môn niệm Phật. Rồi tôi nhận ra rằng: “*Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả*”. Sợ rằng nhiều Bồ-tát chưa nhận ra điều này, nên Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mới giảng kỹ trong kinh. Có một sự xác tín mạnh mẽ trong câu trên nên đã khuyến khích Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền, Thiện Tài Đồng tử đều phát nguyện sinh về cõi Tịnh độ. Đó là nhờ tôi nghiên cứu và giảng *Kinh Hoa Nghiêm* mà hiểu ra được điều này. Thật vậy, rất khó mới có được nhận thức như vậy.

Điều thứ 10 trong Ba loại tịnh nghiệp là thọ trì kinh luận Đại thừa. Kinh điển Đại thừa giúp cho chúng ta nhận thức được chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Với nhận thức này, chúng ta mới biết được cách suy nghĩ đúng đắn và hành xử cũng như ứng dụng chính xác và thích hợp. Chỉ khi nào thực sự khế hợp với giáo lý trong kinh, thì chúng ta mới có được lợi lạc. Là người tu tập, ít nhất chúng ta cần phải tụng niệm những điều ấy vào thời khóa buổi sáng và thời khóa

buổi chiều. Mục đích của thời khóa buổi sáng là nhắc nhở chúng ta bắt đầu một ngày trên nền tảng của lời Phật dạy. Mục đích của thời khóa buổi chiều là quán chiếu lại xem chúng ta đã thực hiện lời dạy ấy như thế nào, nếu thấy chưa được, thì phải sớm sảm hối và nguyện sẽ sửa đổi.

Trong các thời tụng niệm, người tu tập theo Tịnh độ tông thường tụng *Kinh A-di-đà* và trì chú vãng sanh ba biến rồi niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Càng niệm danh hiệu Phật nhiều bao nhiêu thì càng có kết quả bấy nhiêu. Phép tu tập nhất tâm này áp dụng cho cả buổi sáng cùng buổi chiều. *Kinh A-di-đà* thấy có vẻ đơn giản nhưng rất vi diệu. Để tụng kinh được lợi lạc, chúng ta cần phải có tâm thanh tịnh.

Nay tôi giới thiệu *Kinh Vô lượng thọ*, dễ hiểu về ngôn ngữ cũng như nghĩa lý. Do nhiều người bận quá nhiều việc, tôi đề nghị chỉ tụng phẩm thứ sáu vào thời khóa buổi sáng, trong đó gồm 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà. Đó là yếu quyết của Phật giáo Tịnh độ tông vì mọi người tu đều phải phát lòng từ và bốn nguyện như Đức Phật A-di-đà. Vào thời khóa buổi chiều, tôi đề nghị tụng phẩm 32 đến phẩm 37, trong đó Đức Phật dạy chúng ta cách không làm các việc ác, siêng làm các việc lành và cách tiếp nhân xử thế trong đời

sống hằng ngày. Nếu chúng ta tu tập theo ít nhất sáu phẩm này, là đã giữ được giới rồi.

Khi tu tập, chúng ta thường nên quán tưởng Đức Phật A-di-đà và thực hành theo lời dạy trong sáu phẩm kinh này. Chúng ta có tâm nguyện, hiểu biết và hành xử như Đức Phật A-di-đà thì chính chúng ta là Phật A-di-đà. Nhưng nếu ta tụng kinh niệm danh hiệu Phật theo cách khác mà không áp dụng theo những nguyên tắc trên thì mọi gắng sức của chúng ta đều vô ích. Sự phối hợp của hai thời khóa công phu tụng niệm được chư Tổ đề ra từ thời xưa và đã được chứng minh là có hiệu quả, do người tu tập thời đó hiểu rõ hơn những gì họ đang tụng niệm. Những thời khóa công phu tụng niệm này nhắc nhở mình cư xử theo phong cách của người chân chính nên ngăn ngừa được những việc bất thiện. Ngày nay, người tu chỉ tụng kinh với tâm lơ đãng, như trẻ con tập hát cho đúng âm đúng điệu, nhưng chẳng hiểu nghĩa. Chỉ khi nào chúng ta hiểu được mục đích và phương pháp niệm Phật tụng kinh thì chúng ta mới có được kết quả tốt đẹp.

Thầy tôi, Lão sư Lý Bình Nam thường dạy rằng khi nghe giảng pháp, nên chú tâm để hiểu nguyên lý trong kinh

chứ đừng để ý đến ngôn từ. Những nguyên lý này xuyên suốt mọi giáo lý Phật pháp và tri thức thế gian, người nào đã thông suốt nghĩa lý của một bộ kinh thì có thể vận dụng hiểu biết ấy để thông đạt được hết thảy mọi bộ kinh. Nói cách khác, học Phật phải nên chú tâm theo đúng phương pháp do thầy mình dạy và toàn tâm toàn ý không để bị thu hút bởi bất kỳ cái mới lạ nào khác.

Khi tu tập Bát-nhã ba-la-mật, chúng ta cần phải có tâm kiên trì. Người ta thường đánh giá kinh kia hoặc pháp môn nọ hay hơn. Đừng vội nghe theo, đừng chú ý đến điều ấy cho đến khi nào ta khai mở được trí huệ. Hãy chỉ nên đào sâu một pháp môn. Đó là chìa khóa để thành tựu trong tu học.

Điều thứ 11 trong Ba loại tịnh nghiệp là khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ. Để làm việc này, chúng ta giới thiệu rộng rãi cho mọi người muốn tu học. Trong khi 10 điều đầu tiên trong Ba loại tịnh nghiệp là tu tập để có lợi lạc cho mình, thì điều thứ 11 là giúp cho người khác hiểu biết và thực hành theo Phật pháp. Giúp đỡ người khác là hạnh nguyện của Bồ-tát.

Nhờ thành tựu 11 điều trong Ba loại tịnh nghiệp, từ

hiếu dưỡng cha mẹ cho đến khuyến khích mọi người tu tập giác ngộ, chúng ta trở thành “thiện nam tử, thiện nữ nhân” theo như trong kinh điển Đại thừa đã gọi. *Kinh Địa Tạng* dạy rằng nếu chúng ta xưng tụng danh hiệu của ngài, tu tập đúng theo lời dạy của ngài thì chúng ta sẽ được sinh vào tầng trời thứ 33 một trăm lần không bị đọa vào ác đạo.

Trong thế giới này, chỉ thực hành phước nghiệp thứ nhất là được gọi “thiện nam tử, thiện nữ nhân” rồi. Tiêu chuẩn của giáo lý nguyên thủy đòi hỏi chúng ta phải thực hành phước nghiệp thứ nhất và phước nghiệp thứ hai. Giáo lý Đại thừa đòi hỏi chúng ta phải hội đủ cả Ba loại tịnh nghiệp. Tuy vậy, khi tụng kinh, chúng ta cần phải tự hỏi chính mình đã xứng đáng được gọi là “thiện nam tử, thiện nữ nhân” hay chưa? Mình đã có được nhiều ít rồi? Và tự hỏi công hạnh của mình có theo đúng tiêu chuẩn của giáo lý Đại thừa hay không?

## II. Sáu nguyên tắc hòa kính.

Ba loại tịnh nghiệp là nguyên tắc cơ bản cho cá nhân tu tập, trong khi Sáu nguyên tắc hòa kính (Lục hòa) là nền tảng

cho đại chúng tu tập. Tăng già<sup>(42)</sup> là đoàn thể gồm 4 vị tăng trở lên cùng cư trú tại một nơi và cùng nhau tu tập. Đức Phật chế định sáu điều luật, gọi là Sáu nguyên tắc hòa kính (Lục hòa). Nếu đại chúng tuân theo Sáu nguyên tắc hòa kính này, thì mới được gọi là Tăng đoàn, mới gọi là đệ tử Phật. Sáu nguyên tắc đó là:

1/ Cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức về giáo lý và tu tập (**Kiến hòa đồng giải**).

2/ Cùng sinh hoạt tu tập trong tinh thần giới luật (**Giới hòa đồng tu**).

3/ Cùng chung sống trong tinh thần hòa hợp (**Thân hòa đồng trú**).

4/ Không tranh cãi nhau (**Khẩu hòa vô tránh**).

5/ Cùng chia sẻ những niềm vui, sự an lạc do công phu tu tập (**Ý hòa đồng duyệt**).

6/ Chia đều cho nhau những lợi lạc (**Lợi hòa đồng quân**).

Bất luận những đoàn thể tu tập là người xuất gia hay cư sĩ đều phải biết rõ và tuân thủ những nguyên tắc này:

<sup>42</sup> 僧伽 S: saṃgha; p: saṅgha; t: dge-ḥdun

1/ Cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức về giáo lý và tu tập (**Kiến hòa đồng giải**).

Trong một đoàn thể tu học cần phải có sự chia sẻ những quan điểm về nguyên tắc hay phương pháp tu học, Đây là nền tảng cho sự hòa hợp của đại chúng trong khi tu học.

Một xã hội muốn duy trì được nền tảng, thì các thành viên cần phải sống hòa hợp. Chỉ có hòa hợp mới làm cho chúng ta gần gũi nhau để chia sẻ những quan điểm, tư tưởng, và phương pháp sinh hoạt. Nói cách khác, hòa hợp mới có thể làm giảm thiểu sự cách biệt trong mối quan hệ giữa con người và làm phát sinh sự bình đẳng. Sau đó mới có sự thanh thản và cuối cùng mới đạt được an lạc. Để có niềm an lạc, chúng ta phải có thân tâm thanh tịnh. Nền giáo dục Phật giáo lẫn giáo dục thế gian đều chú trọng vào sự hòa kính. Không Tử cũng dạy đệ tử trong Luận ngữ rằng: “Cái dụng của lễ, lấy hòa hợp làm quý”.<sup>(43)</sup>

Cách đây vài năm tôi có dịp sang Bắc Kinh và đến thăm hoàng thành của triều Thanh thời xưa, gồm ba tòa cung

<sup>43</sup> 禮之用, 和為貴.

điện lớn, người Trung Hoa gọi là Kim Loan điện, nhưng thực tế biến đề ở đó lại ghi là Thái Hòa điện.<sup>(44)</sup> Phía sau Thái Hòa điện là Trung Hòa điện, phía sau Trung Hòa điện là Bảo Hòa điện. Quý vị nghĩ xem, cả ba tòa cung điện lớn đều có chữ hòa (和). Đế vương triều Thanh đã dùng chữ hòa (和) để trị thiên hạ. Tuy nhiên, đến cuối đời thì trong triều chính lại bất hòa nên mới mất nước. Thế nên hòa (和) là điều cốt yếu để duy trì an lạc hạnh phúc.

Đức Phật Thích-ca Mâu-ni truyền dạy nhiều pháp môn nhưng không mong chúng ta phải thử tất cả. Điều cần nhất là phải chọn một pháp môn thích hợp nhất với mình, và cần nhớ rằng chìa khóa nằm ở chỗ tinh chuyên một pháp môn. Thời xưa, Tịnh độ tông tu tập theo Tam kinh nhất luận, ngày nay chúng ta theo Ngũ kinh nhất luận.<sup>(45)</sup> Ba kinh là *Kinh Vô lượng thọ*, *Kinh Quán Vô lượng thọ*, *Kinh A-di-đà*. Luận là

<sup>44</sup> Còn gọi là Tử Cấm Thành; E: Forbidden City.

<sup>45</sup> Ba bộ kinh là: *Vô lượng thọ Kinh*, 2 quyển. Khương Tăng Khải dịch đời Tào Ngụy. *Quán Vô lượng thọ Kinh*, 1 quyển, Cương-lương-da-xá dịch vào đời Lưu Tống. *A-di-đà Kinh*, 1 quyển, Cưu-ma-la-thập dịch đời Diêu Tần. Một bộ luận là *Vô lượng thọ Kinh Ưu-ba-đề-xá nguyện sinh kệ*. Còn gọi là *Vãng sanh luận*, *Tịnh độ luận*, *Nguyện sinh kệ*, *Vô lượng thọ Kinh luận*; 1 quyển. Thế Thân soạn, Bồ-đề Lưu-chi dịch đời Nguyên Ngụy.

*Vô lượng thọ kinh Ưu-ba-đề-xá nguyện sinh kệ*. Vào giữa niên hiệu Hàm Phong đời Thanh, Cư sĩ Ngụy Nguyên đem phẩm cuối trong *Kinh Hoa Nghiêm* là Phổ Hiền hạnh nguyện ghép thêm vào thành bốn. Đến thời Dân quốc năm đầu tiên, Ấn Quang Đại sư lấy chương Bồ-tát Đại Thế Chí niệm Phật viên thông trong *Kinh Thủ Lăng Nghiêm* nhập vào thành năm. Trong sách Tam tự kinh dành cho lớp đồng ấu ở Trung Hoa thời xưa có câu: “*Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên*”, Đạo lý của giáo dục quý là ở chuyên nhất. Giả sử có người thích *Kinh Vô lượng thọ*, trong khi người khác lại thích *Kinh A-di-đà*. Liệu hai nhóm người này hòa nhập thành một được chăng? Được nhưng họ không thể hòa hợp trong khi tu tập, vì một nửa sẽ tụng *Kinh Vô lượng thọ* và nửa kia tụng *Kinh A-di-đà*. Để có một nhóm thống nhất, cần thiết phải có hai đạo tràng riêng biệt.

Điều này giải thích lý do tại sao có rất nhiều đạo tràng mặc dù cùng là Tịnh độ tông, cùng chọn một bộ kinh để tu nhưng lại theo nhiều bộ luận khác nhau, đó là nguyên nhân phải lập nhiều đạo tràng. Như chúng ta cùng tu tập theo *Kinh A-di-đà*, nhưng có người y chiếu theo tinh thần trong bộ *Sớ sao* của Liên Trì Đại sư để tu học, có người y chiếu theo nội

dung bộ *Yếu giải* của Ngẫu Ích Đại sư. Chuyện như vậy cũng xảy ra khi quyết định niệm danh hiệu Phật như thế nào. Có người thích niệm thông thả Nam mô A-di-đà Phật, trong khi có người thích niệm thật nhanh A-di-đà Phật. Thật là khó cho hai nhóm người này hòa hợp khi tu tập. Người tu trong các đạo tràng thời xưa rất dễ thành tựu vì mọi người đều chia sẻ với nhau sự hiểu biết, mục đích và phương pháp tu tập trong cùng pháp môn mà không trái nhau. Không khí ở đạo tràng rất trang nghiêm thanh tịnh khiến mọi người mới đến đều tự nhiên khởi tâm tôn kính.

Không may, tình trạng chung trong các đạo tràng thời nay là giảng dạy nhiều pháp môn pha trộn nhau. Hôm nay mời Pháp sư A đến giảng pháp môn này, ngày kia mời Pháp sư B đến giảng pháp môn khác. Mâu thuẫn và xung đột nhau là điều không tránh khỏi. Người tu khó chú tâm tu tập nên ít thành công. Rõ ràng cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức về giáo lý và tu tập (*kiến hòa đồng giải*) là tinh thần cốt yếu trong một đạo tràng.

Nếu mọi người trong một đoàn thể cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức, chia sẻ niềm an lạc và những điều quan tâm thì họ duy trì được sự hòa hợp. Trong tăng đoàn cũng vậy.

Tuy nhiên, một tăng đoàn cũng có thể bị phân hóa nếu những bất đồng ý kiến sinh khởi. Như vậy sẽ có mâu thuẫn và chẳng ai thành tựu trong tu tập. Nên phải có nhiều pháp môn để đáp ứng cho nhiều người tu tập. Ý nguyện của chư Phật là mong mọi người với nhiều căn cơ, kiến giải khác nhau đều được thành công khi tu tập. Nên nói mọi con đường đều dẫn về một mục đích, mọi pháp môn đều bình đẳng; *Thù đồ đồng quy, pháp môn bình đẳng*. Đây là lòng từ bi rộng lớn của chư Phật, vì các ngài không bao giờ bắt buộc mọi người chỉ tu tập một pháp môn.

Như chúng ta đã biết trong *Kinh Quán Vô lượng Thọ*, bà Vi-đề-hi bị quá nhiều nỗi khổ ở thế gian nên cầu xin Đức Phật chỉ cho bà nơi nào không có cảnh khổ đau. Thay vì chỉ ngay cho bà Tây phương Cực lạc, Đức Phật giới thiệu cho bà các cõi Phật để bà chọn lựa. Không như chúng ta ngày nay cứ muốn người khác phải theo ý mình, Tôi đã tu pháp môn này. Hay lắm! Hãy tu đi! Nếu người kia có ý kiến và quan điểm khác biệt thì sẽ đưa đến sự bất hòa trong đạo tràng và điều này chúng ta phải đề phòng để tránh. Cách hay nhất để giới thiệu Phật pháp là trình bày phương pháp tu tập và giáo lý Đại thừa rồi để cho mọi người tự chọn pháp môn họ thích.

Những người thích niệm Phật có thể tu tập với nhau, những người thích tu thiền có thể cùng nhau hành trì. Theo cách này, mọi người đều có đạo tràng để tu tập và không nhất thiết phải ép buộc người khác phải theo một pháp môn riêng biệt. Mọi pháp môn đều bình đẳng và đều đáp ứng cho mọi nhu cầu, mọi căn cơ và trình độ nhận thức. Mỗi tông phái nên tôn trọng và tán thán tông phái kia. Đây là chân chính thực hành phép hòa kính thứ nhất.

*2/ Cùng sinh hoạt tu tập trong tinh thần giới luật (Giới hòa đồng tu).*

Khi chúng ta cùng sinh hoạt tu tập với nhau, cần phải có quy luật vì nếu không thì sẽ rối loạn. Tất nhiên quy luật phải lấy năm giới do Phật chế làm nền tảng. Có nhiều giới luật áp dụng cho cư sĩ, chư Tăng ni và các đạo tràng. Năm giới áp dụng cho cư sĩ, Tăng ni có giới của người xuất gia. Luật pháp và những tập quán địa phương cũng phải được tuân thủ. Tất cả phải được đại chúng bàn bạc và thông qua để thành Thường trụ công ước của tự viện. Một hoặc hai người được cử ra để soạn thảo, rồi trình bày trước đại chúng để thảo luận và quyết nghị. Mỗi thành viên đều phải chấp hành công ước này khi đã được đại chúng thông qua. Nếu mỗi

thành viên đều tôn trọng và sống đúng tinh thần đó thì sẽ không có bất hòa trong đại chúng, vì mọi người đều bình đẳng, không ai có đặc quyền gì để ban phát cho người khác cả. Như vậy tăng già đích thực là đoàn thể dân chủ, chân thực là những người trì giới thủ pháp.

*3/ Cùng chung sống trong tinh thần hòa hợp (Thân hòa đồng trú).*

Mục đích của việc kiến lập đạo tràng là giúp cho mọi người cùng nhau tu tập. Hoàn toàn không phải là giúp cho cá nhân người nào trốn tránh trách nhiệm thế gian. Thật sai lầm khi nghĩ như vậy, đặc biệt từ cái nhìn về các đạo tràng tiếp nhận vật phẩm cúng dường của tín thí. Thực tế là những vật phẩm cúng dường này đều phải được hoàn trả, nếu không vào đời này thì đời sau. Chung sống trong tinh thần hòa hợp không có nghĩa là mỗi người đều có một phòng riêng. Sống xa xỉ và thuận lợi thì rất khó thành tựu khi tu tập. Sao vậy? Kinh Địa Tạng nói: “*Mỗi khi chúng sinh ở cõi Diêm-phù-đề móng tâm khởi niệm, không điều gì là không có tội*”.<sup>(46)</sup> Vô lượng kiếp nay chúng ta quá si mê, chắc chắn đã phạm vô số

<sup>46</sup> 閻浮提眾生起心動念,無不是罪 – Kinh Địa Tạng.



tội nghiệp, chất chồng biết bao thói quen xấu. Trong khi trước mặt mọi người, ta làm ra vẻ có tư cách oai nghi; nhưng khi ở một mình, thì làm mọi điều mình thích, tùy ý tùy tiện, phóng dật, không hợp quy củ.

Để giải quyết việc này, đại chúng nên dùng chung phòng ngủ. Giường ngủ trong các tự viện là một *cái đơn* vừa cho một người nằm. Mền chiếu được xếp gọn như trong trại lính. Sinh hoạt trong tự viện nghiêm túc hơn trong quân đội và tăng ni còn kỷ luật hơn quân đội rất nhiều. Chỉ nhờ sống trong một đạo tràng có kỷ luật như vậy chúng ta mới có thể chuyển hoá tập khí và tu dưỡng theo Ba môn học vô lậu giới, định, huệ. Đây mới chân thực là tu tập.

Tuy nhiên, vẫn còn một số ngoại lệ trong các tự viện. Chẳng hạn, vị trú trì và các vị chấp sự, vì trách nhiệm công việc mà phải có phòng riêng, thường cũng rất nhỏ, để tiện giải quyết công việc hằng ngày mà không phiền đại chúng. Chư tăng ni đã già yếu hoặc bị bệnh cũng cần có phòng riêng. Để thành tựu việc tu tập, việc dùng chung phòng ngủ này rất cần thiết, ngay cả trong giai đoạn xã hội phát triển như ngày nay.

#### 4/ Không tranh cãi nhau (*Khẩu hòa vô tránh*).

Mọi thành viên trong đại chúng cần nhất là đừng tranh cãi. Nhờ vậy họ có thể tập trung tốt nhất vào nỗ lực tu tập. Khi sống chung với nhau, điều thường chung đụng nhất là lời nói, nên khẩu nghiệp là điều dễ phạm nhất. Có câu ngạn ngữ: “*Bệnh từng khẩu nhập, họa từng khẩu xuất*”. Hoặc câu: “*Đa ngôn, đa quá*”. Người ăn nhiều thì dễ sinh bệnh. Người nói nhiều tất sẽ có điều sai trái. Đôi khi có sự hiểu lầm phát sinh giữa người nghe có tinh ý và người nói lại vô tâm. Cả hai phía đều đem lòng oán hận, về sau không quan hệ với nhau nữa. Đó là lý do mà cổ đức đã dạy: “*Nói chuyện ít, niệm Phật nhiều*”. Càng ít nói, càng ít phiền toái. Hay nhất là chỉ nói khi cần thiết.

Có lần tôi đến Los Angeles giảng kinh, một người bạn nói với tôi về người con của ông ta đang học cao trung, vừa tham dự một khóa thiền thất ba ngày do người Nhật Bản tổ chức. Khi vào đó rồi, không ai được nói chuyện. Chương trình hằng ngày là ngồi thiền từ 8 giờ sáng cho đến 5g30 chiều, rồi từ 7g30 cho đến 9g30 tối. Ngoài ra không làm việc gì khác. Giữ im lặng suốt ba ngày trong một đạo tràng như

thể sẽ giúp cho chúng ta tĩnh tâm và thư giãn, Đứa bé rất cảm kích đến nỗi muốn về dự khóa mùa đông dài ngày hơn. Điểm đặc sắc ở đạo tràng đó là khẩu hòa vô tránh.

Thế nên ở nơi đạo tràng mà mọi sự tán gẫu hoặc nói những chuyện tạp nham khác đều bị cấm thì chắc chắn không xảy ra tranh cãi. Hầu như chỉ còn nghe được sự im lặng và tiếng niệm Phật liên tục A-di-đà Phật ở trên chánh điện. Ở trong các đạo tràng Mật tông đích thực thì tiếng trì chú sẽ không gián đoạn. Hồi tôi mới học Phật được thân cận với Chương Gia Đại sư ba năm, tôi thấy miệng ngài không bao giờ ngưng trì chú ngay cả khi tiếp khách. Ngài chỉ dừng để nói chuyện và khi nói xong, lại tiếp tục trì chú. Phương pháp niệm thầm chỉ nhấp môi là một pháp tu gọi là Kim cang trì. Chương Gia Đại sư là người chí thiết với pháp tu này nhất mà tôi từng gặp. Tâm ngài rất bình thản, không vương bận chút chấp trước và vọng tưởng. Phương pháp dạy của ngài rất độc đáo, ngài không bao giờ nói một lời cho đến khi nào thấy người nghe chú tâm. Ngài nói rất ít lời trong khi nhìn thẳng vào mắt người nghe. Mỗi lời nói của ngài rất chí lý khiến người nghe không bao giờ quên mà còn nhớ mãi trong lòng suốt đời. Mục đích tu tập của chúng ta là đoạn trừ

phiền não và thành tựu được pháp niệm Phật tam muội. Nếu chúng ta không thực hành phương pháp này thì rất khó đạt được mục tiêu.

*5/ Cùng chia sẻ những niềm vui, sự an lạc do công phu tu tập (Ý hòa đồng duyệt).*

Đây chính là hương vị của niềm vui trong khi tu học Phật pháp. Bất luận chúng ta tu tập theo pháp môn nào, thành tựu đạt được trong sự tu tập là niềm vui. Nếu chúng ta thấy không có được niềm vui sau thời gian dài tu học thì chắc chắn là có vấn đề. Nhưng vấn đề không phải do Phật pháp mà ở ngay trong chúng ta. Có thể chúng ta đã làm sai nguyên tắc hoặc chúng ta đã chọn lầm pháp môn. Nếu không, kết quả rất hiển nhiên là chúng ta được tỉnh giác, không còn si mê, thoát khổ và đầy niềm vui.

Trải qua chừng ấy năm tháng, chúng ta sẽ ít ưu phiền hơn trong khi được hưởng niềm vui và tự do càng nhiều hơn. Đây là bằng chứng thành công trong tu học. Nếu không được như vậy, chúng ta cần phải xem xét lại nguyên nhân nào khiến chưa được thành công, tìm ra căn gốc phiền não và tìm cách chuyển hóa chúng là ta sẽ có được lợi lạc từ công phu tu

tập.

Tu học Phật pháp là để trải nghiệm trong đời sống và làm thanh tịnh tâm ý. Sự tu học Phật pháp phải phát khởi từ bản tâm một cách thiết tha như là sinh hoạt hằng ngày của mình. Chúng ta dùng tâm nào để tu tập? Đem tâm thanh tịnh mà tu tập. Khi chúng ta đã có chính kiến và chân thật hiển mình cho Phật pháp, bất luận chúng ta gặp hoàn cảnh nào hoặc gặp người thiện người ác, chúng ta đều xem như đó là cơ hội để ta trả nghiệp và gieo trồng hạt giống trí huệ an lành. Cảm giác hỷ lạc tự nhiên sinh khởi trong tâm, như là hương vị của pháp lạc. Nếu chúng ta cùng tu học trong tinh thần hòa hợp, thì mọi người sẽ hưởng được pháp lạc, mọi người sẽ thành tựu.

6/ Chia đều cho nhau những lợi lạc (**Lợi hòa đồng quân**)

Thời xưa, những người xuất gia sống đơn giản chỉ ăn một bữa trong ngày. Họ nhận vật phẩm do dân trong làng cúng dường, họ ngủ dưới gốc cây và ngồi thiền suốt thời gian còn lại. Thế nên đạo tràng giống như ngôi trường học để dạy người địa phương tu học Phật pháp. Những người có học

thức hoặc những người có tầm nhìn sâu rộng đã đề xướng kiến lập đạo tràng, hoặc là những vị đại phú trưởng giả đem tiền của sức lực dựng nên đạo tràng rồi cầu thỉnh các vị đại đức cao tăng đến để hướng dẫn tu học.

Đạo tràng là nơi truyền dạy Phật pháp, khi đã đến tu học trong đạo tràng, bất luận là thành phần nào, cũng đều bình đẳng thọ nhận các vật phẩm cúng dường. Nếu nguyên tắc này được áp dụng cho xã hội thì sẽ không có tâm lý bất bình đẳng vì vậy nên không có sự xáo trộn xã hội. Ở trong đạo tràng, không có một điều nào trong Sáu nguyên tắc hòa kính bị bỏ qua, nếu không thì đó không phải là đạo tràng chân thực. Như người Trung Hoa thường nói: *“Hòa hợp trong gia đình là nền tảng của mọi hiểu biết”*. Cũng vậy, nếu một quốc gia thống nhất, thì không có một thế lực nào thống trị được, vì sức mạnh của sự thống nhất là ưu việt. Do vậy nếu một gia đình, công ty, xã hội hay một quốc gia thực hiện được ba điều trong Sáu nguyên tắc hòa kính: Cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức về giáo lý và tu tập (Kiến hòa đồng giải), cùng sinh hoạt tu tập trong tinh thần giới luật (Giới hòa đồng tu), chia đều cho nhau những lợi lạc (Lợi hòa đồng quân) thì chắc chắn sẽ được thịnh vượng.

Chúng ta lấy một ví dụ về kinh tế thế giới, trong đó ngoại thương Nhật Bản cực kỳ phát triển sau thế chiến thứ II. Chỉ sau một nửa thế kỷ, mà kinh tế nước này được xem là thành công nhất trên thế giới. Tại sao? Vì họ đã thực hiện ba nguyên tắc hòa kính trên.

Nhờ cùng chia sẻ hiểu biết nhận thức về giáo lý và tu tập (Kiến hòa đồng giải), mà tăng đoàn cùng đạt được một nhận thức chung. Nhờ cùng sinh hoạt tu tập trong tinh thần giới luật (Giới hòa đồng tu), mà tất cả đại chúng tu học đều an trú trong giới luật. Nhờ chia đều cho nhau những lợi lạc (Lợi hòa đồng quân), mà mọi người đều cảm thấy rằng mọi việc đều bình đẳng.

Những nguyên tắc hòa kính cũng nên áp dụng trong gia đình như người Trung Hoa thường nói: *“Hòa hợp trong gia đình là nền tảng của mọi hiểu biết”*. Có hôm một học trò hỏi tôi rằng anh ta nên lập gia đình với người như thế nào. Tôi nói: *“Anh nên tìm người nào có cùng quan điểm với mình và cùng chí hướng với mình. Rồi hai người sẽ cùng giúp đỡ nhau để đạt mục tiêu và sẽ hưởng được hạnh phúc. Anh không nên chỉ dựa vào tình yêu vì tình yêu là hay thay đổi và không đáng tin cậy, nó sẽ phai nhạt đi sau khi cưới*

*nhau vài ba năm vào lúc mà mọi thứ đều thay đổi”*. Do vậy một gia đình hạnh phúc là được xây dựng trên nền tảng của Sáu nguyên tắc hòa kính. Nếu không hiểu được điểm này, rất khó để có được một gia đình hạnh phúc.

### III. Ba môn học (Tam vô lậu học).

Từ trước, chúng ta đã rõ Phật pháp từ bản chất là giáo dục chứ không phải là tôn giáo. Khóa trình rất nhiều, nội dung cơ hồ như chẳng điều gì là không bao quát, từ nhân sinh cho đến vũ trụ. Sách ghi lại nội dung khóa trình này được gọi là kinh. Tuy nhiên, không phải toàn bộ kinh điển từ Ấn Độ đều được đưa sang Trung Hoa. Vì những khó khăn trở ngại do đường sá từ Trung Hoa sang Ấn Độ thời xưa nên chư tăng người Trung Hoa sau khi sang Ấn Độ trở về và chư tăng Ấn Độ sang Trung Hoa đều mang rất ít kinh sách. Họ chỉ chọn những tác phẩm quan trọng nhất và để lại những cuốn khác. Thế nên tất cả kinh sách được giới thiệu ở Trung Hoa đều được xem là cốt tủy của đạo Phật.

Tuy nhiên, sau khi kinh điển được đưa vào Trung Hoa, không phải tất cả mọi bộ kinh đều được phiên dịch, chỉ những bộ kinh quan trọng và cốt yếu nhất mới được chọn

dịch vì công trình phiên dịch rất khó khăn. Chương trình phiên dịch phải được bảo trợ bởi triều đình. Các dịch giả gồm cả chư tăng và cư sĩ khắp Trung Hoa cũng như người nước ngoài đều được mời tham gia công trình dịch thuật đồ sộ này. Theo lịch sử ghi lại, đạo tràng phiên dịch của ngài Cưu-ma-la-thập có trên 400 người, đạo tràng của ngài Huyền Trang có trên 600 người.

Tên của dịch giả mà ngày nay thấy ghi ở đầu bộ kinh chính là vị chủ trì đạo tràng dịch kinh, đại biểu cho toàn thể những người tham gia trong đạo tràng phiên dịch ấy. Kinh điển tiếng Hán mà ta thấy ngày nay tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, bản tiếng Sanskrit thất lạc rất nhiều, nay còn lại rất ít. Sau tạng kinh tiếng Hán, tạng kinh đồ sộ thứ nhì là tiếng Tây Tạng. Một phần tạng kinh này được dịch trực tiếp từ tiếng Sanskrit, một phần chuyển ngữ từ bản tiếng Hán.

Công chúa Văn Thành đời Đường đã mang kinh Phật sang Tây Tạng sau khi kết hôn cùng vua Tây Tạng. Đây là lý do Phật giáo được truyền sang Tây Tạng chậm hơn Trung Hoa 600 năm. Khi quốc vương Tây Tạng có niềm tin Phật pháp, liền có một tông phái Phật giáo mới từ Ấn Độ tìm cách truyền bá vào Tây Tạng.

Phân quan trọng của giáo lý Phật pháp là Ba môn học (Tam vô lậu học) gồm: giới, định, huệ. Nếu thành tựu được ba môn học này thì chúng ta có thể thoát khỏi nỗi khổ ở thế gian. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đã nói rõ các thời kỳ Phật pháp tồn tại ở thế gian: Thời kỳ chánh pháp tồn tại 500 năm, thời kỳ tượng pháp tồn tại 1000 năm, thời kỳ mạt pháp là giai đoạn hiện thời sẽ tồn tại 1000 năm.

Điều gì là nỗi thống khổ của chúng sinh trong thời nay? Trước hết là tạo 10 nghiệp ác. Đức Phật dùng môn học vô lậu đầu tiên là giới để chuyên hóa. Nỗi khổ thứ hai là tâm ý tán loạn, Đức Phật dùng môn học vô lậu thứ hai là định để đối trị. Nỗi khổ thứ ba là si mê, Đức Phật dùng môn học vô lậu thứ ba là huệ để đối trị.

Tạo các ác nghiệp, tâm ý tán loạn, và si mê là ba căn bệnh lớn của chúng sinh thời nay. Đức Phật thuyết pháp là do chúng sinh bị bệnh thống khổ nên mới chỉ bày cho cách thoát khổ, như cách là dùng thuốc cứu người. Còn nếu chúng sinh không bệnh khổ thì Đức Phật không cần phải giảng nói. Như trong *Kinh Kim Cương* có nói: “*Pháp còn phải xả,*

*huống gì không phải pháp*".<sup>(47)</sup> Khi chúng sinh không còn bệnh khổ, thì giáo lý không cần thiết cho họ nữa. Cũng như người khỏe mạnh, nếu ngày nào cũng uống thuốc thì rốt cuộc sẽ thành người bệnh.

Giới để chữa trị cho thân, định chữa trị cho tâm và huệ để điều phục tập khí si mê. Kinh Phật phân ra ba tạng. Tạng kinh để phát triển định học, Tạng luật phát triển giới học, Tạng luận phát triển huệ học. Về sau, vào khoảng giữa thời vua Càn Long nhà Thanh, người Trung Hoa gom toàn bộ thư tịch của mình vào Tam tạng kinh điển rồi gọi là Tứ khối,<sup>(48)</sup> gồm kinh, sử, tử, tập.

Tam tạng kinh điển còn phân thành kinh Đại thừa, kinh điển Tiểu thừa. Kinh điển Tiểu thừa gồm có Thanh văn tạng, Bích chi tạng. Kinh điển Đại thừa có Bồ-tát tạng. Nói tóm lại, giới để chữa trị cho thân, định chữa trị cho tâm và huệ để điều phục tập khí si mê. Do vậy, người tu học Phật pháp mỗi khi khởi tâm động niệm, lời nói, hành vi mỗi mỗi đều xuất phát từ trí huệ.

<sup>47</sup> 法尚應捨,何況非法. Kinh Kim Cang.

<sup>48</sup> 四庫:經史子集

#### IV. Lục độ ba-la-mật.

Chúng ta đã biết đến Ba loại tịnh nghiệp, Ba môn học (Tam vô lậu học), Sáu nguyên tắc hòa kính, bây giờ làm sao để ứng dụng vào trong đời sống hằng ngày khi đối xử với mọi người trong công việc? Để giải quyết điều này, Đức Phật dạy cho ta pháp Lục độ ba-la-mật. Gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, bát-nhã. Nếu chúng ta thực hành những công hạnh này suốt từ sáng khi vừa thức giấc, đánh răng rửa mặt cho đến khi đi ngủ, thì chúng ta mới là người tu tập chân chính.

*1/ Bố thí ba-la-mật-đa:*

*a/ Bố thí tài sản (Tài thí):*

Thông thường, người đời chủ yếu truy cầu tài sản như là mục tiêu cao nhất, vì không có tài sản, cuộc sống sẽ rất khó khăn. Sau đó, họ mưu cầu danh vọng và tri thức, sức khỏe và sống lâu. Bất luận họ ở phương Đông hay phương Tây, là người sống thời quá khứ hay hiện nay, đây vẫn là những mục đích truy cầu của con người. Liệu Phật pháp có đáp ứng trọn vẹn được ước nguyện, mong cầu ấy của con người không? Chúng ta thường nghe nói rằng: “Phật tử trong

tâm, có cầu tất được đáp ứng”, “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*”. Thế tại sao có nhiều người không đạt được những gì họ mong cầu? Vì họ không hiểu được thực tướng của nhân sinh vũ trụ và không biết được phương pháp đúng đắn để thành tựu ước nguyện của mình. Nếu chúng ta biết được phương pháp đúng đắn này và hiểu được thực tướng của nhân sinh vũ trụ thì ước nguyện chúng ta sẽ thành tựu.

Đức Phật dạy rằng tài sản, trí huệ, sức khỏe, sống lâu đều là thuộc về quả báo. Nếu chúng ta muốn đạt được kết quả này, thì trước tiên chúng ta phải gieo trồng và nuôi dưỡng cái nhân. Nhân tốt sinh ra quả tốt, nhân xấu sẽ có quả xấu. Nơi nào có nhân thì nơi ấy có quả. Ở đâu có quả thì ở đó có nhân. Đây là luật bất di bất dịch, và là định luật bao trùm tất cả các luật khác trong vũ trụ tương quan.

Hãy xem một người nào đó rất giàu. Tại sao có điều ấy? Chẳng phải do người ấy thông minh khác thường hoặc có ý tưởng rất hay làm ra tiền. Có rất nhiều người thông minh hơn và có ý tưởng độc đáo hơn, tại sao họ lại không thành công? Đức Phật dạy rằng tài sản là nghiệp quả được tạo ra do đã gieo nhân trong những kiếp trước. Nhân này như thế nào? Là nhờ bố thí tài sản.

Bố thí tài sản sẽ được quả báo giàu có, bố thí giáo lý sẽ được quả báo trí huệ, bố thí sự không sợ hãi (vô úy) sẽ được quả báo khỏe mạnh và sống lâu. Do vậy, nếu chúng ta muốn có tài sản, trí huệ, sức khỏe, sống lâu thì phải cần gieo trồng và nuôi dưỡng cái nhân ngay trong đời này. Chỉ có một ít người chưa đạt được quả báo do họ đã gieo nhân trong vài năm trước. Bất luận yếu tố thời gian, chúng ta phải gieo trồng nhân để có được quả. Đây là Luật nhân quả. Luật này không bao giờ thay đổi.

Bố thí là điều kiện thiết yếu để tu tập hạnh Bồ-tát. Nếu chúng ta có thể tổng kết các pháp môn tu tập Phật pháp, chúng ta sẽ thấy pháp môn nào cũng tương ứng với Lục độ ba-la-mật cả. Còn nếu chúng ta cô đúc Lục độ ba-la-mật lại, chúng ta sẽ thấy cốt tủy là Bố thí ba-la-mật. Một trong những loại để bố thí là tài sản. Khi nhiều người nghe vậy, họ cứ nghĩ là đem tiền đi cúng dường các chùa viện, hoặc đạo tràng. Thật là sai lầm vì suy nghĩ như thế thì quá cận và quá xa với tinh thần của Bồ-tát đạo.

Luôn luôn nghĩ đến sự lợi lạc của người khác là một cách bố thí tài sản. Như thế nên mọi người đều có thể thực

hành bố thí theo cách này, và chúng ta đang là những vị Bồ-tát. Chúng ta không để ý đến đó thôi! Chẳng hạn, khi thức dậy vào buổi sáng và chuẩn bị bữa điểm tâm cho mọi người, là chúng ta đang thực hành tâm từ và chính mình là Bồ-tát Phổ Hiền. Khi làm việc này chúng ta thấy mình được vui. Theo cách này chúng ta không bận tâm; Thật khổ cho tôi! Gia đình xem tôi như đây tở, tôi phải hầu hạ họ suốt ngày! Nếu chúng ta cứ than van như vậy mãi, mọi duyên lành đáng ra được hưởng sẽ tiêu tan mất. Nhưng khi không than van nữa mà chuyển sang tinh thần bố thí ba-la-mật thì ngay đó chúng ta sẽ hưởng được niềm vui của lợi lạc hiểu biết.

Như người làm thuê lao nhọc suốt ngày để kiếm càng nhiều tiền càng tốt hoặc mong được thăng chức thì đó không phải là thực hành bố thí. Tuy nhiên, nếu người ấy làm việc tận tâm vì mong đem lợi ích đến cho mọi người trong công ty và xã hội, không vì mong kiếm được tiền hay khen thưởng, thì người ấy đang thực hành bố thí và sẽ không bao giờ thấy mệt. Chính tôi cũng vậy, vui vẻ đi khắp nơi để giúp cho mọi người ai có duyên thì hiểu được Phật pháp, theo cách đó, tôi cũng đang thực hành bố thí pháp. Tôi giúp cho mọi người biết cách tốt hơn để thay đổi cuộc sống mình được tốt đẹp

hơn theo hướng chuyển hóa dần những phiền não, đạt được trí huệ và an lạc để dẫn đến cuộc đời tươi sáng hơn.

Năm 1984, tôi có chuyến đi đến Los Angeles để giảng pháp. Tôi đi một mạch từ phi trường đến hội trường và giảng suốt trong vòng 9 tiếng đồng hồ. Tôi đứng giảng trong khi thính chúng ngồi nghe. Nhưng cuối cùng, người nghe mệt chớ không phải tôi. Càng giảng, tôi càng cảm thấy mình như được tiếp truyền sinh lực và nói càng mạnh hơn. Sao vậy? Vì tôi rất nhiệt tâm muốn truyền dạy đạo lý sâu màu của Đức Phật đến cho mọi người. Đây là niềm vui khi giảng giải Phật pháp, và nói thật, đó là dưỡng chất. Ngày nay, người ta nói nhiều về thực phẩm có lợi có sức khỏe. Nhưng đó là thứ dưỡng chất hư vọng. Phật pháp dạy cách giữ cho thân tâm thanh tịnh. Được như vậy, sẽ có được niềm vui khiến mình an lạc, khỏe mạnh và trẻ trung. Phiền muộn sẽ làm cho chúng ta già nua và bệnh hoạn.

Ở Hoa Kỳ, có một số hội đoàn thực hành từ thiện. Một số người lại mua bảo hiểm y tế để phòng tai họa hay bệnh tật. Thật ra, làm như thế là chuẩn bị cho một khả năng bệnh duyên sẽ đến, khi mỗi tháng ta phải đóng trước tiền bảo hiểm,



thể là chúng ta bị ràng buộc (về mặt tâm lý) là sẽ trở nên bệnh. Nếu không làm chuyện đó thì cũng tiêu phí tiền vào việc khác. Nhưng nếu ta thay đổi cách nghĩ, tiền ấy sẽ giúp cho những người đang bệnh, thì chúng ta đang thực hành bố thí và chúng ta sẽ không bao giờ bị bệnh. Sao vậy? Vì chúng ta phát khởi tâm không bệnh. Nếu chúng ta giúp đỡ và chăm sóc người già cả, thì chúng ta sẽ có quả báo tốt đẹp trong tương lai. Khi chúng ta già, sẽ có người chăm sóc chúng ta lại.

Ngày nay, ai cũng mua bảo hiểm xe hơi. Nếu chúng ta nghĩ rằng thay vì mua bảo hiểm, ta dùng tiền ấy để giúp cho những người bị tai nạn xe hơi thì chúng ta sẽ không bao giờ gặp phải bất hạnh ấy. Vì sao? Vì chúng ta đã bố thí tài sản và lòng từ bi. Thế nên, chúng ta là một vị Bồ-tát hay là kẻ phàm phu là do suy nghĩ của chúng ta. Khác nhau điều gì? Bồ-tát đã giác ngộ và luôn luôn làm mọi điều vì lợi ích cho mọi người, trong khi người phàm phu thì luôn luôn làm những gì có lợi cho chính mình. Khi chúng ta làm điều gì vì lợi lạc cho người, chúng ta sẽ được những lợi ích khó tưởng tượng được. Cách bố thí này nhiều vô cùng và ta có thể thực hành bất cứ lúc nào, và bất cứ cách nào.

Theo Phật pháp, bố thí tài sản gồm bố thí nội tài và bố thí ngoại tài. Ngoại tài là những tài sản thuộc sở hữu của mình, còn nội tài là thân thể mình. Chẳng hạn, hiến tặng các cơ quan nội tạng hay từng phần thân thể mình cho người bệnh. Nếu chúng ta có ý nguyện giúp cho người khác mà không mong cầu tiền bạc hoặc sự đền đáp thì đó là bố thí nội tài. Chúng ta đều có thể thực hành bố thí nội tài trong bất kỳ lúc nào.

Chúng ta đã thấy rõ tiêu chuẩn thiện ác trong Phật pháp, mọi việc làm xuất phát từ tâm nguyện lợi lạc cho mọi người là thiện và mọi việc làm xuất phát từ lòng ích kỷ là xấu. Điều này có thể người mới phát tâm khó thực hành. Tại sao chúng ta lại không nên làm chỉ vì lợi lạc cho riêng mình? Vì hàng phàm phu khó thành Phật là do hai thứ chướng ngại chấp trước là *ngã chấp* và *pháp chấp*. Khi không còn ngã chấp, ta chúng được quả vị A-la-hán. Khi không còn pháp chấp, ta chúng được quả vị Phật. Nếu trong mỗi niệm, chúng ta đều mong làm lợi ích cho mình, thì ngã chấp càng ngày sẽ lớn mạnh. Với sự ích kỷ, ngay cả khi ta trông được vài căn lành, thì chỉ làm lớn mạnh thêm chấp trước mà thôi; còn nếu làm được ít việc lành, thì sẽ giảm được dần sự chấp trước. Đức

Phật dạy rằng nếu muốn vượt thoát luân hồi sinh tử thì nhất thiết phải trừ sạch ngã chấp và pháp chấp. Ngã chấp là phiền não làm cho tâm không được thanh tịnh. Pháp chấp là phiền não ngăn che không phát khởi được trí huệ chân thật.

b/ Bồ thí sự hiểu biết (*Pháp thí*):

Dạng bồ thí này sẽ đưa đến quả báo trí huệ và thông minh. Nói chung, bồ thí này có hai trường hợp: Phật pháp và pháp thế gian. Nhiệt tâm chia sẻ tri thức hiểu biết cho mọi người, những người hiếu học, đó là Bồ thí sự hiểu biết (*Pháp thí*). Không chỉ giới hạn trong giáo lý Phật pháp, chẳng hạn như dạy cho người khác kỹ thuật, cách nấu ăn... Đều là cách chia sẻ không điều kiện những kiến thức hiểu biết trong mọi lĩnh vực. Vị thầy dạy học với nhiệt tâm giúp đỡ mọi người chính là đang thực hành pháp thí. Còn người dạy chỉ mong kiếm tiền và uy tín thì không phải. Người chân chính thực hành pháp thí thì rất nhiệt tâm và không bao giờ thấy mệt mỏi với việc này. Khi chúng ta làm việc gì vì lợi ích cho riêng mình, chúng ta sẽ bị thất vọng khi không có ai khen tặng hoặc không thấy được lợi lạc thêm điều gì, như vậy nên chúng ta thường đánh mất nhiệt tình. Ngược lại, Bồ-tát luôn luôn làm vì lợi ích cho chúng sinh và không bao giờ vương

bạn vào bất kỳ điều kiện nào khi bố thí.

Trong *Kinh Vô lượng thọ*, Đức Phật dạy rằng trong tất cả các loại bố thí, thì pháp thí là lớn hơn cả. Học thức thế gian không giúp giải quyết được mọi vấn đề trọng yếu. Phật pháp là nền giáo dục viên mãn có thể giúp ta đạt được công đức, trí huệ vô biên khiến thoát khỏi phiền não, ra khỏi luân hồi sinh tử, rốt ráo đạt được Phật quả. Bồ thí này rất viên mãn, chỉ có trong truyền thống Phật giáo Đại thừa. Tất cả chư Phật đều tán thán việc bố thí này. Hình thức bố thí pháp thông dụng nhất là kinh sách, băng giảng, đĩa CD, cũng như nhận lời giảng dạy Phật pháp, đều là tạo cơ hội cho mọi người được học hỏi Phật pháp.

Tuy nhiên, hiện nay đang lưu hành nhiều kinh sách Phật giáo được in ấn với luật bản quyền. Những ấn phẩm này không phải là hình thức pháp thí mà là vì mục đích thương mại. Có một số Pháp sư, khi mời giảng, đã hỏi sẽ được trả bao nhiêu. Đây không phải là pháp thí chân thật. Bản nguyện của Bồ-tát là vì lợi ích cho chúng sinh, chứ không phải cho mình. Nếu có một chúng sinh thực lòng muốn học Phật pháp, thì Bồ-tát chân thật sẽ đến và giúp cho họ được toại nguyện.

Họ sẽ không bao giờ làm điều gì khó khăn cho bất kỳ ai muốn học, miễn là người ấy thực sự đạt được lợi ích khi học Phật.

c/ Bồ thí sự không sợ hãi (*Vô úy thí*):

Sự bồ thí này liên quan đến ý nghĩa rất rộng vì nó giúp giải trừ cho mọi người sự sợ hãi và thiếu tự tin. Chẳng hạn, nếu ngoại bang xâm chiếm nước ta, chúng ta phải gia nhập quân đội để bảo vệ tổ quốc, để cho người ở hậu phương an cư lạc nghiệp, đó cũng là hình thức vô úy thí. Nếu có người ban đêm sợ về nhà một mình, chúng ta đưa họ về. Ăn chay là một điển hình của vô úy thí, vì nếu chúng ta đều ăn chay cả thì mọi chúng sinh không còn xem chúng ta là nỗi đe dọa của họ. Mọi hành vi giúp cho mọi loài chúng sinh cảm thấy an tâm và tin cậy thì đó là vô úy thí. Nếu chúng ta thực hành một cách toàn vẹn, thì chắc chắn sẽ hưởng được sức khỏe và sống lâu.

Vua Càn Long của nhà Thanh là người có được cả trí tuệ, khỏe mạnh và sống lâu, “Quý thay thiên tử, phước trùm bốn biển”, “*Quý vi thiên tử, phước hữu tứ hải*”. Ông làm vua 60 năm sau đó nhường ngôi cho con và làm Thái Thượng

Hoàng trong 4 năm nữa mới mất. Sở dĩ ông có được phước báo này là do trong những đời trước ông đã tu tập tài thí, pháp thí và vô úy thí.

Đức Phật dạy hàng Bồ-tát phải tu tập bồ thí ba-la-mật. Ba-la-mật có nghĩa là thành tựu viên mãn. Vấn đề là làm sao để chúng ta thực hành bồ thí đến thành tựu viên mãn? Chỉ bằng cách rất đơn giản là thay đổi suy nghĩ, không còn lo cho mình nữa mà vì mọi người. Theo cách này, chúng ta có thể tu tập bồ thí trong bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu. Nhưng chúng ta vẫn chưa đạt đến bồ thí ba-la-mật được. Bồ thí ba-la-mật là phóng xả, dâng tặng tất cả những gì sở hữu của mình để giúp đỡ mọi người. Cho và nhận là một. Nếu chúng ta không thực hành Bồ thí ba-la-mật thì chúng ta không bao giờ nhận được điều gì cả. Khi bồ thí ít, thì nhận được ít. Khi bồ thí nhiều, thì nhận được nhiều. Quý vị có sợ hãi, âu lo không? Quý vị có bị luân hồi sinh tử không? Tại sao quý vị không muốn tống khứ những thứ ấy đi? Bồ thí ba-la-mật là cắt đứt những thứ này để đạt được Đại viên mãn và Đại tự tại. Đây là sự thành tựu rất ráo nhất, nên được gọi là Bồ thí ba-la-mật.

Chúng ta sẽ bắt đầu với việc bồ thí các tài sản vật chất

mình có và dần dần xả bỏ những thứ khác. Nếu có thể cắt đứt mọi phiền não, luân hồi sinh tử có nghĩa là chúng ta đã khôi phục lại được năng lực thanh tịnh giác ngộ sáng suốt trong tự tánh của mình.

*2/ Trì giới ba-la-mật:*

Ba-la-mật thứ hai là Trì giới, có nghĩa là tuân thủ đúng theo giới luật và các phong tục, luật lệ, tập quán ở địa phương nơi mình cư ngụ. Mọi việc dù lớn hay nhỏ, dù thế gian hay xuất thế gian, đều có quy tắc tự nhiên của nó. Chúng ta cần phải làm đúng, vì như vậy chúng ta mới hoàn thành công việc mà ta đã phát nguyện. Chẳng hạn như quy củ nề nếp trong gia đình. Luân thường đạo lý là mối quan hệ giữa cha con, vợ chồng, anh em. Có lớn nhỏ, có trật tự tự nhiên, không được điên đảo. Nếu không giữ được vậy, tức là gia đình rối loạn, cha không ra cha, con không ra con. Cũng như khi nấu cơm, ta phải vo gạo, đổ vào nồi, rồi bắt lên bếp, không theo tuần tự như vậy thì cơm không chín được.

Điều này càng đúng cho việc tu học Phật pháp. Nếu muốn thành tựu, chúng ta phải theo sự hướng dẫn của Đức Phật, thực hiện Bốn lời nguyện lớn của chư Phật và Đại Bồ-

tát. Trước hết, chúng ta nguyện giúp đỡ tất cả chúng sinh. Tiếp đến chúng ta nguyện chuyển hóa mọi lo âu phiền muộn, tập khí, chấp trước để diệt trừ sạch mọi phiền não. Chỉ có như vậy chúng ta mới thông đạt được hết thấy mọi pháp môn. Sau cùng chúng ta mới thành tựu Phật đạo. Khi đã thành Phật rồi, ta lại có được năng lực cứu giúp tất cả chúng sinh, thế nên chúng ta mới thành tựu được lời nguyện lớn thứ nhất: *“Chúng sinh vô biên thệ nguyện độ”*.

Có người sẽ hỏi: “Nhất định phải thành Phật, làm Bồ-tát không được hay sao?” Dù Bồ-tát có đủ năng lực để cứu giúp chúng sinh, nhưng chưa có đủ năng lực để giúp cho hàng Bồ-tát có giai vị ngang mình hoặc cao hơn. Như hàng Đẳng giác Bồ-tát chưa thể độ được hàng Đẳng giác Bồ-tát, chỉ khi thành Phật rồi, mới có năng lực rộng lớn độ hết chúng sinh trong 9 pháp giới này. Với lời nguyện như vậy, chúng ta mới phát tâm từ bi rộng lớn nguyện giúp đỡ mọi chúng sinh, nguyện tinh cần chuyển hóa phiền não và thông đạt mọi pháp môn tu.

Ngày nay, người tu không thiết tha thực hành các lời nguyện mặc dù họ tụng đọc hằng ngày. Sao tôi nói vậy? Vì

họ vẫn còn tâm phân biệt, tâm thị phi, tâm nhân ngã, tâm yêu ghét. Nên họ chỉ giúp người mà họ thích và bỏ qua người mà họ không thích. Đó không phải là lời nguyện chân chính, không phải là lời nguyện viên mãn. Lời nguyện viên mãn là của Bồ-tát không xuất phát từ tâm phân biệt. Bồ-đề tâm rất vi diệu, không thể nghĩ bàn và vượt xa tâm phàm phu của chúng sinh.

### 3/ Nhẫn nhục ba-la-mật:

Bất luận làm việc gì, cũng cần phải thực hành tâm nhẫn nhục. Vào thời xưa các Pháp sư dịch kinh thấy người Trung Hoa có cá tính quật cường. Trong sách cổ thường thấy ghi câu: “Kẻ sĩ chỉ chịu chết chứ không chịu nhục”, “*Sĩ khả sát bất khả nhục*”. Dù có chém đầu cũng không can hệ gì. Nhưng đó chỉ là sự nhịn nhục và xem thường chứ chưa phải là nhẫn. Do vậy nên các pháp sư dịch kinh mới đưa thêm vào danh từ *nhẫn nhục* (忍辱) để chỉ cho cá tính quật cường của người Trung Hoa, vốn ban đầu chỉ có từ *nhẫn nại* (忍耐) chứ không có ý nghĩa chữ *nhục* (辱). Kinh Kim Cương có nói: “Tất cả các pháp được thành tựu là nhờ nhẫn nhục.”<sup>(49)</sup>

<sup>49</sup> 一切法得成於忍.

Không có tâm nhẫn nhục thì không thành tựu điều gì cả. Chẳng hạn, nếu muốn tốt nghiệp đại học thì phải kiên nhẫn học bốn năm. Quý vị phải nhẫn nhục ngồi đây suốt hai tiếng đồng hồ để nghe tôi giảng rồi quý vị mới mong có kết quả mỹ mãn khi thực hành. Không có tâm nhẫn nhục thì không bao giờ làm được điều gì cả, bất luận chúng ta có duyên lành đến đâu. Trong Sáu pháp ba-la-mật-đa, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni nhấn mạnh nhất đến Nhẫn nhục ba-la-mật trong Kinh Kim Cương. Đó là chìa khóa thành công trong tu tập.

Người đời thường nói: “Xử sự là khó, xử thế với người càng khó hơn”, “*Xử sự nan, xử nhân cánh nan*”. Đối với thời xưa, việc ứng xử giữa người với nhau không khó. Nhưng ngày nay thì khác. Sao vậy? Vì nền giáo dục thời xưa thường dạy con người nhân cách và đạo lý để sống với nhau, giáo dục ngày nay chỉ dạy con người cách làm việc để kiếm sống. Nên chẳng ngạc nhiên gì khi chính chúng ta chẳng biết gì về mình để xử sự đúng với những người chung quanh. Chúng ta còn không biết được những biến đổi tâm tính của mình, biết về người khác lại càng ít hơn. Do vậy, nên càng khó để xử sự cho hài hòa với mọi người.

Có ba loại nhẫn nhục. Thứ nhất là nhẫn nhục khi bị người khác ngược đãi, mắng chửi hoặc hăm hại. Nhẫn nhục chính là công đức, với sự nhẫn nhục, ta mới có được tâm thanh tịnh, như vậy dễ có được định lực và tu tập dễ thành tựu. Khi thực hành hạnh nhẫn nhục thành tựu rồi, chúng ta sẽ có được phước báo rất lớn. Thứ hai là nhẫn nhục khi gặp nghịch cảnh do thời tiết, nóng lạnh, mùa hạ mùa đông, đói khát cũng như các tai họa do thiên nhiên gây ra. Thứ ba là nhẫn nhục trong khi khổ nhọc tu tập. Trước khi có được sự hỷ lạc trong công phu tu tập cũng như năng lực công phu được vững chãi, chúng ta phải gặp rất nhiều chướng ngại. Tuy nhiên, khi đã vượt qua giai đoạn này rồi, chúng ta sẽ có được sự an lạc. Sao vậy? Vì chúng ta đang đi trên con đường chính. Điều này cũng giống như khi đi trên xa lộ, trước khi đến nơi ta phải chạy vòng và phải tìm lối vào. Điều này thường làm cho ta nản lòng nhưng vì trên đường đi có quá nhiều xe khiến ta không thể chạy nhanh được. Một khi đã vào xa lộ cao tốc rồi, sẽ thấy dễ chịu hơn vì xe chạy nhanh hơn, êm hơn và không còn chướng ngại. Tu tập Phật pháp cũng giống như vậy.

Ban đầu, chúng ta đi đường vòng, thử qua rất nhiều

trường với rất nhiều môn. Chúng ta sẽ chọn môn nào? Sẽ học cái gì? Có người may mắn vì họ chỉ mất vài năm là thấy được con đường chính. Có người kém may mắn, phải mất 10 đến 20 năm hay trọn cả cuộc đời mới có được con đường chân chính. Có được may mắn là do nhiều căn lành, công đức, nhân duyên đời trước ta đã vun trồng. Với những điều kiện trên, chắc chắn chư Phật, các Bồ-tát sẽ hỗ trợ chúng ta, vì họ không bao giờ bỏ rơi chúng sinh. Và khi đã phát tâm thọ trì Phật pháp, chúng ta sẽ được chư Phật hộ niệm đưa đến giác ngộ. Lúc đó tương lai sẽ được tươi sáng hơn.

Thế tại sao Đức Phật không nói chỉ đơn giản những gì chúng ta cần biết thôi? Ngài có nói. Nhưng chúng ta không nghe. Chúng ta đã được Đức Phật dạy về pháp môn tu, nhưng chúng ta lại nghĩ rằng: “Đây có thể không phải là pháp tu hay nhất. Tôi còn nghe có một pháp môn khác hay hơn”. Như vậy là chúng ta đã làm trái lời các Ngài đã dạy. Thế nên các Ngài không đến với chúng ta. Quý vị hãy suy nghĩ kỹ điều này. Chúng ta cần phải nhẫn nhục trước khi đạt đến giác ngộ. Không có tâm nhẫn nhục, chúng ta không thể nào tiến lên giai vị cao hơn, vì nhẫn nhục là điều kiện tiên quyết để có định lực và tinh tấn.

*4/ Tinh tấn ba-la-mật:*

Trong tiếng Hán chữ tinh tấn được ghép lại gồm hai chữ *tinh* (精) là tinh chuyên; *tấn* (進) là tiến bộ. Cả hai việc đều phải đi cùng nhau. Phật pháp không bảo thủ mà cũng chẳng lạc hậu, mà mong cầu sự tiến bộ hằng ngày. Có người cho rằng Phật pháp ngày nay không còn thích ứng nữa. Những đánh giá này hoàn toàn sai lầm vì người nói không biết đến tinh tấn ba-la-mật. Tiến bộ là điều tốt, nhưng điều quan trọng là phải tiến bộ trong tinh thần tinh chuyên. Hiện nay, ở phương Tây nhiều nhà khoa học có rất nhiều khám phá mới, họ rất kiên trì, miệt mài tìm kiếm hằng ngày và không bao giờ ngưng nghỉ. Điều ấy cũng được áp dụng cho việc học Phật. Chúng ta tu học tinh tấn sau khi đã chọn được tông phái và pháp môn, tinh tấn tập trung trong các môn học cho đến khi thông suốt trước khi học qua môn khác. Sẽ chẳng có hiệu quả nếu tập trung vào nhiều môn khác nhau trong cùng một lúc. Khi chúng ta đã thành tựu được một môn, chúng ta sẽ thông hiểu được tất cả. Nên nói: “nhất thông nhất thiết thông”. Nếu chúng ta muốn thử nhiều pháp môn thì chúng ta sẽ bị chướng ngại trước khi được giác ngộ. Tôi sẽ kể cho quý vị nghe một vị tăng chuyên tâm tu tập pháp môn

niệm Phật.

Vào những năm Dân quốc đầu tiên, Pháp sư Đế Nhân có một vị đệ tử, vị này hơn 40 tuổi mới xuất gia. Hai vị là bạn thời thơ ấu, cùng lứa tuổi với nhau. Pháp sư Đế Nhân xuất thân trong gia đình khá giả, nên được học hành, hưởng được nền giáo dục chu đáo. Trong khi người bạn của ngài xuất thân từ gia đình nghèo, ít được học hành. Khi lớn lên, người bạn ấy làm nghề lao động thủ công nên đời sống rất chật vật.

Một lần sau khi ở lại chùa viếng thăm Pháp sư Đế Nhân vài hôm, ông ta nói với Pháp sư rằng ông muốn xuất gia làm tăng. Pháp sư hỏi vì sao, ông ta trả lời: “Đời sống quá khó khăn và tôi muốn làm người xuất gia”. Ban đầu Pháp sư từ chối vì thấy giáo dục Phật pháp rất nghiêm túc và việc học kinh điển sẽ khiến cho anh bạn già và chậm lụt này khó theo nổi so với các chú đệ tử còn trẻ. Các vị tăng khác sẽ cả nể vì anh ta là bạn của pháp sư. Thấy mọi chuyện đều là thử thách quá lớn đối với người bạn mình nên Pháp sư từ chối. Nhưng người bạn cứ nài nỉ nên Pháp sư phải nhận lời và đưa ra những điều kiện: “*Tôi đồng ý thọ phát cho ông*

*xuất gia, nhưng ông đừng mong mình sẽ thọ giới vì chắc ông không thể nào chịu nổi 53 ngày tập sự khắc nghiệt. Ở trong làng Ninh Ba, có rất nhiều ngôi miếu nhỏ vắng người, tôi sẽ tìm cho ông một cái để ở*". Pháp sư nhờ vài người Phật tử ở gần đó cung cấp thực phẩm cho vị tăng mới. Rồi hướng dẫn ông ta niệm danh hiệu *Nam mô A-di-đà Phật*. Ngài nói: "Chỉ cần lúc nào cũng niệm câu này. Khi mệt thì hãy nghỉ, nhưng khi nghỉ cũng nhớ đến câu danh hiệu. Tôi tin chắc ông sẽ được lợi lạc rất lớn khi làm như vậy".

Rồi vị tăng mới ẩn mình trong ngôi miếu nhỏ và chỉ tập trung niệm Phật. Ba năm sau, ông ta trở về thăm bạn bè và người thân rồi trở về lại ngôi miếu và nói với người phụ nữ thường đem cơm rằng: "Ngày mai đừng đem cơm cho tôi nữa!" Người phụ nữ nghĩ rằng vị tăng đã không rời khỏi chùa ba năm nay quyết định sẽ về thăm bạn bè lần nữa vào ngày mai.

Ngày hôm sau, người phụ nữ trở lại ngôi miếu để xem vị tăng đã về chưa. Cô ta vào và cất tiếng gọi, không thấy ai trả lời, cô ta đi vào trong và thấy vị tăng đang đứng với râu chổi hạt trên tay. Cô ta chào vị tăng nhưng không thấy trả lời. Khi đến gần cô ta mới biết ông ta đã chết nhưng vẫn

đứng. Chưa bao giờ thấy chuyện như vậy xảy ra trong đời nên cô ta báo cho các vị Phật tử đến xem. Họ gọi điện cho Pháp sư Đệ Nhàn báo tin lạ vừa xảy ra và thỉnh thị nên làm như thế nào?

Vì đi lại khó khăn, nên phải ba ngày sau Pháp sư mới đến được ngôi miếu. Pháp sư biết người bạn mình đã vãng sanh cõi Tây phương Cực lạc. Ngài nhìn người bạn đã tịch trong tư thế đứng và thán phục nói: "Ông đã chứng tỏ rằng quyết định xuất gia làm tăng cách đây ba năm của ông là đúng đắn. Không một Pháp sư chuyên giảng kinh thuyết pháp, các vị phương trượng trú trì danh sơn bảo sát ở đây cũng chưa có vị nào đạt được như ông". Trong ba năm, vị tăng thất học không làm gì hết ngoài việc niệm *Nam mô A-di-đà Phật*. Sự nhất tâm, tinh cần không gián đoạn của vị tăng đã đưa đến kết quả thoát khỏi luân hồi sinh tử và vãng sinh Tây phương Cực lạc.

Thực hành tinh tấn rất quan trọng bất luận trong công việc gì. Dù niệm Phật, ngồi thiền, trì chú, hay học kinh, chúng ta cũng phải tinh tấn. Trong việc học kinh, nếu muốn có ích cho mình và giúp người thì tốt nhất là chuyên tâm



ngiên cứu giảng giải chỉ một bộ kinh. Theo cách này, mỗi khi chúng ta nghiên cứu và giảng giải, chúng ta sẽ đạt đến cảnh giới tâm chứng mới lạ, chúng ta sẽ được tiến bộ không ngừng. Người giảng Kinh A-di-đà trong 10 năm sẽ trở thành Phật A-di-đà. Người giảng phẩm Phổ môn trong 10 năm sẽ trở thành Bồ-tát Quán Thế Âm. Còn người cố gắng học 10 bộ kinh trong 10 năm thì thành nghề gì cũng biết nhưng chẳng tinh nghề nào. Bây giờ quý vị mới biết tầm quan trọng của tinh tấn như thế nào!

Vào năm Dân quốc thứ 58, tôi được Hòa thượng Tinh Vân mời sang Phật Quang Sơn, một trường Đại học Phật giáo ở Đài Loan để giảng dạy. Tôi đề xuất với vị hiệu trưởng rằng: “Mỗi học tăng nên chuyên tâm nghiên cứu một bộ kinh. Có vậy, sau từ 10 năm đến 20 năm, Phật quang sẽ chiếu khắp toàn cầu”. Tuy nhiên, ý kiến của tôi không được chấp nhận. Nếu không thì sẽ có rất nhiều chuyên gia hoằng pháp. Thành quả ấy kỳ diệu biết bao! Theo cách này, nếu có người muốn nghe Kinh A-di-đà thì sẽ có Đức Phật A-di-đà thuyết pháp, nếu có người muốn nghe Kinh Địa Tạng sẽ có Bồ-tát Địa Tạng thuyết pháp. Người nào đã tốt nghiệp đại học này đều là những chuyên gia hoằng pháp. Chỉ bằng cách ấy, Phật

pháp mới được hoằng truyền rộng rãi.

Thế nên tôi mong mỗi rằng các vị hoằng dương Phật pháp đều là những chuyên gia, chứ không phải chỉ là những học giả, chỉ học nhiều môn, nhưng thực tế thì không thông suốt môn nào cả. Ngược lại, nếu học tăng chuyên chú vào một môn thì kết quả sẽ thông suốt tất cả các môn. Chư Phật và Bồ-tát đều tinh thông nhiều mặt, nhưng vẫn dạy chúng ta chú tâm vào một pháp môn. Tinh tấn có nghĩa là thâm nhập chỉ riêng vào một pháp môn. Công đức của tinh tấn thật là vô lượng vô biên.

*5/ Thiên định ba-la-mật:*

Thứ năm là thiên định ba-la-mật, gồm thiên định thế gian và xuất thế gian. Thiên định thế gian gồm Bốn thiên tám định,<sup>(50)</sup> nếu siêng tu tập thiên định này, tương lai chắc chắn sẽ sinh vào cõi trời Sắc giới, Vô sắc giới. Đó là những cảnh giới cao, chỉ do tu tập thiên định mới đạt được. Đại thừa, Tiểu thừa đều có thiên định xuất thế gian, chư Phật đều tu tập

<sup>50</sup> *Tứ thiên*: Sơ thiên, đệ nhị thiên, đệ tam thiên, đệ tứ thiên; *Bát định*: Sơ thiên thiên, Nhị thiên thiên, Tam thiên thiên, Tứ thiên thiên. Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi phi tướng xứ định.

thiền định này. Chúng ta gọi đó là *Xuất thế gian thượng thượng thiền*. Yêu quyết tu tập mọi pháp môn đều ở thiền định.

Thật sai lầm khi cho rằng chỉ có Thiên tông Phật giáo mới tu tập thiền định. Thật ra các tông khác đều có pháp tu tập định lực. Tịnh độ tông dùng phương pháp niệm Phật để đạt nhất tâm bất loạn, đó là một cách tu tập thiền định. Tông Thiên Thai tu tập Chỉ quán, đó cũng là một cách thiền định. Mật tông dùng Tam mật tương ưng, sự tương ưng của ba nghiệp thân, khẩu, ý đó chính là thiền định. Nên phải biết, mỗi tông phái, pháp môn dùng tên gọi khác nhau nhưng đều tu tập thiền định. Do vậy nên trong Lục độ ba-la-mật, thiền định bao quát tất cả các phương diện kia, đều liên quan đến mọi sinh hoạt chúng ta hằng ngày.

Thiền định này là gì? Là làm chủ tâm ý mình. Chúng ta có mục đích, có phương hướng, tuyệt nhiên không để cho hoàn cảnh chung quanh chi phối, làm dao động, đó gọi là định. Như các nhà khoa học, họ thành công trong việc nghiên cứu là nhờ không để cho các việc khác chi phối, thế nên họ đạt được cái mà nhà Phật gọi là tam muội, đó là khoa kỹ tam muội. Người tu tập pháp môn niệm Phật đạt được nhất tâm

bất loạn được gọi là niệm Phật tam muội, như vị tăng đệ tử của Pháp sư Đệ Nhàn đã thành tựu. Qua đó, mới biết hẳn nhục là nền tảng để tu tập, có hẳn nhục ta mới siêng năng tinh tấn và nhờ vậy mới đạt được định lực, đó là cốt tủy của việc tu hành.

Trong *Kinh Pháp Bảo Đàn*, Lục tổ Huệ Năng có giải thích thiền định không chỉ có nghĩa là là ngồi thiền (đả tọa), đó chỉ là một trong vô số pháp tu thiền định mà thôi. Ngài chứng ngộ nhờ nghe *Kinh Kim Cương*, do vậy nên mọi lời giảng của Ngài đều lưu xuất từ yếu chỉ của kinh này. Thiền là ngoài không chấp trước vào tướng.<sup>(51)</sup> Định là trong không động tâm. Trong kinh Đức Phật dạy ngài Tu-bồ-đề<sup>(52)</sup> cách hoằng pháp lợi sanh qua câu: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*”.

Kinh Hoa Nghiêm trình bày Thiện Tài đồng tử trải qua cuộc tham vấn 53 vị thiện tri thức. Khi đến gặp Chúc Hương trưởng giả<sup>(53)</sup> để học về thiền định, Thiện Tài không thấy vị

<sup>51</sup> 不執著一切境界相是禪。

<sup>52</sup> 須菩提 s: Subhuti

<sup>53</sup> *Chúc Hương* 鬻香 c: Yuxiang; Còn gọi là Ưu-bát-la-hoa Trưởng giả (Kinh Hoa Nghiêm. Bản dịch Hòa thượng Thích Trí Tịnh).

này. Ông ta ở đâu? Ông ta không ngồi thiền trong một đạo tràng nào, cũng không ngồi thiền trong nhà, mà Thiên Tài gặp ông đang đi lang thang ngoài chợ. Ông ta đang làm gì ngoài đó? Ông ta đang tu tập thiền định, giữ cho tâm thanh tịnh bằng cách không dao động bởi các hiện tượng (*ngoại bất trước tướng, nội bất động tâm*). Ông ta không ngồi kiết già xoay mặt vào tường hằng giờ trong tư thế mà ta hằng mong ước được thành thực. Chúng ta không biết rằng Ch�c Hương trưởng giả đã đạt đến trình độ thiền định cao cấp hơn những người mà chúng ta thường thấy họ ngồi trong tư thế kiết già. Trình độ thiền định bậc cao hoặc còn gọi tam muội là có thể đạt được ngay cả trong khi làm việc, trong cả bốn tư thế đi, đứng, nằm, ngồi.

Tại sao thiền định lại rất quan trọng? Tại sao Đức Phật dạy ta: “*Ngoài phải xa lìa các tướng, trong không được động tâm*”.<sup>(54)</sup>? Vì tất cả các hiện tượng đều hư vọng, các pháp hữu vi đều như mộng, huyễn, ánh chớp, bọt bóng. Đức Phật đã thấy rõ nên khuyên chúng ta đừng khởi tâm phân biệt chấp trước. Nếu chúng ta làm được như vậy, thì sẽ khôi phục lại

<sup>54</sup> 外要離相,內不動心.

được tự tánh chân thật của mình và có được trí huệ như chư Phật khi nhìn các hiện tượng chung quanh. Đó là Bát-nhã ba-la-mật.

#### 6/ Bát-nhã ba-la-mật:

Thứ sáu là Bát-nhã ba-la-mật. Chúng ta ứng dụng điều này trong sinh hoạt hằng ngày, khi chúng ta thực hành theo Bồ-tát đạo. Chúng ta nhận biết tất cả các hiện tượng chung quanh mình nhưng không vướng mắc với nó khi chúng ta làm hết sức mình để cứu giúp chúng sinh. Sao vậy? Vì việc cứu giúp chúng sinh phát xuất từ tâm nguyện và công hạnh của chư Phật và Bồ-tát, đồng thể đại bi, vô duyên đại từ. Điều này cũng giống như khi một người dùng tay trái đuổi muỗi đang đậu trên tay phải mình. Tay phải có hỏi tại sao nó giúp tay trái không? Dĩ nhiên là không. Vì nó cùng có chung thân thể.

Bây giờ chúng ta tạm thời quên mất tự tánh của mình, nên không biết mọi chúng sinh và mình vốn đồng một tự thể. Thế nên chúng ta có sự phân biệt giữa mình và người, trở nên rắc rối phức tạp, càng lắm mê mờ, phạm nhiều ác nghiệp nên gieo nhiều khổ đau cho mình và người. Đức Phật dạy

chúng ta cách dẹp trừ mê lầm, thức tỉnh, nhận ra chân lý giúp người chính là giúp mình. Lòng thương yêu mọi người không điều kiện (*vô duyên đại từ*) xuất phát từ nhận thức chúng sinh và mình vốn đồng một tự thể (*đồng thể đại bi*).

Nói tóm lại, mọi việc đều có trình tự và phương pháp. Đó là phải *giữ giới*. Có lòng nhẫn nại, chúng ta sẽ có được *nhẫn nhục*. Chuyên tâm vào việc tu tập không lơ là gọi là *tinh tấn*. Làm chủ được tâm và không bị dao động bởi các hiện tượng bên ngoài gọi là *thiền định*. Thông đạt mọi tri thức và hiện tượng gọi là *trí huệ (bát-nhã)*. Do vậy Đức Phật dạy chúng ta áp dụng Lục độ ba-la-mật, bổ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ (*bát-nhã*) vào trong đời sống hằng ngày. Theo cách này, chúng ta thực sự đang tu tập Bồ-tát đạo. Sẽ sai lầm khi nghĩ rằng mình đã thọ Bồ-tát giới rồi thì hiển nhiên mình là Bồ-tát. Nếu chúng ta không tu tập Lục độ ba-la-mật, không áp dụng các điều này, dù có thọ giới Bồ-tát, cũng giống như tượng Bồ-tát bằng đất, đến mình cũng chẳng độ được, nói gì đến độ người.

#### V. Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền:

Chỉ khi nào ta ứng dụng được bốn khoa mục chủ yếu

đầu tiên là Ba loại tịnh nghiệp, Sáu nguyên tắc hòa kính, Ba môn học vô lậu, Lục độ ba-la-mật thì mới được gọi là đệ tử Phật và là người đang thực hành hạnh Bồ-tát. Trên nền tảng Lục độ ba-la-mật chúng ta mới có thể tiến lên một bậc nữa trong tiến trình tu tập Phật pháp, đó là Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền. Những lời nguyện này Đức Phật dạy chúng ta trong *Kinh Hoa Nghiêm*. Đây là giai đoạn tu tập cuối cùng để đưa đến Phật quả. Khi chưa thực hành trọn vẹn bốn khoa mục chủ yếu đầu tiên thì chưa thể tiến lên tu tập Lục độ ba-la-mật và Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền. Đặc điểm của Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền là tâm từ bi rộng lớn vô lượng vô biên. Mọi chúng sinh đều được thành tựu viên mãn trong lời nguyện này.

*Thứ nhất: Lễ kính chư Phật.*

Chư Phật là ai? Chúng ta đọc trong *Kinh Hoa Nghiêm* có câu: “*Tình dữ vô tình, đồng viên chúng trí*”. Thế nên tất cả chúng sinh đều có tính giác. Tình là hết thảy chúng sinh hữu tình, gồm cả các loại động vật. Vô tình là các loài thực vật, khoáng sản, tất cả đều là những vị Phật sẽ thành. Cho nên tôn kính chư Phật là cung kính tất cả chúng sinh, đó

chính là tâm nguyện của Bồ-tát Phổ Hiền. Tâm nguyện của ngài khác hẳn với các vị Bồ-tát kia.

Quý vị Phật tử ai cũng đều tôn kính chư Phật, nhưng sự tôn kính này có lẽ chưa được chí thành tột cùng. Sao vậy? Như khi quý vị đang nghe giảng kinh, nhưng chợt nhớ ra có cuộc hẹn hay có người gọi điện thoại. Lúc đó sẽ như thế nào? Ta sẽ rời khỏi giảng đường ngay để giải quyết công việc hoặc nghe điện thoại. Thế nên chúng ta chưa thật sự tôn kính. Nếu chúng ta chân chính chí thành cung kính chư Phật thì nghe giảng kinh thuyết pháp là việc quan trọng nhất trong đời. Nhưng thực tế thì khi chúng ta đang nghe giảng kinh mà có người bảo rằng có một áp-phe trị giá chừng triệu bạc thì tức khắc chúng ta rời khỏi hội trường. Lòng tôn kính chư Phật như vậy chưa được chân thành.

Tâm cung kính của Bồ-tát Phổ Hiền rất chí thành và viên mãn, dù đối với chư Phật cũng như đối với chúng sinh hữu tình và vô tình. Sao vậy? Vì ngài hiểu rằng mọi chúng sinh đều có Phật tánh. Nên xem thường chúng sinh là xem thường chư Phật. Thế nên ta phải kính trọng tất cả chúng sinh.

Thế chúng ta đối xử như thế nào với những vật vô tình như bàn ghế? Nó cũng đáng được tôn trọng như chúng sinh, vì dù sao thì nó cũng là kết quả do lực kết hợp từ nhiều nhân duyên. Điều gì là chính đáng để thể hiện sự tôn kính chư Phật? Lễ bái một ngày ba lần chăng? Không, đó là cách của người Phật tử ngò ngếch. Vì để thể hiện sự kính trọng với vật thể ta giữ gìn chúng gọn gàng, ngăn nắp và sạch sẽ. Chẳng hạn như kinh sách đặt ngay ngắn trên tủ kệ. Khi làm việc gì, ta làm với lòng chí thành và đầy trách nhiệm. Cố gắng đem hết sức mình ra để làm. Đối xử với mọi người, với công việc cũng như đồ vật đều bình đẳng như nhau. Đây là công hạnh của Bồ-tát Phổ Hiền. Điều này là phần mở rộng và hoàn chỉnh của Lục độ ba-la-mật, do vậy nên đây là phương pháp hữu hiệu nhất cho việc tu hành.

*Thứ hai: Xưng tán Như Lai.*

Hạnh nguyện thứ nhì là Xưng tán Như Lai. Nguyện thứ nhất là Lễ kính chư Phật, tại sao không ghép cả hai lại thành Lễ kính và xưng tán Như Lai? Có ý nghĩa rất sâu xa về hai lời nguyện này. Lễ kính chư Phật là nói về phương diện hình tướng. Tất cả đều phải có tâm cung kính. Gặp người thiện

cũng cung kính, gặp người bất thiện cũng cung kính, gặp kẻ chánh tà đều cung kính. Xung tán Như Lai là nói trên phương diện tánh. Có phần sai khác. Chúng ta xung tán cái thiện chứ không xung tán cái ác. Đối với kẻ bất thiện chúng ta cung kính họ chứ không xung tán. Điểm khác biệt là ở đây. Khi Thiện Tài đồng tử đi tham học 53 vị thiện tri thức, gặp vị nào Thiện Tài cũng đều lễ kính và tán thán, duy gặp ba người Thiện Tài đồng tử chỉ lễ kính chứ không tán thán. Người thứ nhất là Thắng Nhiệt Bà-la-môn<sup>(55)</sup>, ông này là ngoại đạo, đại biểu cho sự ngu si. Người thứ hai là Cam Lộ Hỏa vương,<sup>(56)</sup> đại biểu cho sân hận, tập khí nóng nảy rất lớn, ông ta trừng phạt những người chỉ xúc phạm ông chút ít bằng cách dìm họ vào trong chảo dầu sôi hoặc ném họ trên núi đao nhọn. Người thứ ba là Phiệt-tô-mật-đa,<sup>(57)</sup> là một dâm nữ. Ba người này đại biểu cho tham, sân, si. Thiện Tài đồng tử chỉ cung kính họ chứ không tán thán. Thế nên chúng ta thấy tánh đức là tiêu chuẩn để tán thán. Phải là thiện pháp hoặc chánh pháp thì chúng ta mới tán thán. Nhưng chúng ta vẫn tôn trọng tất

<sup>55</sup> 勝熱婆羅門 Thắng Nhiệt Bà-la-môn; c: Shengrepoloumen.

<sup>56</sup> 甘露火王 Cam Lộ Hỏa vương; c: Ganluhuowang.

<sup>57</sup> Phiệt-tô-mật-đa; c: Fasumiduo 筏蘇蜜多 còn gọi Bà-tu-mật-đa.

cả chúng sinh, vì tâm cung kính là phản ánh của tâm thanh tịnh và tâm bình đẳng. Chúng ta cũng tôn trọng các tôn giáo tín ngưỡng khác, nếu thực sự đó là chính pháp, chính giáo thì chúng ta sẽ tán thán. Chúng ta không bao giờ tán thán những tôn giáo khuyến khích con người làm điều sai trái.

Chúng ta thấy có sự khác biệt lớn giữa hạnh nguyện thứ nhất và thứ hai mặc dù đều phát xuất từ tâm thanh tịnh và viên mãn.

*Thứ ba: Cúng dường rộng khắp.*

Điểm đặc sắc của Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền là tâm từ bi rộng lớn vô lượng vô biên. Trong giáo lý Đại thừa, đây là khởi dụng của tánh đức viên mãn. Hàng Bồ-tát đã minh tâm kiến tánh nhưng dụng của tánh đức chỉ đạt từng phần, chưa được hoàn toàn viên mãn. Duy chỉ có tánh đức khởi dụng của Bồ-tát Phổ Hiền mới hoàn toàn viên mãn. Mọi lời nguyện của ngài đều nhắm đến chúng sinh trong pháp giới. Ở đây có sự khác nhau giữa Bồ-tát Phổ Hiền và Bồ-tát thực hành Lục độ Ba-la-mật. Một bên là khi cúng dường một Đức Phật là cúng dường hết thủy chư Phật, không chỉ cúng dường chư Phật mà cúng dường tất cả chúng sinh

hữu tình và vô tình. Do vậy, một là tất cả, tất cả là một. Với tâm lượng quảng đại này, chúng ta sẽ đạt được tâm không phân biệt và thật sự thành tựu viên mãn.

Phổ Hiền Bồ-tát dạy rằng trong các sự cúng dường, cúng dường pháp là lớn nhất. Tuy nhiên, chỉ đối với giáo lý của chư Phật dạy cho chúng sinh phá trừ mê chấp, khai mở trí giác ngộ, khôi phục tự tánh viên mãn, mới là pháp tối thượng trong tất cả các pháp cúng dường. Như Phật giáo là nền giáo dục, chúng ta phải kính trọng các bậc thầy và tôn kính lời dạy bảo của các ngài. Với phương pháp này, chúng ta mới đạt được giác ngộ viên mãn.

Trong giáo lý của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, bộ kinh nào quan trọng nhất? Các bậc cao tăng từ đời Tùy, Đường của Trung Hoa, Nhật Bản, Hàn Quốc đều công nhận trong suốt 49 năm thuyết pháp, bộ *Kinh Hoa Nghiêm* là quan trọng nhất. Giáo lý trong *Kinh Hoa Nghiêm* là rất ráo viên mãn. Các bậc cổ đức đối chiếu giữa hai bộ *Kinh Vô lượng thọ* và *Kinh Hoa Nghiêm* rồi kết luận rằng *Kinh Vô lượng thọ* quan trọng hơn *Kinh Hoa Nghiêm*, Quý vị giải thích rằng *Kinh Hoa Nghiêm* và *Kinh Pháp Hoa* là hai bộ kinh lớn, Phật pháp Trung Hoa gọi hai bộ kinh này là Nhất thừa viên giáo.

Nhưng tác dụng của hai bộ kinh này đều quy hướng vào *Kinh Vô lượng thọ*. Nên *Kinh Vô lượng thọ* là bộ kinh quan trọng nhất.

Khi đọc đến điều này, tôi rất tán đồng vì khế hợp với sự thể nghiệm sâu sắc của chính mình. Chính *Kinh Hoa Nghiêm* đã dẫn tôi đến Tịnh độ tông. Tôi đã giảng *Kinh Hoa Nghiêm* suốt 17 năm, sau đó tôi chỉ giảng phẩm Bồ-tát Phổ Hiền hạnh nguyện trong *Kinh Hoa Nghiêm* thôi. Trong suốt 17 năm ấy, tôi hiểu sâu sắc ý nghĩa Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền trong việc dẫn dắt chúng sinh đến với pháp môn Tịnh độ. Cõi Tịnh độ này chính là thắng cảnh của *Kinh Vô lượng thọ*. Từ sự thể nghiệm của mình, tôi nhận ra rằng *Kinh Vô lượng thọ* chính là tinh hoa và quy hướng của *Kinh Hoa Nghiêm*. Từ đây, tôi tin lời cổ đức hoàn toàn chân thật.

Thế là chúng ta đã biết được điều gì quan trọng nhất trong giáo lý của Đức Phật trong suốt 49 năm thuyết pháp của Ngài. Tuy nhiên, chỉ sau khi Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đem 5 bản dịch của *Kinh Vô lượng thọ* biên tập lại thành một bản hoàn chỉnh, chúng ta mới thấy được lợi ích thù thắng viên

mãn. Công việc biên tập một tác phẩm kinh điển đồ sộ như vậy cho biết Lão cư sĩ Hạ Liên Cư không phải là một người bình thường, mà là một vị Đại Bồ-tát thị hiện. Vị Đại Bồ-tát này vì thương chúng sinh trong thế gian này nên đã khai mở ra phương tiện ấy cho mọi người tu tập để được giác ngộ thành Phật. Thế nên Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã thị hiện nơi cõi này để biên tập kinh trên và truyền bá pháp môn Tịnh độ trong thời mạt pháp.

Khi tôi đến thăm Bắc Kinh, một học trò của Lão cư sĩ Hạ Liên Cư đưa cho tôi xem tấm hình của ông. Khi về Đài Loan, tôi phóng lớn tấm hình ấy, mặc dù không được rõ lắm vì đây là bản chụp lại, nhưng thấy có điều kỳ diệu xảy ra. Trong ảnh, có hình Đức Phật hiện ra phía sau đầu Lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Hào quang tỏa sáng từ tượng Phật cho đến đôi hài dưới chân Lão cư sĩ. Dù tấm hình đã sao chụp lại nhiều lần, nhưng vẫn thấy rõ ràng hình ảnh Đức Phật đang ngồi kiết già phía sau đầu Lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Tôi đặt tấm hình ở vị trí rất trang trọng để biểu lộ lòng tri ân vị Đại Bồ-tát đã ban tặng cho chúng ta món quà và hướng dẫn chúng ta tu tập cùng truyền bá pháp môn Tịnh độ tông.

Đại sư Đạo Xước nói: “Các Đức Phật Như Lai sở dĩ

hiện ra trong đời này, là chỉ để nói về bản nguyện rộng lớn như biển của Đức Phật A-di-đà”.<sup>(58)</sup> Nay chúng ta đã biết *Kinh Vô lượng thọ* là bộ kinh quan trọng nhất giúp cho chúng sinh tu hành thành Phật. Kinh này gồm có 48 phẩm. Phẩm nào là trọng yếu nhất? Trong tất cả các phẩm, phẩm thứ sáu là trọng yếu nhất. Nội dung phẩm này nói đến 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà. Khi đọc kinh này, chúng ta mới thấy rõ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni giới thiệu về cảnh giới Tây phương Cực lạc đều tương ứng với 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà.

Trong 48 lời nguyện ấy, lời nguyện nào là quan trọng hơn cả? Các bậc cổ đức Trung Hoa đều đồng ý rằng lời nguyện thứ 18 là quan trọng hơn cả. Lời nguyện này nói rằng nếu có chúng sinh chỉ cần niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà 10 lần thì chắc chắn sẽ được vãng sinh Tịnh độ. Trong những năm học Phật đầu tiên, tôi vẫn còn nghi vấn, giả như có người tạo nghiệp rất nặng, liên đọa vào địa ngục A-tỳ, khi ấy Đức Phật có năng lực để giúp cho người ấy thành Phật được ngay không? Nếu Đức Phật không làm được điều này, năng

<sup>58</sup> 如來所以興出世.唯說彌陀本願海.



lực thần thông và trí huệ của ngài chỉ là lời ca tụng suông thôi, chứ không phải là sự thực; ngược lại, nếu năng lực thần thông và trí huệ của chư Phật có thể giúp cho người người tạo nghiệp rất nặng bị đọa vào địa ngục A-tỳ ấy thành Phật thì năng lực thần thông và trí huệ của chư Phật thực sự viên mãn. Nghi vấn này mãi cho đến khi tôi đọc được 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà mới thấy rõ ràng. Từ đó tôi tin năng lực đức tướng trí huệ của chư Phật là tốt cùng viên mãn.

Chư Phật thực sự có năng lực giúp người tạo nghiệp cực ác tu hành thành Phật. Vấn đề là do người ấy có tin nhận hay không? Nếu không thì lỗi lầm nằm ở phía người ấy chứ không phải do chư Phật. Thế nên sau khi đọc *Kinh Vô lượng thọ* rồi, tôi tin là bất kỳ ai thành tín hành trì pháp môn niệm Phật đều sẽ thành tựu.

Đệ tử Pháp sư Đệ Nhàn thành tựu khi tu pháp môn niệm Phật trong ba năm là tấm gương sáng. Người đệ tử biết trước rằng mình sẽ vãng sinh Tịnh độ, nên bảo người mang com rang từ ngày mai đừng mang com đến nữa. Ông thị tịch trong tư thế đứng suốt ba ngày để đợi sự phụ mình đến xác quyết thành tựu cuối cùng của mình. Ông ta đã đạt thượng phẩm thượng sanh vào cõi Tây phương Cực lạc, là phẩm cao

nhất. Sự thành tựu của ông là bằng chứng cho lời nguyện thứ 18 của Đức Phật A-di-đà, xác quyết cho chúng ta rõ chỉ cần niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà 10 lần thì chắc chắn sẽ được vãng sinh Tịnh độ.

Người nào tin sâu vào pháp môn này chắc chắn phải có thiện căn, phước đức nhiều đời. *Kinh Vô lượng thọ* nói rằng vị tăng nào vãng sinh chỉ một thời gian ngắn sau khi thị tịch, là vị ấy đã từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật trong đời quá khứ. Nhờ quả báo đó, nay mới tin nhận mà tu hành. Nếu không có thiện căn, phước đức nhiều đời này, khó mà tin nhận và hành trì cho dù thấy mình có dạy bảo.

Danh hiệu A-di-đà Phật có vô lượng nghĩa, đó là danh hiệu của hư không pháp giới. Nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa danh hiệu này thì hãy đọc trong phần giải thích trong *Kinh Vô lượng thọ*. Nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa *Kinh Vô lượng thọ* thì hãy đọc *Kinh Hoa Nghiêm* vì kinh này là chú giải chi tiết về *Kinh Vô lượng thọ*. Nếu chúng ta muốn hiểu ý nghĩa *Kinh Hoa Nghiêm* thì hãy đọc toàn bộ Đại tạng kinh vì tạng này là chú giải chi tiết về *Kinh Hoa Nghiêm*. Dùng phương pháp này để thâm nhập lý kinh, chúng ta sẽ thấy

rằng công đức của danh hiệu Đức Phật A-di-đà thực là bất khả tư nghì.

Danh hiệu này cũng chứa trọn cả chư Phật và tất cả các pháp trong hư không pháp giới. Do vậy, niệm một danh hiệu Phật là niệm tất cả. Vào thời Hoàng đế Càn Long nhà Thanh, Từ Vân Quán Đảnh Pháp sư<sup>(59)</sup> có soạn bộ *Quán Vô lượng thọ Kinh trực chỉ*, dạy rằng muốn cầu thoát khỏi tai ương hoạn nạn, chúng ta có thể tụng kinh, trì chú, hoặc dùng các pháp sám hối. Tuy nhiên, nếu có người tội chướng sâu nặng thì chỉ có cách niệm Nam mô A-di-đà Phật. Do đó, chúng ta biết rằng đây là phương pháp hay nhất để thực hành khi gặp tai họa. Nên người bị bệnh thường hay tụng *Kinh Dược Sư* và người gặp tai nạn thường tụng *Phẩm Phổ Môn*, nhưng họ không biết rằng công đức của niệm danh hiệu Phật đã làm cho pháp môn này thành ưu việt nhất.

Thế tại sao Đức Phật Thích-ca Mâu-ni không nói ngay cho chúng ta biết? Tại sao Đức Phật lại dạy cho ta quá nhiều bộ kinh và nhiều pháp môn? Vì có nhiều người không tin pháp môn niệm Phật. Nên cuối cùng Đức Phật mới dạy pháp

<sup>59</sup> 慈雲灌頂法師; c: Ciyun Guanding.

môn này. Điều này cũng giống như khi vào Viện Bảo tàng Đài Loan, nhiều người cho rằng bộ sưu tập ngọc quý đời Thanh là đẹp nhất, họ không để ý đến các vật quý đồ đồng từ đời nhà Thương, nhà Chu, là bộ sưu tập quý giá nhất trong Viện Bảo tàng. Tương tự như vậy, nhiều người không tin công đức chân thực của pháp môn niệm Phật, thế nên Đức Phật mới nói vô số kinh để đưa chúng sinh về với Tịnh độ.

Đại sư Thiện Đạo nói rằng Đức Phật thị hiện thế giới này chỉ với một nhân duyên duy nhất là dạy cho chúng ta bản nguyện của Đức Phật A-di-đà. Ngày nay chúng ta có được niềm tin chắc thật, tu tập và hoằng truyền pháp môn niệm Phật. Thực vậy, đó là nhờ sự hộ trì của Tam bảo. Cũng vậy, nhân duyên cho chúng sinh đời nay thành tựu tu tập rất là nhiều, Trong suốt sáu năm qua, hàng triệu ấn bản *Kinh Vô lượng thọ* đã được ấn tống và truyền đi khắp thế giới. Tôi cũng đi khắp nơi để giới thiệu, và giảng giải kinh này. Nhiều người đã hoan hỷ tin nhận và thực hành theo. Thấy quý vị nhiệt thành đến đây để cùng hành trì pháp môn niệm Phật, tôi rất vui lòng và thấy nỗ lực của mình đã có chút kết quả. Do vậy, nếu chúng ta tu tập và truyền bá rộng rãi pháp môn này thì tôi có thể nói chắc rằng chúng ta đã thành tựu phần nào

lời nguyện Cúng dường rộng khắp.

Phương tiện mà chư Phật và Bồ-tát dùng để độ chúng sinh là vô lượng vô biên. Đó là thể hiện lòng từ bi rộng lớn dẫn dắt chúng sinh về cõi Tịnh độ. Chẳng hạn, Bồ-tát Phổ Hiền là thủy tổ của Mật tông Phật giáo. Bồ-tát Long Thọ mở được tháp sắt, gặp Kim Cang tát-đỏa Thượng sư. Kim Cang tát-đỏa đem mật pháp truyền cho Bồ-tát Long Thọ,<sup>(60)</sup> Long Thọ mới truyền bá trong cõi nhân gian. Kim Cang tát-đỏa còn được gọi là Kim Cang thủ Bồ-tát, đó chính là hóa thân của Bồ-tát Phổ Hiền. Và Bồ-tát Chuẩn-đề, là một biểu tượng lớn trong Mật giáo, chính là hóa thân của Bồ-tát Quán Thế Âm. Cả hai vị Bồ-tát này đều khuyến khích chúng ta phát

<sup>60</sup>.s: Nāgārjuna; dịch âm là Na-già Át-thụ-na (那伽闍樹那), tk. 1-2; Một trong những luận sư vĩ đại nhất của lịch sử Phật giáo. Người ta xem sự xuất hiện của ngài là lần chuyển pháp luân thứ hai của Phật giáo (lần thứ nhất do Phật Thích-ca, lần thứ ba là sự xuất hiện của giáo pháp Tantra). Đại thừa Ấn Độ xếp Sư vào ‘Sáu Bảo Trang của Ấn Độ’ (năm vị khác là Thánh Thiên [s: āryadeva], Vô Trước [s: asaṅga], Thế Thân [s: vasubandhu], Trần-na [s: diṅnāga, dignāga], và Pháp Xứng [s: dharmakīrti]) Trong tranh tượng. Ngài là vị duy nhất sau đức Phật được trình bày với chóp trên đỉnh đầu (肉髻; nhục kế; s: uṣṇīṣa), một dấu hiệu của một Đại nhân (s: mahāpuruṣa). Ngài là người sáng lập Trung quán tông (s: mādhyaṃika), . Những trứ tác được xem là quan trọng nhất do ngài soạn gồm có *Căn bản Trung quán luận tụng*, gồm 27 chương với 400 câu kệ, *Thập nhị môn luận*, *Đại trí độ luận*. Sư cũng là Tổ thứ 14 của Thiên tông Ấn Độ.

nguyện vãng sinh về Tây phương Cực lạc. Với tâm phàm phu, chúng ta phân biệt có Hiền giáo, Mật giáo; nhưng chư Phật và Bồ-tát với tâm hoàn toàn bình đẳng, tự tại, viên mãn thì hoàn toàn không có phân biệt tông phái và pháp môn. Tất cả tám vạn bốn ngàn pháp môn đều quy về một mục đích. Nhận thức được điểm này, tự nhiên chúng ta sẽ tôn trọng tất cả pháp môn.

*Thứ tư: Sám hối nghiệp chướng.*

Mọi người ai cũng có nghiệp chướng. Do khởi tâm động niệm nên tạo ra nghiệp, nghiệp đó lại tạo nên những chướng ngại. Chướng ngại cái gì? Che mờ bản tánh của chúng ta. Chân tâm bản tánh của chúng ta vốn có vô lượng trí huệ, vô tận năng lực công đức. Nhưng hiện nay trí huệ, năng lực công đức, năng lực thần thông ấy đều không khởi được tác dụng. Do nguyên nhân nào? Vì nó bị che mờ (chướng ngại). Chướng ngại có hai loại, phiền não chướng và sở tri chướng. Đức Phật dạy trong Kinh Hoa Nghiêm: *“Mọi chúng sinh đều có đức tướng trí tuệ Như Lai, chỉ do vọng tưởng, chấp trước nên không được chứng đắc”*.<sup>(61)</sup> Như

<sup>61</sup> 一切眾生皆有德相智慧如來,但以妄想執著而不得.

vị lương y, Đức Phật chỉ cho chúng ta nguồn gốc căn bệnh. Chấp trước là nguồn gốc phiền não chướng và vọng tưởng là nguồn gốc của sở tri chướng. Trong tất cả mọi pháp môn, mục tiêu của sự tu học là chuyển hóa toàn bộ vọng tưởng và chấp trước này. Khi đã được như vậy, là khôi phục được Phật tánh trong chính mình. Tất cả các pháp môn Đức Phật dạy đều là sám hối nghiệp chướng. Nên sám hối nghiệp chướng là then chốt trong việc tu tập của chúng ta.

Tự nhiên, rất khó để trừ sạch các nghiệp chướng này. Trong tất cả các pháp môn, pháp môn niệm Phật vãng sanh Tịnh độ là thù thắng hơn cả. Vì nếu chúng ta có phạm tội nghiệp rất nặng như tội ngũ nghịch, lẽ ra phải bị đọa vào địa ngục A-tỳ, vẫn có thể trừ sạch được nghiệp ấy và thành Phật. Chúng ta cần phải sám hối, nguyện sẽ sửa đổi và tu pháp môn niệm Phật để tương ứng với bản nguyện của chư Phật và sẽ được vãng sinh về cõi Tịnh độ. Đó là lý do tại sao Từ Vân Quán Đảnh Pháp sư nói rằng chỉ riêng pháp môn niệm Phật là có thể tiêu trừ nghiệp chướng.

Cách đây vài năm tôi thấy có truyền bá học thuyết

người còn nghiệp nặng không thể vãng sinh (đời nghiệp vãng sinh). Điều này thực sự làm cho những hành giả tu pháp môn niệm Phật sững sốt và hoang mang. Khi tôi đến Los Angeles năm 1984, Phật tử có hỏi về vấn đề này. Tôi mỉm cười nói: “*Nếu thực sự những người còn nghiệp nặng không thể vãng sinh, thì ở đó chỉ có một mình Đức Phật A-di-đà. Có ai đến đó được?*” Quý vị Phật tử hỏi: Như thế là sao? Tôi đáp lại: “Quý vị có nghe trong kinh nói đến bốn quốc độ, ba hạng, chín phẩm<sup>(62)</sup> trên cõi Tây phương Cực lạc chăng?” Tôi nói tiếp: “Nếu những người còn nghiệp nặng không thể vãng sinh ở cõi Tây phương Cực lạc, thì tại sao trên đó lại có đủ bốn quốc độ, ba hạng, chín phẩm?” Qua đó chúng ta đã hiểu.

<sup>62</sup> -Bốn quốc độ: Do Trí Khái Đại sư Tông Thiên Thai đề xuất. Gồm: Phạm thánh đồng cư độ, Phương tiện hữu dư độ, Thật báo vô chướng ngại độ, Thường tịch quang độ.

-Ba hạng (三輩 tam bối): Theo Kinh Vô lượng thọ; *Thượng bối*: Những người từ bỏ thế tục, xuất gia làm Sa-môn, phát bồ-đề tâm, chuyên tâm trì tụng Kinh Vô lượng thọ, tu tập mọi công đức, phát nguyện vãng sinh Tây phương Cực lạc. *Trung bối*: những người phát bồ-đề tâm, chuyên tâm trì tụng Kinh Vô lượng thọ, phụng trì trai giới, kiến lập tháp tượng, cúng dường tam bảo, phát nguyện vãng sinh Tây phương Cực lạc. *Hạ bối*: phát bồ-đề tâm, nhất tâm niệm Phật dù chỉ 10 niệm, phát nguyện vãng sinh Tây phương Cực lạc.

- *Chín phẩm*: Thượng phẩm thượng sanh, Thượng phẩm trung sanh, Thượng phẩm hạ sanh; Trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, trung phẩm hạ sanh; Hạ phẩm thượng sanh, Hạ phẩm trung sanh, Hạ phẩm hạ sanh.

Sự phân chia quốc độ, phẩm, hạng là căn cứ vào vô số kinh luận đang lưu truyền. Những người nghiệp nặng hơn, sẽ vãng sinh vào cõi giới thấp hơn, những người nghiệp nhẹ, sẽ vãng sinh vào cõi giới cao hơn. Tôi giải thích: Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Phổ Hiền đều là những Bồ-tát đẳng giác. Trong kinh dạy rằng Đẳng giác Bồ-tát vẫn còn một phần vô minh chưa được phá trừ sạch, đó chẳng phải là nghiệp hay sao? Quý vị Phật tử đã nhận ra được vấn đề ngay sau câu hỏi trên. Như vậy là ngay cả Đẳng giác Bồ-tát cũng đến cõi Tây phương Cực lạc qua đời nghiệp vãng sanh. Chỉ có Đức Phật A-di-đà là vị Phật duy nhất ở đó không do đời nghiệp vãng sanh mà thôi. Tôi kết luận: Ai bảo rằng người còn nghiệp nặng không thể vãng sinh ở cõi Tây phương Cực lạc? Mọi người đều bỗng nhiên hiểu ra, đều cười thật lớn, mới tin rằng mọi chúng sinh ở cõi Tây phương Cực lạc đều là đời nghiệp vãng sinh.

Đức Phật dạy chúng ta rằng không nên đem lòng sân hận hoặc ác cảm đối với người khác. Tôi giải thích thêm: Nói tiêu trừ nghiệp là không sai, vì càng mang ít nghiệp càng dễ vãng sanh Tịnh độ. Càng tiêu được nghiệp, càng được vãng sanh vào phẩm vị cao hơn.

Sau có dịp sang Nữ Uớc, ngay khi xuống phi trường, tôi cũng được hỏi như vậy. Phật tử ở đây chưa hiểu được rõ ràng, nên ngay khi tôi giải thích xong, họ liền hiểu ra đời nghiệp vãng sinh là điều chân thật. Tiêu trừ nghiệp chướng là kết quả hiển nhiên do nhờ sám hối.

Niệm Phật là thể hiện lòng chí thành sám hối và phát nguyện sẽ thay đổi. Tuy nhiên, khi sám hối phải tin chắc rằng tâm mình phải tương ưng với bản nguyện của Đức Phật A-di-đà, nguyện của mình tương ưng với nguyện của Đức Phật A-di-đà, và công hạnh của mình phải tương ưng với công hạnh của Đức Phật A-di-đà. Làm bằng cách nào để được như vậy? Lòng chí thành không chỉ thể hiện qua miệng niệm mà qua tâm niệm. Theo cách này, chúng ta mới thực sự tuân theo đúng lời dạy trong kinh. Chỉ bằng cách làm như thế chúng ta mới thực sự là người hành trì pháp môn niệm Phật. Hãy chắc chắn rằng trong mỗi niệm A-di-đà Phật của mình đều tương ưng với tâm nguyện của Đức Phật A-di-đà. Chúng ta cần phải xoay 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà vào lại trong chính mình. Chỉ có cách này chúng ta mới tiêu trừ được hết thảy tội chướng.

*Thứ năm: Tùy hỷ công đức.*

Điều này giúp chúng ta đối trị tâm tật đổ vốn thường có trong chúng ta. Ví như trẻ con thường giận dỗi khi thấy đứa bé khác nhận được kẹo nhiều hơn mình. Đây là tính ghen tị sẽ gây chướng ngại rất lớn cho sự tu tập. Nên Bồ-tát Phổ Hiền đặc biệt phát lời nguyện này để dạy chúng ta thực hành tâm tùy hỷ công đức. Ngài dạy chúng ta chẳng những không có tâm tật đổ với người mà còn xem công đức mà họ tạo ra cũng giống như của chính mình và còn hỗ trợ cho công việc của họ nữa.

Lời nguyện này dạy chúng ta không những chỉ hoan hỷ với công đức người khác mà còn giúp họ thành tựu nữa. Nếu chúng ta không thể giúp đỡ họ thì ít nhất là phải thể hiện tâm hoan hỷ. Tuy nhiên, nếu chúng ta có thể hỗ trợ cho họ thì lời nguyện này mới thực sự thành tựu. Nên nhớ rằng giúp ích người khác chính là giúp mình. Chúng ta nên thể hiện tình thương yêu và lòng bao dung với những người có khả năng hơn mình, và với tinh thần ấy, chúng ta mới thành tựu được lời nguyện của mình.

Thời xưa, các nhà giáo dục Trung Hoa đều có kỳ vọng

thế hệ sau sẽ vượt trội hẳn chính mình. Nếu thế hệ sau không ưu việt hơn thế hệ trước thì nền giáo dục ấy đã thất bại rồi. Nhưng ngày nay thì khác hẳn, người dạy sợ rằng học trò sẽ hơn mình; nên khi họ dạy, họ thường giữ lại những chi tiết quan trọng. Đây gọi là giáo dục miễn cưỡng, đời sau sẽ bị quả báo ngu si. Keo kiệt tiền bạc sẽ gặp quả báo nghèo khổ. Những người này không biết tính chất nghiêm trọng của quả báo như thế nào. Chúng ta phải nỗ lực không ngừng tu tập đức hạnh, học vấn, năng lực trên phương diện sinh hoạt. Chỉ bằng cách này nền giáo dục mới đóng góp cho sự thành công của toàn bộ xã hội.

Chúng ta phải thấy trách nhiệm của mình trong việc giáo dục người khác trong kỷ nguyên kế tiếp. Nếu chúng ta không tu tập đức hạnh, học vấn, năng lực, thì không thể nào giúp được thế hệ sau này. Sao vậy? Hãy nhìn trẻ em thời nay. Sự giáo dục mà các em nhận được chỉ tập trung vào khoa học kỹ thuật nhiều hơn cả trong khi xã hội càng ngày càng trở nên phức tạp. Do vậy, những ai có tâm nguyện giúp đỡ mọi người thì nên đào luyện cho mình tâm thức thanh tịnh, trí huệ rộng lớn và đức hạnh cao vời để bắt gặp và đáp ứng được tình hình trong thời đại mới.

Ghen tức đố kỵ, là điều cực kỳ nguy hại cho tự tánh, cần phải được tiêu trừ. Thế nên công đức của hạnh nguyện tùy hỷ với sự thành tựu của người khác rất là to lớn.

*Thứ sáu: Thịnh Đức Phật chuyển pháp luân.*

Vì chúng ta đã hưởng được lợi ích từ nền giáo dục Phật-đà, vậy chúng ta phải làm gì để báo đáp lại ân đức to lớn ấy? Nay có nhiều người lập nơi thờ Phật, hằng ngày đánh lễ chư Phật. Có phải đó là cách chính đáng để báo đáp ân đức to lớn ấy chăng? Chưa phải. Đây chỉ là những nghi thức nhắc nhở chúng ta đừng quên ân đức to lớn của chư Phật. Tâm nguyện của chư Phật là làm sao để chúng sinh nghe được sự thật, sống khế hợp với chân lý để có được lợi ích và thành tựu Phật quả. Cách duy nhất để báo đáp lại ân đức to lớn của chư Phật là lấy tâm nguyện chư Phật làm tâm nguyện của mình. Chỉ có vậy ta mới thể hiện được lòng tôn kính vị Bổn sư của mình. Do vậy chúng ta phải cầu thỉnh quý ngài chuyển pháp luân. Như ngày nay là cầu thỉnh chư vị đại đức cao tăng đến giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh. Việc này cũng tạo công đức rất lớn. Vì sao, vì các ngài đưa đạo Phật vào thế gian. Còn nếu không có ai cầu thỉnh các vị Pháp sư giảng kinh, các ngài sẽ không có cơ hội để truyền bá

kinh điển. Thế nên những ai cầu thỉnh quý ngài giảng kinh thuyết pháp sẽ có công đức rất lớn. Nhiều người thích mời các pháp sư đến tụng kinh với mong cầu mình sẽ có được nhiều công đức. Nhưng thực tế họ chẳng hiểu gì ý nghĩa kinh mà các pháp sư đang tụng. Do vậy, nếu họ mời Pháp sư đến để giảng kinh, người nghe sẽ hiểu rõ kinh điển, sẽ thích thú khi trì tụng và thực hành theo. Không may, nếu chúng ta muốn cầu thỉnh một vị Pháp sư đến để giảng pháp thì khó gặp được người có khả năng, vì thế nên việc này rất hiếm. Nhiều lần đi hoằng pháp đây đó, tôi thường nghe quý Phật tử than rằng thật khó thỉnh được Pháp sư đến giảng kinh. Tôi cười bảo họ rằng: *“Thỉnh được Pháp sư giảng kinh là quả. Chúng ta cần phải gieo trồng cái nhân rồi chúng ta mới có được quả. Quý vị mong muốn có quả mà chưa chịu trồng nhân! Làm sao có được chuyện ấy trên đời này?”* Thế nào là gieo trồng nhân? Đó là hỗ trợ cho việc đào tạo Pháp sư.

Ai cũng thích nghe các vị Pháp sư lão thành danh tiếng giảng kinh. Còn những vị Pháp sư còn trẻ, chưa nổi tiếng, thường là thiếu kinh nghiệm nên ít người muốn đến nghe họ giảng. Thế nên họ trở nên nản chí và nghĩ rằng giảng pháp rất khó, nên họ quay sang theo việc nghi lễ. Chúng ta nên

làm việc gì để giúp những Pháp sư chưa đủ kinh nghiệm này? Họ càng trẻ, càng thiếu kinh nghiệm, chúng ta càng nên đến nghe họ giảng. Điều này sẽ khuyến khích họ tiếp tục học tập và tiến bộ.

Tuy nhiên, nếu ta dự đều đặn mọi buổi giảng pháp, ta cũng đừng nên khen. Một lời khen không có cơ sở sẽ gây nguy hại hơn là lời phê phán. Có người trở nên rất giận dữ khi được phê phán nhưng đối với người chất trực và chân thành thì lời phê phán là chất kích thích. Họ càng bị phê phán bao nhiêu, họ càng nỗ lực tinh tấn nên dễ thành tựu hơn. Những người này sẽ làm hết sức mình để đạt được chỗ cao siêu. Nên nếu thích khen ngợi và tán dương Pháp sư, khen Pháp sư rất giỏi và sẽ tiến xa thì điều ấy là không cần thiết. Vì sẽ dẫn đến tự cao. Do vậy, chúng ta không nên tán dương và cúng dường các pháp sư trẻ chưa đủ kinh nghiệm. Vì càng có nhiều tiền và danh vọng, họ sẽ trở nên bị ô nhiễm.

Người phát tâm Bồ-tát và xuất gia làm tăng, ni nhưng rồi sau thối tâm là do nhận quá nhiều lời khen tặng và cúng dường từ Phật tử. Nên những vị Phật tử này phải chịu trách nhiệm về sự thối tâm của các vị tăng ni đó. Khi các vị tăng ni này chịu quả báo thì Phật tử phải chia phần. Thế thì chúng ta

nên cúng dường cho ai? Cho những vị có tâm kiên định vì họ không bao giờ thấy thích thú khi được khen, thấy phiền não khi bị chê. Họ chỉ xứng đáng được khen tặng khi nào họ không bị điều ấy làm hại mình. Chúng ta sẽ giới thiệu Pháp sư này cho nhiều nơi, để Pháp sư ấy có thể giúp ích cho chúng sinh.

Thọ nhận lời khen và vật phẩm cúng dường rất là khó. Trong nhà Phật thường dạy rằng: *“Một hạt gạo của tín thí, nặng như núi Tu-di. Đời nay không ngộ đạo, đời sau mang lông đội sừng mà trả”*.<sup>(63)</sup> Thế nên thật là không dễ khi nhận của cúng dường. Ngay cả chư Phật và Bồ-tát cũng không dám hưởng vật phẩm cúng dường, huống gì phàm phu chúng ta. Tuy nhiên, khi người cúng dường phát nguyện gieo trồng phước báo, thì nên tiếp thọ rồi chuyển sang cúng dường nơi khác.

Thời cận đại có Đại sư Ấn Quang là một tấm gương tốt cho chúng ta. Đệ tử của ngài cúng dường cho ngài rất nhiều. Ngài dùng tất cả của cúng dường đó để ấn tống kinh điển. Theo gương ngài, tôi cũng dùng toàn bộ tiền Phật tử cúng

<sup>63</sup> 譬主一粒米,大如須彌山。今生不了道,披毛帶角還。



dường để in kinh, rồi biếu tặng kinh sách này đến cho mọi người. Tôi có suy nghĩ rằng nếu đời này tu hành chưa thành tựu đạo quả và phải chịu luân hồi sinh tử trong sáu đường thì cũng không đến nỗi phải mang lông đội sừng mà trả trong kiếp sau. Đây gọi là sự triển chuyển cúng dường. Theo cách này, mọi người đều gieo trồng được phước báo. Đây là cách chân chính để nhận phẩm vật cúng dường từ thí chủ.

Tiếp thọ vật cúng dường cần phải đúng như pháp. Dùng của cúng dường vào mục đích riêng tư là điều sai trái. Ngay cả tiền dùng để xây dựng đạo tràng, thì đạo tràng ấy cũng phải được dùng vào mục đích hoằng truyền Phật pháp. Chỉ có vậy thì người hiến cúng mới có công đức. Ngược lại, nếu không dùng vào mục đích tu học, thì đạo tràng sẽ biến thành nơi đấu tranh mâu thuẫn. Do vậy, chúng ta phải thận trọng khi xây dựng đạo tràng. Thầy Bổn sư của tôi trước đây có dạy rằng: *“Khi đang xây dựng đạo tràng thì mọi người đều là bỏ-tát, ai cũng làm hết sức mình để hoàn thành công trình. Nhưng sau khi đạo tràng được xây dựng xong, thì mọi người đều biến thành quý-la-sát”*. Sao vậy? Vì ai cũng muốn tranh quyền đoạt lợi. Họ đã quên phát tâm chân chính ban đầu khi xây dựng đạo tràng.

Chúng ta phải rất thận trọng khi cúng dường cho các vị Pháp sư. Đức Phật dạy rằng có bốn phẩm vật dành để cúng dường cho chư tăng ni. Thứ nhất là thực phẩm, vì không có nó thì chư tăng ni không có phương tiện để sống mà hành đạo được. Thứ nhì là áo quần. Thứ ba là thuốc men để phòng khi đau ốm. Thứ tư là giường ngủ. Ngày nay nhiều Phật tử cúng dường cho quý thầy nhà ở và mọi đồ dùng. Để rồi quý thầy sống cuộc đời thật tiện nghi đến nỗi họ không còn muốn về cõi Tây phương Cực lạc nữa. Cuộc sống hiện tại quá thoải mái nên mục đích thoát khỏi vòng luân hồi sinh tử bị mờ nhạt. Điều này rất nguy hại cho người tu hành. Họ đã từ bỏ cuộc sống thế tục lại đằng sau. Nay cúng dường cho họ cái nhà chẳng khác gì khuyến khích họ trở về lại cuộc sống cũ. Khi nhận cái nhà cho riêng mình, là họ lại có tài sản riêng. Điều này là sự thoái hóa trong tu tập.

Đệ tử làm như thế thật sự là có tội vì đã làm hư hỏng thầy. Những người như vậy không hiểu rằng đó là phá hoại Phật pháp và làm tổn hại Tam bảo. Họ nghĩ làm như vậy là việc tốt và có công đức lớn. Sau khi chết gặp Diêm vương mới run sợ trước hình phạt. Chúng ta phải có trí huệ chân chính và siêng gieo trồng thiện căn, công đức theo đúng tinh

thần Phật pháp. Phật tử cần được giảng giải rõ điều này nhưng nhiều Pháp sư không muốn nói đến điều ấy vì sợ rằng Phật tử không còn cúng dường cho họ nữa.

Vì lí do này, tôi thành lập Phật đà Giáo dục Cơ kim hội<sup>(64)</sup> chuyên ấn tống kinh sách Phật giáo. Tôi nói với vị Cư sĩ phụ trách nguyên tắc làm việc: “*Nếu Phật tử cúng dường nhiều, thì chúng ta in nhiều kinh sách; cúng dường ít, thì chúng ta in ít; còn nếu không cúng dường, thì không in. Đó là tốt nhất*”. Khi có nhiều tiền cúng dường, chúng tôi phải bận rộn để chọn trong số kinh điển Phật học sách nào thích hợp nhất để in và tính toán phương thức hay nhất để ấn tống. Khi không có tiền cúng dường, thì sẽ không lo lắng, không bận tâm. Thế nên chúng ta không nên tìm cầu mong được cúng dường, tìm cầu đạo tràng hoặc thứ gì khác. Thế là chúng ta sẽ có được tâm thanh tịnh trên đường tu đạo giác ngộ, để giúp cho mọi người tu tập như mình và lánh xa mọi tiếng khen và lợi dưỡng.

Chúng ta cần phải bồi dưỡng chư tăng ni trẻ bằng cách để cho họ đối diện với khổ nhọc. Khi Đức Phật Thích-ca

<sup>64</sup> 佛陀教育基金會. Corporate Body of the Buddha's Educational Foundation (CBBEF)

Mâu-ni còn tại thế, đệ tử ngài chỉ ăn một bữa trong ngày và ngủ qua đêm dưới gốc cây. Đó chính là đời sống thanh đạm cần khổ. Nếu chúng ta cảm thấy thương hại cho họ và giúp họ khỏi phải sống an bản thì làm sao họ được chứng ngộ?

Đức Phật dạy rằng chúng ta phải lấy cuộc sống an bản thanh đạm làm thầy. Chỉ có cách sống đó mới có thể tu tập đạt được chân tâm và chắc chắn sẽ siêu thoát cõi giới này. Nên cuộc sống cần khổ thanh đạm rất tốt cho chúng ta. Nếu chúng ta không có ý chí chịu đựng cuộc sống thanh đạm thì ít nhất nên tôn trọng những người sống được như vậy và đừng lôi kéo họ ra khỏi cuộc sống an bản mà họ đang theo đuổi. Chỉ như vậy chúng ta mới chí thành giúp đỡ những vị Pháp sư chưa đủ kinh nghiệm tiến bộ và sẽ có được nhiều Pháp sư ưu tú hoằng dương Phật pháp.

*Thứ bảy: Thỉnh Phật trụ thế.*

Mục đích chính của lời nguyện thứ sáu là đưa Phật pháp đến cho mọi người. Nếu chúng ta muốn thành tựu việc tu đạo, chỉ tâm nguyện thỉnh chuyển pháp luân thôi chưa đủ. Quý vị thấy có được mấy người được giác ngộ chỉ nhờ sau một hai lần nghe giảng pháp trong suốt cuộc đời họ chăng?

Chuyện này chỉ xảy ra vào thời Đức Phật còn tại thế, sau khi Đức Phật nhập diệt rồi thì chuyện đó ít có. Với năng lực còn hạn chế của mình thì thật khó làm được việc đó, thế nên chúng ta cần phải tinh Phật trụ thế. Nói cách khác, là cầu nguyện để có được một bậc minh sư để hằng ngày ta được thường xuyên chỉ dạy phương pháp tu tập, như thế mới mong chóng thành đạo nghiệp.

Cách đây nhiều năm, khi tôi đang cầu học Phật pháp ở Đài Trung, thầy tôi, Lão sư Lý Bình Nam hỏi tôi có chí nguyện như thế nào. Tôi thưa với ngài rằng nguyện sẽ đi khắp nơi để khuyến khích mọi người tu học Phật pháp. Ngài gật đầu bảo rằng đó là ý nguyện tốt, bảo rằng tôi sẽ thành tựu được việc hoằng pháp chứ không giúp cho mọi người thành tựu được đâu. Tôi hỏi nguyên nhân tại sao thì thầy tôi dạy rằng, tôi chỉ có năng lực truyền bá Phật pháp được hiệu quả thôi, như ngài đã sống ở Đài Trung hơn 30 năm và nhờ vậy mà giáo hóa cho được nhiều người. Ngài giải thích tiếp, nếu ngài không ở Đài Trung mà mỗi năm chỉ đến thăm rồi giảng pháp một hai lần thì chắc sẽ có ít người được khai ngộ. Nên để giáo hóa mọi người, trong nhà Phật gọi là phải có duyên phân. Nếu không đủ duyên, ngay cả Phật cũng không thể độ

được chúng ta (Phật bất độ vô duyên chi nhân). Đi khắp nơi để giảng pháp, chúng ta gặp được nhiều người nhưng cái duyên với họ nhẹ hơn. Ở yên một nơi để giáo hóa được thường xuyên hơn thì cần phải có những duyên mạnh hơn.

Tôi có lợi điểm lớn là tôi không bị ràng buộc bởi ý niệm nhà khi đi đây đi đó. Thế đâu là nhà mình? Không đâu cả! Mặc dù khi đến nơi đều có đạo tràng để giảng pháp, nhưng thường tôi không ở lại đó lâu quá một tuần. Xả bỏ được ý niệm nhà đã là điều giải thoát cho mình.

Nếu chúng ta muốn đạt được bất kỳ sự thành tựu nào, chúng ta cũng đều cần phải tinh Phật trụ thế. Đức Phật không thể nào thường trụ tại thế gian này mãi nhưng những đệ tử ngài vẫn còn, họ là những Tăng ni và những cư sĩ Phật tử. Đó là những người có trí huệ và đức hạnh, chúng ta có thể mời họ đến sống trong địa phương mình để giảng kinh thuyết pháp. Với cách này ta sẽ được thường xuyên tu học với sự hướng dẫn của họ. Rất dễ cung ứng các nhu cầu cho các vị này vì họ có cuộc sống rất thanh đạm. Tuy nhiên, đạo tràng cần phải trang nghiêm để thính chúng ưa thích và phát tâm tôn kính. Người đời thường ưa vẻ bên ngoài hơn là chú ý đến

nội dung bên trong. Mặc dù có nhiều người biết rõ giá trị chân thật cốt yếu không nằm ở bên ngoài nhưng vẻ trang nghiêm của đạo tràng rất cần thiết cho người mới đến lần đầu tiên.

Mặc dù đạo tràng tu học cần phải trang nghiêm, nhưng nơi ở của chư tăng ni phải rất đơn giản. Nếu chúng ta nhìn thấy những ngôi chùa ở Trung Hoa sẽ hiểu được điều ấy. Ngay cả vị trú trì cũng sống trong căn phòng rất nhỏ, gọi là phương trượng. Còn những căn phòng sang trọng thì để dành cho khách và sư sãi. Bằng cách quán sát kỹ như thế chúng ta mới thấy mình cần có cách ứng xử đúng đắn và phương thức thích hợp để áp dụng như thế nào. Làm được như vậy mới khiến cho Phật pháp bám rễ, nở hoa và kết trái bất kỳ nơi nào có mặt chúng ta.

Trong Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền, bảy điều trước là hạnh nguyện của hàng Bồ-tát còn ba điều sau là hồi hướng công đức cho toàn thể chúng sinh trong pháp giới.

*Thứ tám: Thường tùy Phật học.*

Dù Đức Phật không thường trụ trên thế gian này nhưng chúng ta lại có kinh điển đang lưu truyền ở thế gian. Y theo

kinh điển tu học được gọi là Thường tùy Phật học, là tiêu chuẩn cao nhất trong việc tu học Phật pháp.

*Thứ chín: Hằng thuận chúng sinh.*

Chúng ta cần phải hằng thuận, hòa hợp với tất cả chúng sinh trong pháp giới. Điều này cực kỳ khó làm nên người Trung Hoa cổ xưa thường dùng chữ *hiếu* (孝) đi chung với chữ *thuận* (順). Học Phật là phải tôn trọng đạo hiếu và hằng thuận với tâm nguyện tất cả chúng sinh. Khi hằng thuận, phải biết quán sát cơ duyên, dẫn dắt chúng sinh đoạn trừ việc ác, tu tập điều thiện, giúp cho họ phá mê khai ngộ. Điều ấy cần nhất phải biết rõ thời tiết nhân duyên, chúng ta cần phải có trí huệ, phương tiện thiện xảo mới có thể đáp ứng cho họ một cách viên mãn được.

*Thứ mười: Hồi hướng tất cả.*

Điều này có nghĩa là hồi hướng tất cả mọi công đức đã có cho toàn thể chúng sinh trong pháp giới. Có nghĩa là mở rộng tâm lượng từ bi của mình trùm khắp cả hư không pháp giới để hư không pháp giới với mình là một. Đạt được như vậy mới chân thật là cứu cánh Đại viên mãn.

Nói tóm lại, trong việc hành trì pháp môn Tịnh độ tông,

chúng ta cần phải tu học theo 5 bộ kinh và một bộ luận:

- 1/ Phật thuyết Đại thừa Vô lượng thọ Trang nghiêm Bình đẳng Giác Kinh.
- 2/ Kinh A-di-đà.
- 3/ Kinh Quán Vô lượng thọ.
- 4/ Phẩm Phổ Hiền Bồ-tát hạnh nguyện trong Kinh Hoa Nghiêm.
- 5/ Phẩm Niệm Phật Viên thông của Bồ-tát Đại Thế Chí trong Kinh Thủ Lăng Nghiêm.

Một bộ luận là: Vô lượng thọ kinh Ưu-ba-đề-xá nguyện sinh kệ.<sup>(65)</sup>

Về phương pháp tu tập, phải theo đúng 5 khoa mục chủ yếu:

- 1/ Ba loại tịnh nghiệp.
- 2/ Sáu nguyên tắc hòa kính.
- 3/ Ba môn học vô lậu.
- 4/ Sáu pháp ba-la-mật.
- 5/ Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền.

---

<sup>65</sup> Xem chú thích 47.

Rất đơn giản, rất rõ ràng, không phức tạp chút nào. Nếu chúng ta suốt đời theo đúng như trên mà tu hành, thì chắc chắn sẽ thành công. Như cổ đức đã dạy: “*Vạn người tu, vạn người thành tựu*”. Nay chúng ta đã có được nguyên tắc và phương pháp tu hành rồi. Chúng ta đã biết cách ứng xử với người, giải quyết công việc trong đời sống hằng ngày như thế nào rồi. Nếu chúng ta theo đúng những nguyên tắc hướng dẫn trên, nhất tâm niệm danh hiệu A-di-đà Phật và phát nguyện vãng sinh Tây phương Cực lạc, thì chắc chắn chúng ta sẽ thành công.

## Chương 7

# TIẾN TRÌNH ĐÚNG ĐẮN TU HỌC PHẬT PHÁP

---

### I. Tín, giải, hành, chứng:

Chúng ta đã hiểu được nền tảng để y cứ trong khi tu học Phật pháp và cương lĩnh thiết yếu cho việc hành trì. Tiếp theo sẽ đề cập đến phương pháp hay nhất trong tiến trình tu học. Chữ *thiện xảo* là chỉ cho phương pháp tối ưu, nếu chúng ta không biết rõ điều này, thì người chân chính học Phật khó đạt được lợi ích lớn lao. Đại sư Thanh Lương khi giảng *Kinh Hoa Nghiêm*, nói rằng sự tu học Phật pháp có thể phân thành bốn giai đoạn, đó là: *tín, giải, hành, chứng*.

Thứ nhất là tín. Khi chúng ta đã tin có nghĩa là mọi nhân duyên đã chín muồi. Nên nói: “*Phật không độ được chúng sinh chưa đủ duyên*”.

Duyên là gì? Là niềm tin. Ngay cả Đức Phật cũng không độ được người chưa thành thực niềm tin. Tuy nhiên, khi duyên đã chín muồi, thì phát sinh niềm tin, như vậy thì Đức Phật mới độ được họ. Các tôn giáo khác không giống

với Phật giáo ở điểm khi họ có niềm tin là được cứu rỗi; trong khi đó niềm tin trong Phật giáo có nghĩa là tin vào sự lợi ích của đạo Phật và chọn một phương pháp để tu học.

Một khi đã có niềm tin, thì sau đó chúng ta phải thông hiểu (giải). Có nghĩa là thông hiểu về chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Chỉ sau khi nhận thức thấu suốt về vấn đề này rồi ta mới bắt đầu tu tập có hiệu quả. Do vậy, thực hành tu đạo phải dựa trên nền tảng nhận thức thông đạt. Nếu không hiểu rõ nguyên tắc và phương pháp, làm sao ta thực hành được? Tu hành đúng đắn là dựa trên nền tảng của nguyên tắc và phương pháp chân chính. Mục tiêu tối hậu của tu tập là chân thực giác ngộ, là chân chính thọ dụng. Chứng là gì? Đó là ứng dụng những gì mình đã tin, đã hiểu, đã tu tập vào trong đời sống hằng ngày. Chẳng hạn, những gì chúng ta nghe giảng trong *Kinh Vô lượng thọ* chính là điều mà chúng ta chiêm nghiệm và hành trì. Những gì chúng ta chiêm nghiệm và hành trì hằng ngày chính là *Kinh Vô lượng thọ*. Kinh và hành trì hòa nhập thành một. Đó được gọi là chứng, là chân như. Đây là điều làm cho Phật pháp trở nên quý giá nhất.

Như vậy chúng ta phải biết tiến trình trong tu tập Phật pháp. Đó là *tín, giải, hành, chứng*. Khi nói về niềm tin, trước hết chúng ta phải biết tin vào chính mình. Đây là điểm làm cho Phật giáo không phải tôn giáo. Trong tôn giáo, điều quan trọng nhất là tin vào Thượng đế. Trong Phật pháp, tiêu chuẩn quan trọng nhất là tin vào chính mình, không phải là tin vào những gì bên ngoài mình. Chúng ta phải tin rằng mình có Phật tánh. Tin rằng mình vốn đã là Phật. Tin rằng thể tánh mình đồng như chư Phật. Tin rằng tâm tánh của mình đã bị ô nhiễm và khi đã chuyển hóa thành thanh tịnh rồi thì chân tánh sẽ được khôi phục.

Tuy nhiên, nếu chúng ta luôn luôn nghĩ rằng mình bị nghiệp chướng nặng nề, sợ rằng điều ấy sẽ làm cho mình tu tập khó thành tựu, thì chắc chắn chúng ta sẽ khó thành công. Sao vậy? Nếu chúng ta không tin rằng mình sẽ thành tựu, thì ngay cả chư Phật và Bồ-tát cũng không giúp được chúng ta. Chư Phật và Bồ-tát chỉ có thể giúp được những ai có ý thức tự cứu mình. Do vậy, điểm chính yếu là chúng ta phải tự tin nơi chính mình.

Lại nữa, chúng ta phải tin vào Phật pháp. Chúng ta đã

nghe giảng rất nhiều nguyên tắc và phương pháp tu hành. Chắc chắn sẽ thành công nếu chúng ta áp dụng đúng vào tu hành. Sau tự tin vào chính mình là niềm tin vào Phật pháp. Đại sư Ngẫu Ích giảng rộng là tin vào *lý* và *sự*. *Sự* do đâu mà có? Do *lý* mà có, là chân tâm thanh tịnh, là chân như bản tánh. Tất cả các hiện tượng trong vũ trụ này đều sinh khởi từ chân tâm. Nó được liên hệ nhau bởi vòng nhân quả tuần hoàn vô tận. Nhân làm nên quả và rồi chính quả ấy lại trở thành nhân để sinh ra quả tiếp theo. Tiến trình này chu chuyển không ngừng. Phát triển niềm tin và hiểu biết về thực tại sẽ giúp cho sự tự tin của mình kiên định và sẽ giúp cho chúng ta thông đạt mọi điều trong pháp giới. Chỉ có cách này chúng ta mới thoát khỏi mê lầm chướng ngại trong bước đường tu tập và đạt được niềm vui và tiến bộ không ngừng.

Trong tiến trình tu học Phật pháp, điều quan trọng nhất là cần phải thân cận một vị minh sư, phải nhất nhất tuân thủ lời dạy và phương pháp hành trì do thầy đưa ra. Đây là con đường đúng đắn nhất để tu học Phật pháp từ xưa đến nay. Ban đầu cần phải học giới, tức là các oai nghi tế hạnh, quy cũ do thầy chế định trong năm năm, chứ chưa phải là Luật tạng

trong Tam tạng kinh điển. Như vậy thì thầy mới biết được tường tận đệ tử mình sẽ thành tựu hoặc thất bại chỗ nào. Đây là đạo lý tôn sư trọng đạo. Tuy nhiên, đạo lý này ngày nay ít được tuân thủ vì thầy thì thiếu trách nhiệm và trò thì thiếu nhiệt tâm. Đạo lý giáo dục bị xuống cấp và đây là bi kịch của thời đại. Học trò ít tôn kính thầy, và thầy không còn thiết tha giúp cho học trò thành tựu.

Việc học giới 5 năm sẽ đạt kết quả mỹ mãn nếu đệ tử chỉ tuân theo lời chỉ dạy của một vị thầy. Điều đó sẽ đặt nền tảng vững chắc cho Ba môn học vô lậu giới, định, huệ. Hãy xem trong Thiên tông. Trong năm năm đầu, các thiên sư yêu cầu môn sinh phải làm những việc gì? Họ được giao cho một công việc làm đơn giản và yêu cầu phải nhiệt tâm với công việc hằng ngày ấy, tuyệt đối không thay đổi, không lơ là biếng trễ. Họ cũng được học kinh, đọc sách sau khi làm việc xong và không được phan duyên với những việc gì khác.

Sau một thời gian, có người cảm thấy chán nản, nghĩ rằng mình phải làm lụng vất vả trong 5 năm mà chẳng thành tựu được gì cả. Thực ra họ đã đạt được nhiều điều mà họ không nhận ra. Điều gì? Phiền não giảm trừ rất nhiều, định

lực gia tăng vì hạn chế không nghe và không thấy nhiều thứ. Nếu những hạn chế được tuân thủ nghiêm ngặt, thì môn sinh sẽ đạt được cả phước lẫn huệ. Phước là gì? Là do hằng ngày làm công quả trong chùa nên đã tu tập hạnh bố thí. Vì chư tăng ni không có tiền để bố thí, nên các vị phải làm lụng để tu tập hạnh bố thí ba-la-mật. Nhờ sự hạn chế việc thấy nghe nên sáu giác quan được thu nhiếp, tâm thanh tịnh và có được định. Đó gọi là huệ. Thế nên qua đó vị thầy đã dạy đệ tử tu tập công đức và lập nền tảng tu học giới, định, huệ. Phương pháp có vẻ đơn giản nhưng rất hiệu quả. Sau 5 năm học giới, học các oai nghi tế hạnh, quy cũ do thầy chế định, sau đó nghe giảng kinh, thuyết pháp chừng một hai năm nữa thì môn sinh sẽ có được nhận thức tương đối vững chãi.

Trong tiểu sử của nhiều bậc cao tăng chứng ngộ, chúng ta thấy nhờ phương pháp này mà có người ngộ đạo chỉ sau từ ba đến năm năm. Ngày nay có người đã sống trong chùa từ ba mươi đến năm mươi năm, hoặc hết cả đời người mà vẫn chưa ngộ đạo. Họ đã đọc vô số kinh điển mà cũng vẫn chưa thấy đạo. Cùng lắm là họ nhớ được nhiều kiến thức Phật pháp nhưng không chuyên hóa được phiền não của chính



mình và đạt được giác ngộ. Thế nên, chúng ta phải tìm cầu cho được minh sư và thiện tri thức để được hướng dẫn. Lời khuyên này ban đầu có thể sẽ làm nản chí. Nhưng sau giai đoạn sơ tâm, chúng ta sẽ có niềm tin và an lạc trên đường giải thoát.

Nhiều người trong chúng ta mắc phải sai lầm lớn lúc mới tu học là muốn học qua cho biết rất nhiều phương pháp. Các bậc cổ đức thường bắt đầu với lời nguyện thứ nhì trong Bốn lời nguyện lớn: “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Để đoạn trừ phiền não, chúng ta phải có được định lực và trí huệ. Lúc đó mới có thể “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Đây là tiến trình đứng dẫn nhất cho mọi người tu. Sai lầm nhiều người mắc phải nhất là thích học rất nhiều nhưng không chuyển hóa được phiền não. Đại sư Thanh Lương gọi là “*Có học mà không tu*”.<sup>(66)</sup> Những người này tập trung vào sự hiểu biết mà không chịu tu tập. Họ không chịu đoạn trừ phiền não và làm cho thân tâm thanh tịnh. Kết quả là họ mắc phải tà tri tà kiến chứ không đạt được chánh tri chánh kiến.

<sup>66</sup> 有解無行.

## II. Cùng lúc tu học giới, định, huệ:

Bước đầu tiên học Phật là gì? Là tụng đọc một bộ kinh. Có cần hiểu ý nghĩa trong kinh ấy không? Không cần thiết lắm. Vì phiền não chưa chuyển hóa được, trí huệ chưa được đầy đủ, nên sẽ hiểu lệch lạc ý kinh, dẫn đến sai lầm. Thế sao chúng ta chỉ nên tụng đọc một bộ kinh? Vì nhờ đó mà Ba môn học vô lậu giới, định, huệ sẽ đồng thời thành tựu.

Tu tập giới luật thì cần phải “*Không làm các việc ác, siêng làm các việc lành*”. Tụng kinh giúp cho tâm ý chúng ta không bị vọng tưởng nên ngăn ngừa được những việc ác. Kinh điển là những lời lưu xuất từ chân như bản tánh của chư Phật. Không có gì vượt qua được chỗ chí thiện trong các lời kinh này. Do vậy, tụng kinh chính là làm điều thiện và trong khi tụng kinh thì giới luật cũng được viên mãn.

Khi tụng kinh phải tập trung tâm ý. Nhờ tập trung mà ta có được định lực. Tụng từng chữ rõ ràng không bỏ sót đó là tu huệ. Do vậy tụng kinh chính là cùng một lúc tu tập Ba môn học vô lậu giới, định, huệ. Mọi cố gắng để hiểu ý kinh lúc đang tụng là xem kinh như sách vở thế gian. Điều ấy sẽ khiến cho việc tu tập Ba môn học vô lậu giới, định, huệ

không có kết quả và đó không phải là chân thật tu hành. Đừng bao giờ xem thường việc tụng kinh, vì đó là nền tảng của tu tập. Tụng kinh một giờ là thành tựu một giờ, tụng kinh hai giờ là thành tựu hai giờ... Khởi cần phải nói, tụng càng nhiều càng tốt.

Nhiều Phật tử cùng tu tập với tôi ở Đài Loan và Dallas, Hoa Kỳ đang tụng *Kinh Vô lượng thọ* 10 lần một ngày. Đến mức có người đã tụng kinh này hơn cả ngàn biến, nên họ đã thuộc lòng kinh, chỉ cần 30 đến 45 phút là tụng xong bộ kinh. Tụng 10 lần như vậy chỉ từ 5 đến 6 giờ để cùng lúc tu tập được cả giới, định, huệ. Khi dành nhiều thời gian để hành trì, không lâu tự nhiên chúng ta sẽ có được tâm an tịnh.

Kinh điển là lưu xuất từ bốn tánh chân như của chư Phật. Khi chúng ta đã phát huy được tâm thanh tịnh, thì sẽ hiểu được rõ ràng những gì ta đọc trong kinh. Đây là nguyên nhân vì sao nhiều người nói kinh khó hiểu. Khi tâm chúng ta chứa đầy vọng tưởng, làm sao tâm ấy tương ứng được với bản tâm thanh tịnh của chư Phật? Đây là lý do tại sao ta khó thâm nhập kinh Phật. Thế nên muốn tu học với một bậc thầy, thì chúng ta phải tin chắc rằng phương pháp thầy đưa ra là

hoàn toàn chân thực và đúng đắn.

Chỉ nên chọn một bộ kinh để hành trì chứ đừng bị xao nhãng bởi những kinh khác. Nếu chọn Tịnh độ tông để tu thì nên tụng đọc và nghiên cứu *Kinh Vô lượng thọ*. Nếu tu theo Tông Thiên Thai thì nên tụng đọc và nghiên cứu *Kinh Pháp Hoa*. Nếu chọn tông Hoa Nghiêm để tu thì nên tụng đọc và nghiên cứu *Kinh Hoa Nghiêm*. Khi đã chọn một tông phái để tu rồi thì phải thực hành theo những nguyên tắc và thâm nhập vào kinh điển của tông ấy suốt năm năm. Nói cách khác là để đoạn trừ sạch mọi phiền não và thanh tịnh tâm ý. Đây là bước đầu tiên học Phật.

Thực tình mà nói, thời gian 5 năm tu học là đủ cho người thời xưa đạt được thanh tịnh tâm ý, vì tâm họ thời ấy ít bị ô nhiễm như chúng ta ngày nay. Trẻ em thời xưa còn giữ được tâm trong trắng thơ ngây mãi cho đến khi lên 10 tuổi. Sau đó chúng mới biết sự khác nhau giữa đúng sai, giữa mình và người khác, nên bắt đầu có những tính tham lam, sân hận, tự cao. Còn trẻ em bây giờ tính tham lam, sân hận biểu lộ từ khi mới vài ba tuổi. Nó học những tính này từ đâu? Từ truyền hình. Những điều này xuất hiện trên truyền hình

hằng ngày. Nên bản tánh tự nhiên của chúng bị ô nhiễm, không còn được niềm hạnh phúc trong trắng của tuổi thơ như thời của cha mẹ chúng. Thật bất hạnh biết bao!

Tôi sinh trưởng trong một vùng quê, chẳng hay biết gì về thế giới bên ngoài mãi cho đến năm 13 tuổi. Hạnh phúc chân thật là được sống mãi trong tuổi thơ ngây không biết gì về khổ đau từ thế giới bên ngoài. Tôi chỉ biết có chơi. Khi không còn tuổi thơ ngây, chúng ta sẽ không còn hạnh phúc nữa. Từ đó, chúng ta phải thường nghĩ đến mọi người. Thế nên tôi cho rằng người thời nay ít may mắn hơn người thời xưa nhiều.

Khi chúng ta đã phát được tâm thanh tịnh và khôi phục được trí huệ thì chúng ta bắt đầu mở rộng được tri thức hiểu biết. Chúng ta có thể thấy, nghe, học mọi điều mình thích. Vì bây giờ chúng ta đã có được trí huệ và không bị ảnh hưởng bởi chung quanh. Vì đã có được sự tự chủ, nên càng thấy càng nghe chúng ta càng trở nên thông thái và định lực càng sâu. Tại sao phước càng rộng và định lực càng sâu? Vì không dao động bởi môi trường chung quanh nên khiến cho tăng trưởng định lực. Nhận thức sáng suốt rõ ràng khiến cho trí

huệ càng sâu rộng. Lúc ấy chúng ta có thể tu học các pháp môn và các tông phái khác để phát triển sâu hơn trí huệ và định lực. Ban đầu chúng ta phải tu tập giới, định, huệ để đạt được Căn bản trí. Rồi tham học nghiên cứu thêm để viên mãn Hậu đắc trí. Đây là tiến trình tu học của các bậc cổ đức ngày trước.

Đức Phật dạy trong Kinh Đại Bát-nhã: “*Bát-nhã vô tri, vô sở bất vi*”. Thế nên trước tiên chúng ta phải tu tập tâm “*vô tri*”. Năm năm tu tập giới, định, huệ là để duy trì tâm thơ ngây trong trắng của chúng ta đối với thế giới bên ngoài. Khi chúng ta hòa nhập trở lại, chúng ta sẽ biết tất cả là “*vô sở bất vi*”. Đây là tiến trình và phương pháp đứng dẫn để tu học Phật pháp.

Các bậc cổ đức ngày trước không những tuân theo giới luật do Đức Phật Thích-ca Mâu-ni chế định mà còn xem Nho gia như là cơ sở cho việc tu học của mình. Phật giáo Trung Hoa từ khước Phật giáo nguyên thủy và thay vào đó bằng học thuật của Nho gia. Nền tảng Phật giáo Trung Hoa thừa nhận Ngũ đức của Nho gia. Đó là, *ôn* (ôn hậu), *lương* (lương thiện), *cung* (cung kính), *kiêm* (tiết kiệm), *nhượng* (khiêm

tổn). Từ cơ sở này nên dễ thành tựu Ba loại tịnh nghiệp, Sáu nguyên tắc hòa kính, Sáu pháp ba-la-mật-đa, Ba môn học vô lậu và Mười hạnh nguyện lớn. Tất cả các tông phái Phật giáo Đại thừa đều không rời nền tảng tu học này. Nói cách khác, chúng ta có thể thành tựu trong bất kỳ pháp môn, tông phái nào miễn là tuân theo đúng những nguyên tắc và phương pháp. Thế nên có thể nói rằng Ngũ đức và Lục hòa là điểm đặc sắc của nền tảng Phật pháp Đại thừa Trung Hoa.

Còn có một phương pháp giáo dục Phật pháp khác rất tiến bộ. Đó là tiến tu giáo dục. Không phải đến bây giờ mới có phương pháp này. Thời Đức Phật tại thế, có rất nhiều đệ tử Thanh văn. Một số thân cận bên ngài vì họ chưa thành tựu công phu tu tập và có một số đã thành tựu. Các vị đệ tử trong hàng Bồ-tát đều có trách nhiệm hoằng dương Phật pháp, họ đi khắp các nơi để kiến lập đạo tràng và thay Phật giáo hóa chúng sinh. Rồi hằng năm họ phải trở về trụ xứ vào mùa an cư kiết hạ để tiếp tục tu học. Cũng như ngày nay vào mùa hè khi học sinh được nghỉ nhưng thầy giáo thì phải tập huấn thêm. Các vị Bồ-tát đều phải trở về trụ xứ vào mùa an cư để được Đức Phật chỉ dạy thêm. Họ nghe Đức Phật giảng pháp và tăng cường tu tập định lực, trí huệ và giới hạnh. Họ cũng

trình bày những khó khăn gặp phải trong việc giáo hóa và thịnh thị cách giải quyết. Họ học lẫn nhau trong nỗ lực riêng của mỗi người để cùng nhau tiến bộ. Phương pháp tiến tu giáo dục này ít thấy trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa.

Rất hay khi các đạo tràng Phật giáo hoặc các đoàn thể tu tập của cư sĩ tổ chức các khóa đả thất niệm Phật vào kỳ an cư mùa đông hay an cư mùa hạ, hoặc các khóa thiền thất... Các hình thức tu tập ấy cũng giống như phương pháp tiến tu giáo dục. Phương pháp này rất có hiệu quả và rất được nhiều người đề xướng và hưởng ứng. Nếu chúng ta nói rõ cho họ biết rằng tu tập cách đó là để chuyển hóa phiền não, thực hành giới, định, huệ để vượt thoát luân hồi sinh tử, thì chắc sẽ còn rất ít người thờ ơ hoặc phê phán phương pháp tu tập này. Ngày nay, người ta có cái nhìn khác với nền giáo dục thời xưa. Họ muốn học thật nhiều lúc mới nhập môn tu tập, không biết rằng lối học đó sẽ hạn chế sự thành tựu của mình, trong khi tuân thủ phương pháp giáo dục truyền thống thì có thể đạt đến lợi ích vô cùng lớn lao. Thời trước nhiều người hưởng được lợi lạc khi tu tập theo phương pháp giáo dục truyền thống này và đã thành tựu giác ngộ. Còn phương pháp

---

giáo dục hiện nay, nói cho cùng, chỉ giúp người ta lấy được bằng cấp Tiến sĩ Phật học. Thành thật mà nói, không phải dễ dàng gì để chuyển hóa phiền não và vượt thoát luân hồi sinh tử. Chúng ta phải quan tâm rất nhiều đến việc này.

## Chương 8

# PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT TRONG NỀN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

---

### I. Khởi thủy của hệ thống giáo dục tiền tu:

Khi còn tại thế, Đức Phật đi rất nhiều nơi để giáo hóa, cũng như Khổng Tử, Lão Tử đã từng chu du liệt quốc vậy. Ở Ấn Độ, Đức Phật và chúng đệ tử được các nhóm người thỉnh đến giảng pháp. Ngài đi thuyết pháp nhiều nơi nhưng không trụ hẳn một nơi nào. Có đến 1250 đệ tử tu tập dưới sự hướng dẫn của ngài, nên thật khó có một trụ xứ để hộ trì cho họ đầy đủ. Chỉ sau khi Phật giáo du nhập vào Trung Hoa rồi thì tăng ni mới trụ hẳn một nơi. Do vì các Hoàng đế Trung Hoa cầu thỉnh chư tăng Ấn Độ sang truyền bá Phật pháp, và xem các ngài đi khất thực, không để chư tăng ngủ dưới gốc cây như truyền thống Phật giáo Ấn Độ, mà kiến lập tự viện, xây dựng tăng xá để chư tăng sinh hoạt tu tập và hành đạo. Đến đời Đường thì các tự viện phát triển thành Tùng lâm. Thiền sư

Bách Trọng<sup>(67)</sup> và Mã Tổ<sup>(68)</sup> là những người đầu tiên sáng lập Tùng lâm.<sup>(69)</sup> Thiền sư Mã Tổ là vị Tổ thứ 8 của thiền tông Trung Hoa và là đệ tử thứ 3 của Lục tổ Huệ Năng. Người Trung Hoa thường truyền tụng: “*Mã Tổ lập tùng lâm, Bách Trọng chế thanh quy*”.

Thế nào là Tùng lâm Phật giáo? Đó là nơi mà nền giáo dục Phật giáo được hệ thống hóa, có quy mô có chế độ; là bước tiếp theo cho những vị tăng đã được đào tạo theo lối Phật học gia giáo. Sau thời Mã Tổ, Tùng lâm Phật giáo phát

---

<sup>67</sup> Bách Trọng Hoài Hải 百丈懷海; C: bǎizhàng huáihǎi; J: hyakujō ekai; 720-814; Thiền sư Trung Quốc, một trong những Thiền sư danh tiếng nhất đời Đường, nói pháp Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Học nhân đến Sư tham vấn rất đông, trong đó Hoàng Bá Hi Vận và Qui Sơn Linh Hựu là hai vị thượng thủ. Sư là người đầu tiên trong Thiền tông sáng lập và kết tập những qui chế sinh hoạt hằng ngày của thiền sinh trong thiền viện. Trước đó tất cả những thiền sinh chỉ là “khách” trong những chùa của tông phái khác – thường là Luật tông. Từ lúc Sư lập ra qui luật mới, nhiều thiền đường được thành lập với những điều kiện thuận lợi đáp ứng cho sự tu tập của thiền sinh. Sư nhấn mạnh sự kết hợp giữa thiền và các việc lao động trong và ngoài thiền viện như làm ruộng, cuốc đất trồng cây. Câu nói của Sư “*Một ngày không làm, một ngày không ăn*” (一日不作一日不食; nhất nhật bất tác, nhất nhật bất thực) vẫn còn được lưu truyền trong các tự viện cho đến ngày nay.

<sup>68</sup> Mã Tổ Đạo Nhất 馬祖道一; C: mǎzǔ dàooyī; J: baso dōitsu; 709-788; Thiền sư Trung Quốc đời Đường, môn đệ và người đặc pháp duy nhất của Thiền sư Nam Nhạc Hoài Nhượng. Sư có rất nhiều môn đệ đặc đạo như Bách Trọng Hoài Hải, Nam Tuyền Phổ Nguyện, Đại Mai Pháp Thường, Đại Châu Huệ Hải...

<sup>69</sup> 叢林; Bản tiếng Anh khi thì dùng Institution, khi thì dùng University.

triển thành như một trường Đại học Phật giáo chuyên khoa, đó là điểm đặc sắc của Phật giáo Trung Hoa. Mọi giáo tài, giáo pháp ở đó đều đạt đến tầm mức tối cao của nghệ thuật nếu chúng ta chú ý sẽ thấy từ kinh điển, âm nhạc, điêu khắc, tượng Phật, kiến trúc, pháp khí... Tất cả đều nhằm để phát huy tính toàn thiện cho nền giáo dục Phật giáo. Nhưng tiếc thay nền giáo dục đó ngày nay đã bị thất truyền.

## II. Nghệ thuật Phật giáo:

Ngày nay, chất lượng của lễ nhạc Phật giáo<sup>(70)</sup> đã bị biến chất khá nhiều, không còn được hoàn mỹ như ban đầu. Chúng ta không có được nhiều nhân tài. Nhân tài sáng tạo nghệ thuật đã hiếm có mà những nghệ sĩ có trình độ nhận thức và tu tập Phật pháp thâm sâu lại càng hiếm hơn. Do vậy nên một nghệ sĩ Phật giáo cần phải tu dưỡng nội tâm, vì chỉ có như thế thì mới dẫn dắt mọi người đến chân thiện mỹ và trí huệ được. Nội dung lễ nhạc Phật giáo ngày nay đều do các bậc cổ đức soạn ra, nội dung ý nghĩa rất cao viễn, nhưng do tâm người sử dụng chưa được hoàn toàn thanh tịnh, nên khi xướng ra ý cũng không được thanh tịnh, vì năng lực tâm linh

<sup>70</sup> Nguyên văn: Phạm bối 梵唄; Bản tiếng Anh: Buddhist music.

chưa đạt cảnh giới giác ngộ nên không dẫn phát được sự linh cảm. Nghệ thuật bị biến chất là do không có nhân tài trong giới học Phật, chứ không có nghĩa là Phật giáo thiếu chất liệu nghệ thuật.

Ai đã có dịp đến Trung Hoa để xem các tác phẩm điêu khắc trên vách đá trong động Đôn Hoàng và động Vân Cương, hoặc những bản kinh khắc trên đá ở Phòng Sơn, Bắc Kinh, sẽ thấy được nghệ thuật Phật giáo vĩ đại và tuyệt diệu biết bao. Tạng kinh trên đá được tìm thấy sau thời kỳ Cách mạng văn hóa Trung Hoa. Nội dung phong phú hơn Đại tạng kinh hiện nay. Một số kinh được dịch sau này mà trong Đại tạng kinh chưa có. Rất may là toàn bộ thạch kinh này đang được bảo tồn tại vùng Phòng Sơn. Người ta đã dùng những khối đá rất lớn, hai mặt đều được khắc chữ rất đẹp, mỗi chữ lớn bằng ngón tay cái. Toàn bộ công trình khắc kinh này phải mất 400 năm mới xong, bằng thời gian làm Vạn lý trường thành. Công trình nghệ thuật điêu khắc mới phát hiện này gồm 10.000 bản kinh khắc trên đá đặt trong bảy hang động. Nay chỉ mở hai động cho công chúng vào xem. Chúng ta sẽ tràn đầy thán phục và kinh ngạc khi thấy tạng kinh khắc trên đá này. Không biết làm gì hơn là tri ân cổ đức đã để lại một

gia sản giá trị như thế cho con cháu đời sau.

Ngày nay, trường học và viện bảo tàng tách rời nhau. Tuy nhiên, hệ thống Tùng lâm Phật giáo tương tự như sự kết hợp của nhà trường và viện bảo tàng, vì trong đó, các hình thái nghệ thuật được trưng bày đều có mang tính giáo dục chứ không thuần túy chỉ là nghệ thuật. Ở đó sự trưng bày các tác phẩm nghệ thuật với linh tánh trí huệ rất cao, giới phàm phu không thể nào lĩnh hội nổi. Chẳng hạn, khi nhìn thấy nhiều tượng Phật và Bồ-tát, họ kết luận rằng Phật giáo thờ nhiều vị thần, nên Phật giáo là một tôn giáo thứ cấp.

Nhiều người cho rằng một tôn giáo tiến bộ là chỉ thờ một vị thần. Họ không hiểu rằng Phật giáo không phải là một tôn giáo, vì chúng ta không phải thờ cúng hình tượng chư Phật và Bồ-tát như một vị thần, mà xem đó như là đại biểu cho giáo lý, là người chỉ dạy cho chúng ta biết các pháp môn tu học. Chỉ một hình tượng hay một pháp môn thôi thì chưa đại biểu đầy đủ cho mọi hiện tượng trong pháp giới, thế nên đạo Phật dùng nhiều dạng hình tượng nghệ thuật để biểu hiện. Khi chúng ta đã hiểu được biểu tượng giáo dục trong nghệ thuật Phật giáo rồi thì tự nhiên chúng ta sẽ thán phục và thích

thường ngoạn.

Tất cả chư Phật đều biểu tượng cho tánh đức. Tất cả các vị Bồ-tát và A-la-hán đều biểu tượng cho công đức tu tập. Không có công đức tu tập, thì không thể làm hiển lộ tánh đức được, không đạt được phần thọ dụng. Nên muốn cho tánh đức hiển hiện thì cần phải tu đức. Nên chúng ta khi thờ Phật thì thường tôn trí một tượng Phật và hai tượng Bồ-tát. Tượng Phật đại biểu cho chân như bản tánh. Bồ-tát biểu tượng cho từ *tánh* mà khởi *dụng*. Bản tánh tức *không*, gọi là *thể*, khởi *dụng* nên có *thể*, *tướng*, *dụng*. *Thể* tức không tịch, từ *thể* mới có *tướng*, có *tướng* tức sẽ có phần tác *dụng*. Bồ-tát đại biểu cho *tướng* và *dụng*. Nên trong *Kinh Hoa Nghiêm* nói rằng chư Phật không thuyết pháp, vì bản thể vốn không tịch, chẳng có gì để nói. Nhưng Bồ-tát thì còn thuyết pháp, vì đó là khởi *dụng* từ tánh. Trên phương diện *tướng* và *dụng* thì có nói năng, nhưng trên phương diện *bản thể* thì một niệm cũng không có, nói chi đến lời. Nên có câu: “*Mở miệng liền sai, động niệm tức trái*”. Đó là chỉ cho bản thể, được biểu tượng bằng sự tôn trí một hình tượng Phật. Tại sao lại thờ đến hai vị Bồ-tát để biểu tượng cho phần tướng dụng? Vì vô lượng vô biên tướng dụng trong pháp giới được phân thành hai



phạm trù: tri và hành, hoặc giải và hạnh. Vương Dương Minh<sup>71</sup> đề xướng tri hành hợp nhất, là từ nhà Phật mà ra. Phật pháp dạy: “*Hạnh giải tương ưng*”. Nho gia lấy tinh thần ấy đổi thành “*tri hành hợp nhất*”, rồi đề ra một hệ thống triết học. Thật ra thì triết học ấy hoàn toàn phát xuất từ tinh thần Phật pháp. *Giải* và *hạnh* chính là *lý* và *sự*.

Chúng ta thường thấy bên cạnh tượng Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có hai vị Đại A-la-hán là A-nan và Ca-diếp. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni biểu tượng cho bản thể. A-nan là vị đa văn đệ nhất, biểu tượng cho trí huệ (giải). Ca-diếp là vị khổ hạnh đệ nhất, biểu tượng cho sự hành trì (hạnh). Chúng ta cũng thấy tượng Đức Phật Tỳ-lô-giá-na, là trí pháp thân của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi và Bồ-tát Phổ Hiền ở hai bên. Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi biểu tượng cho trí huệ (giải), Bồ-tát Phổ Hiền biểu tượng cho sự hành trì (hạnh).

Tịnh độ tông Phật giáo xem Đức Phật A-di-đà là bản thể và Bồ-tát Quán Thế Âm biểu tượng cho lòng từ và sự tu tập (hạnh). Bồ-tát Đại Thế Chí biểu tượng cho trí huệ (giải).

---

<sup>71</sup> 王陽明(1472-1528) còn gọi là Vương Thủ Nhân 王守仁. Nhà triết học Trung quốc đời Minh.

Do ý nghĩa thâm sâu này mà có thể được biểu tượng nhiều hơn hai hoặc ba vị Bồ-tát.

Mỗi Đức Phật biểu tượng cho một phần của tánh đức, mà mỗi phần đều viên mãn “*một là tất cả, tất cả là một*”. Mỗi danh hiệu đều biểu tượng cho tánh đức. Chẳng hạn, Thích ca (s: Śākya) có nghĩa là nhân từ, dạy cho chúng ta cần phải đối xử với mọi người bằng lòng từ bi. Mâu-ni (s: Muni) có nghĩa là thanh tịnh. Danh hiệu Thích Ca Mâu Ni dạy cho chúng ta cần phải đối xử với mọi người bằng lòng từ bi và hãy nỗ lực làm cho tâm ý mình thanh tịnh. Đây là ý nghĩa của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, nhắc nhở chúng ta tánh đức của mình xưa nay vốn tự đầy đủ. Danh hiệu A-di-đà Phật là tiếng phiên âm chữ Amitābha từ tiếng Sanskrit. *A* có nghĩa là vô (無). *Di-đà* có nghĩa là lượng (量). *A-di-đà* nghĩa là vô lượng. Cái gì vô lượng? Tất cả đều là vô lượng. Trí huệ vô lượng, thần thông vô lượng, đạo lực vô lượng, thọ mạng vô lượng. Nhưng trong tất cả vô lượng ấy, thọ mạng vô lượng là đệ nhất, nếu không thì tất cả vô lượng kia đều là vô ích.

Làm thế nào để chúng ta đạt được những vô lượng này? Vô lượng ấy chẳng khác gì hơn chính là tự tánh của chúng ta,

chính là chân như bản tánh của mình. Lục tổ Huệ Năng nói: “*Nào ngờ tự tánh xưa nay vốn tự tròn đầy. Nào ngờ tự tánh thường hay sanh các pháp*”.<sup>(72)</sup> Đó chính là ý nghĩa vô lượng. Dùng phương pháp nào tu tập để đạt vô lượng? Chúng ta tu tập theo hạnh của Bồ-tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí. Bồ-tát Quán Thế Âm dạy chúng ta tu tập lòng từ bi. Bồ-tát Đại Thế Chí dạy chúng ta tu tập nhất tâm niệm Phật A-di-đà. Ngài dạy: “*Tâm thanh tịnh hướng về Đức Phật A-di-đà liên tục không ngừng, không ý lại các phương tiện khác, chắc chắn tâm sẽ được tự nhiên khai ngộ*”.<sup>(73)</sup>

Hỗ trợ thêm là phương tiện từ bi của Bồ-tát Quán Thế Âm. Ban rải tâm từ đến mọi loài và niệm Nam mô A-di-đà Phật thì sẽ giúp chúng ta hưởng được thọ mạng vô lượng. Tu tập như thế thì chúng ta sẽ phát huy được tánh đức và đạt được công đức vô lượng vô biên. Thế nên khi cung kính đánh lễ tôn tượng chư Phật và Bồ-tát, chúng ta cần phải biết ý nghĩa biểu tượng của từng vị cho chân lý của vũ trụ và phương pháp tu tập.

<sup>72</sup> 何期自性本來具足, 何期自性能生萬法. Kinh Pháp Bảo Đàn.

<sup>73</sup> 淨念相續, 不假方便, 自得心開. Kinh Pháp Bảo Đàn.

### III. Thiên vương điện:

Kiến trúc Phật giáo mang tính nghệ thuật rất cao. Giữa là chính điện lớn thờ Phật. Từ ngoài nhìn vào thấy như có hai tầng, nhưng bên trong chỉ có một tầng. Ý nghĩa là bên ngoài nhìn vào thấy có hai chân lý, chân đế và tục đế. Khi vào bên trong rồi mới biết được chân đế tục đế vốn chẳng phải hai, vạn pháp nhất như. Từ ý nghĩa ấy có thể nói rằng, bên ngoài biểu thị cho sự sai biệt, thực chất đều là nhất trí, chẳng phải là hai.

Với quy mô kiến trúc của Phật giáo, khi vào cổng chùa, trước hết ta thấy Thiên vương điện. Ở giữa thờ Bồ-tát Di-lặc, hai bên là bốn vị Thiên đại tướng quân, tức các vị thần Hộ pháp. Người Tây phương gọi Bồ-tát Di-lặc là Đức Phật hoan hỷ, được biểu tượng qua nhân vật lịch sử là Hòa thượng Bồ Đại. Bồ-tát Di-lặc với khuôn mặt có nụ cười rất lớn như muốn nói với chúng ta: “*Quý vị muốn học Phật pháp chẳng? Trước hết hãy vui vẻ chào hỏi mọi người bằng nụ cười. Hãy trừ bỏ tập khí, nếu còn phát ra tập khí thì không thể học Phật được*”. Bồ-tát này còn có cái bụng rất lớn, biểu tượng cho lòng bao dung và tâm bình đẳng, dạy chúng ta phải đối xử

với mọi người, mọi việc với tâm hoan hỷ và điềm tĩnh. Có đủ các đức tính ấy mới tu học Phật pháp được. Nên Bồ-tát Di-lặc ngồi ngay chính giữa lối vào chùa như để dạy bảo mọi người đến với Phật pháp rằng, chỉ những ai có đủ điều kiện trên thì mới đủ tư cách học Phật. Đó là những biểu tượng hộ trì cho người tu học Phật pháp. Hộ hộ trì chúng ta bằng cách nhắc nhở chúng ta phải giữ gìn chánh kiến. Mỗi vị hộ pháp biểu hiện một khía cạnh khác nhau của tư tưởng hoặc hành động.

Phía đông là Trì quốc Thiên vương biểu tượng cho trách nhiệm bảo hộ quốc gia lãnh thổ. Nhắc nhở chúng ta phải có trách nhiệm với chính mình, với gia đình, với xã hội và với cả đất nước. Làm sao để hoàn thành trách nhiệm này? Nếu mỗi chúng ta đều thực hiện mọi bổn phận, mọi trách nhiệm trọn vẹn, giúp đỡ người khác cũng như chính mình hết lòng thì xã hội sẽ được hài hòa, quốc gia sẽ được hưng thịnh.

Phía nam là Tăng trưởng Thiên vương biểu tượng cho sự tiến bộ, dạy cho chúng ta sự tinh tấn. Không những chỉ hoàn thành trách nhiệm của mình thôi, mà còn tinh tấn thúc đẩy sự tiến bộ vì không tiến bộ có nghĩa là lùi lại. Vị hộ pháp

này nhấn mạnh vào sự tinh cần tu tập phẩm đức, trí huệ, học vấn, tài năng ngày càng tăng trưởng, bao quát cả mọi bổn phận và tiêu chuẩn trong sinh hoạt hằng ngày. Từ điểm này, chúng ta thấy rằng Phật giáo rất sinh động, luôn luôn đi trước thời đại.

Phía tây là Quảng mục Thiên vương biểu tượng cho cái nhìn và hiểu biết bao trùm khắp cả mọi hướng trong thế gian. Vị hộ pháp này dạy chúng ta cần phải mở rộng tầm nhìn để quán sát thế giới tự nhiên và nhân tính, để tinh lọc được cái gì chúng ta cần phải thấy và học hỏi, và để phân biệt cái gì là thiện, cái gì là ác.

Phía bắc là Đa văn Thiên vương biểu tượng cho sự sáng suốt, thông hiểu qua nghiên cứu, học hỏi. Hai vị sau này dạy cho chúng ta phương pháp thực tiễn để hành trì. Như người Trung Hoa thời xưa thường nói: “*Phải đọc ngàn quyển sách, phải đi ngàn dặm đường*”. Đọc sách là để thành tựu nền tảng tri thức. Đi xa ngàn dặm là để học hỏi những điều nhìn thấy. Đi khắp nơi chúng ta sẽ thấy được điều hay của người để học hỏi. Chúng ta cũng thấy được những điều dở của họ, thế nên phải thường hoàn chỉnh chính mình. Theo

cách này, chúng ta mới làm cho xã hội thịnh vượng và quốc gia an bình. Làm như vậy, chúng ta mới hộ trì được Phật pháp. Nên hình tượng Bồ-tát và Hộ pháp nhắc nhở chúng ta tinh tấn theo đuổi mục đích và trách nhiệm. Từ đó, mới thấy được rằng Phật giáo không phải là tôn giáo, cũng chẳng phải là tín ngưỡng.

Mỗi vị Thiên đại tướng quân Hộ pháp cầm giữ một vật khác nhau biểu tượng cho sự đa dạng của Phật pháp. Đông phương Trì quốc Thiên vương tay cầm cây đàn tỳ bà, biểu tượng cho chúng ta cần phải tránh sự hành xử thô tháo, hấp tấp, nên theo trung đạo. Giống như người chơi đàn tỳ bà, nếu dây quá căng hoặc quá chùng thì tiếng đàn không được hay. Nho gia chủ trương Trung dung, đạo Phật dạy tinh thần Trung đạo. Chúng ta phải có trách nhiệm đối với bản phận của chúng ta và phải hành xử mọi việc với phong cách bình thản, chân chính.

Nam phương Tăng trưởng Thiên vương cầm thanh kiếm trí huệ biểu tượng cắt đứt mọi phiền não. Tây phương Quảng mục Thiên vương cầm con rồng hay con rắn đang cuốn trong tay. Rồng hoặc rắn biểu tượng cho sự biến hóa.

Người ta thường nói: “*Thần long hiện thủ bất hiện vĩ*”. Biểu tượng cho thế giới hiện thực ngày nay. Mọi người, mọi chuyện, mọi vật đều biến đổi không ngừng, chúng ta phải thấy được rõ ràng mới có thể ứng phó một cách điềm tĩnh và thích đáng. Bắc phương Đa văn Thiên vương tay cầm cây dù biểu tượng cho sự che chở chúng ta khỏi sự ô nhiễm của môi trường chung quanh. Khi tu học, chúng ta phải bảo hộ cho tâm thanh tịnh của mình thoát khỏi ô nhiễm. Hơn nữa, chúng ta phải nhận thức rõ thực tướng của nhân sinh và vũ trụ, phải có trí huệ và năng lực để ứng xử đúng đắn thích hợp với mọi người và mọi sự việc.

Mọi điều này đều có thể học được khi đến Điện Tứ thiên vương. Nếu chúng ta xem các vị Hộ pháp là những vị thần với những năng lực thần thông rồi thấp hương, dâng cúng hoa quả để cầu nguyện che chở bình an thì đó là sai lầm một cách đáng tiếc. Đó là mê tín. Tất cả mọi hình tượng, mọi năng lực của chư Phật, Bồ-tát cùng tất cả mọi pháp khí thờ cúng đều có ý nghĩa giáo dục để đào luyện tâm linh và trí huệ, nhắc nhở chúng ta tầm mức quan trọng của giác ngộ thay vì mê mờ, đức hạnh thay vì tà vạy, thanh tịnh thay vì ô nhiễm. Đây là ba nguyên tắc trong nền giáo dục Phật học.

Do vậy, mọi vật trong đạo tràng đều mang tính giáo dục. Mọi vật phẩm cúng dường đều có ý nghĩa giáo dục. Ly đựng nước biểu tượng cho Pháp. Nước trong sạch biểu tượng cho tâm. Tâm thanh tịnh như nước, không một gợn sóng, đó là biểu tượng cho tâm bình đẳng. Hoa biểu tượng cho nhân và quả là sự kết thành trái. Hoa biểu tượng cho Lục độ ba-la-mật-đa. Quả không phải là dâng cúng cho Phật và Bồ-tát dùng, mà nhắc nhở chúng ta rằng nếu muốn có quả ngọt hay điều tốt lành thì phải tu tập và gieo trồng căn lành, tức là gieo nhân. Như vậy nên tất cả những gì ta thấy được trong đạo tràng đều có tính giáo dục. Chư Phật và Bồ-tát chẳng hưởng gì cả, họ không cần điều gì cả.

Chúng ta còn thấy những cây đèn, biểu tượng cho trí huệ sáng suốt; hương trầm, biểu tượng cho giới và định. Quý vị thấy trong đạo tràng không có vật gì mà không mang tính giáo dục. Tuy nhiên, thật đáng buồn là nhiều Phật tử hoàn toàn mê mờ về tính giáo dục của những biểu tượng này. Họ không biết tại sao mình thắp hương cúng Phật và Bồ-tát. Niềm tin của họ thực là mù quáng. Nhiều người phê phán rằng Phật giáo là mê tín. Sự phê phán này có phần đúng. Khá nhiều Phật tử còn mê mờ về Phật pháp.

Chúng ta cần phải thông suốt những gì mình học được và giải thích điều ấy cho những người theo chủ nghĩa hoài nghi và hay chỉ trích. Tôi tin là những người này cũng sẽ muốn học. Tôi vừa giới thiệu Phật học cho người Trung Hoa theo lối này. Sau khi nghe tôi giải thích, họ nói rằng họ đã hiểu lắm một điều tốt đẹp như vậy và nguyện sẽ tìm hiểu sâu hơn.

Để kết luận, trí huệ chân thực và sự giác ngộ sáng suốt vô lượng vô biên đã giúp cho chúng sinh có được lợi ích chân thật. Đức Phật đã dùng tâm từ bi rộng lớn để cứu độ chúng sinh. Từ xưa đến nay, trong lịch sử Phật giáo, bất luận là Hiền giáo, Mật giáo, Thiên tông hay dù các tông phái, pháp môn nào, đều phải tuân theo nguyên tắc và phương pháp này mà tu hành. Tuy vậy, ngày nay người ta biết rất ít nguyên tắc và phương pháp chân chính, thế nên ít người tu tập được thành tựu.

Trong thời mạt pháp, con người bị bao vây bởi nhiều nghiệp chướng. Do hoàn cảnh này, phương pháp niệm Phật là hiệu quả nhất vì đơn giản và thiết thực. Chẳng mất thời gian lâu, cũng chẳng cần những lễ nghi đặc biệt. Bất kỳ ai

cũng có thể tu vào bất kỳ lúc nào, bất kỳ ở đâu. Đây là lý do nhiều người đạt được sự thành tựu. Đài Loan vốn chẳng rộng, chẳng đông dân cư, nhưng trong 40 năm gần đây, theo sự đánh giá chủ quan của tôi, ít nhất có được 500 người đã vãng sinh Tịnh độ để tiếp tục tu tập thành Phật trong đời sau.

Để được thành công như vậy, chúng ta phải theo lời dạy trong năm bộ kinh và một bộ luận của Tịnh độ tông, phát tâm bồ-đề và nhất tâm niệm danh hiệu Đức Phật A-di-đà. Luận Đại thừa khởi tín<sup>(74)</sup> có nói rằng: “Bản giác vốn hằng có, bất giác vốn là không”, “*Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô*”. Do vậy, chúng ta chắc chắn có thể khôi phục lại Phật tánh bản hữu và cái thấy chân thật. Chúng ta có thể tiêu trừ sạch những mê lầm, tà kiến, và ô nhiễm. Phải thành tâm niệm danh hiệu A-di-đà Phật để chuyển hóa sạch các ác nghiệp và tập khí xấu, sống thanh đạm và tinh tấn tu tập để đạt được niệm Phật tam muội. Rốt ráo sẽ đạt được thân tâm tự tại, thực chứng chân như.

Chúng ta muốn đi đâu tùy nguyện. Nếu chúng ta muốn

<sup>74</sup> Của Bồ-tát Mã Minh 馬鳴 S: Āsvaghoṣa (100 ~ 160).

Nhà thơ và luận sư Đại thừa người Ấn Độ, được xem là một trong những luận sư quan trọng nhất của Phật giáo.

lưu lại cõi này một thời gian, điều ấy cũng tốt. Đã có nhiều người thành tựu, tại sao mình lại không? Vì chúng ta chưa thành tâm niệm Phật dài lâu. Niệm bao lâu mới được? Theo sử sách ghi lại, nhiều người thành tựu sau ba năm. Sau đó, không còn lo sợ điều gì nữa cả. Chúng ta cảm thấy rất an lạc và thanh thản. Nếu Thế chiến thứ III có xảy ra, và bom hạt nhân có bùng nổ, thì ta chỉ cho đó là đúng lúc để sinh về Tịnh độ. Không đau khổ, không sợ hãi, hoàn toàn tự tại. Đó là điều trong Kinh Vô lượng thọ nói: “*Mang lại lợi ích chân thật cho toàn thể chúng sinh*”.<sup>(75)</sup>

Ông Âu Dương Cánh Vô (Jing Wu Ou-Yang) đã nói rằng: “*Nên biết trong Phật pháp có rất nhiều phương tiện nhưng đều không vướng vào hình thức*”. Thừa nhận rằng bất kỳ nguyên tắc và pháp môn tu tập nào cũng có lợi ích và tác dụng. Chỉ có một mục tiêu đối với chúng ta là đem lợi lạc đến cho mọi chúng sinh, giúp họ phá trừ mê lầm, thoát khỏi khổ đau, đưa họ đạt đến giác ngộ giải thoát. Nên biết rằng giáo dục Phật giáo có rất nhiều phương pháp, có khi dùng phương tiện này, có khi dùng phương tiện kia, khi dùng

<sup>75</sup> 慧與眾生真實利益。

thuận cảnh, khi dùng nghịch cảnh, biến hóa rất nhiều cách. Nhưng chỉ có một mục tiêu duy nhất, đó là lợi ích cho chúng sinh. Nếu như phương pháp đánh hét, bồng hát (棒喝) trong Thiền tông có thể đưa đến mục tiêu giác ngộ thì sẵn sàng dùng phương pháp ấy. Vì đó chân thật là lòng từ bi. Nhưng ngược lại thì đều là hư vọng, cảm tính, mê lầm và chấp trước, tất cả không phải là Phật pháp, không phải là mục tiêu của chúng ta. Tôi ước nguyện rằng mọi người học Phật ai cũng sẽ xa lìa được mọi mê lầm, chấp trước, khổ đau, và đạt được niềm vui giải thoát giác ngộ viên mãn.

## PHỤ LỤC

### PHƯƠNG PHÁP NIỆM 10 DANH HIỆU A-DI-ĐÀ PHẬT

Phương pháp niệm 10 danh hiệu A-di-đà Phật là phương pháp đơn giản, lợi ích thiết thực trong việc hành trì pháp môn niệm Phật. Đặc biệt thích hợp với những người ít có thời gian tu tập. Hành trì theo phương pháp này sẽ giúp chúng ta nhất tâm chánh niệm A-di-đà Phật và giúp chúng ta an lạc thanh thản ngay trong giây phút hiện tại.

Thời khóa hành trì được bắt đầu khi chúng ta thức giấc vào sáng sớm. Chúng ta ngồi thẳng người và niệm rõ ràng danh hiệu A-di-đà Phật 10 lần với tâm chánh niệm, niệm lớn tiếng hay niệm thầm tùy theo ý muốn từng người. Chúng ta lặp lại công phu này 8 lần nữa trong một ngày. Như vậy, chúng ta công phu theo phương pháp này 9 lần trong mỗi ngày. Thời gian đó được đề nghị như sau:

- 1/ Ngay khi vừa thức giấc buổi sáng sớm.
- 2/ Trước khi bắt đầu dùng điểm tâm.

- 3/ Sau khi dùng điểm tâm.
- 4/ Trước khi làm việc chính trong ngày.
- 5/ Trước khi ăn trưa.
- 6/ Sau khi ăn trưa.
- 7/ Trước khi ăn tối.
- 8/ Sau khi ăn tối.
- 9/ Lúc đi ngủ.

Quan trọng nhất là hành trì đều đặn. Sự gián đoạn, không kiên nhẫn khi hành trì sẽ làm giảm hiệu lực tác dụng. Nếu hành trì liên tục, tinh cần thì người tu sẽ thấy càng ngày thân tâm càng gia tăng niềm an lạc.

Tinh tấn hành trì phương pháp niệm 10 danh hiệu A-di-đà Phật kết hợp với niềm tin và bản nguyện chân chính không thay đổi, chắc chắn bảo đảm tâm nguyện vãng sinh cõi Tây phương Cực lạc, cõi Vô lượng thọ. Vô lượng quang sẽ được thành tựu. Nguyện rằng mọi người đều cùng nhau tu tập.

**NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT**



# MỤC LỤC

Chương 1: Dẫn nhập THỂ NÀO LÀ PHẬT PHÁP .....	1
Chương 2 THỂ NÀO LÀ PHẬT GIÁO .....	9
Chương 3 NHỮNG BIẾN THỂ CỦA PHẬT GIÁO NGÀY NAY 13	
Chương 4 MỤC TIÊU CỦA NỀN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO... 17	
I. Hệ thống giáo dục Phật giáo.....	17
II. Mục tiêu của giáo dục Phật giáo.....	20
Chương 5 NHẬP MÔN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO .....	23
KINH ĐỊA TẠNG .....	23
I. Đại viên mãn.....	23
II. Đại viên mãn trong Phật giáo Đại thừa.....	37
Chương 6 NĂM KHOA MỤC CHỦ YẾU TRONG VIỆC TU HỌC PHẬT PHÁP.....	41
I. Ba loại tịnh nghiệp.....	41
1. Phước trời người: .....	43
2. Phước Nhị thừa: .....	56
3. Phước Đại thừa: .....	81
II. Sáu nguyên tắc hòa kính.....	100
III. Ba môn học (Tam vô lậu học).....	116
IV. Lục độ ba-la-mật.....	120
1/ Bồ thí ba-la-mật-đa: .....	120
2/ Trì giới ba-la-mật: .....	131
3/ Nhẫn nhục ba-la-mật: .....	133
4/ Tinh tấn ba-la-mật: .....	137
5/ Thiên định ba-la-mật: .....	142
6/ Bát-nhã ba-la-mật: .....	146
V. Mười hạnh nguyện lớn của Bồ-tát Phổ Hiền: .....	147

<i>Thứ nhất: Lễ kính chư Phật.....</i>	<i>148</i>
<i>Thứ hai: Xưng tán Như Lai.....</i>	<i>150</i>
<i>Thứ ba: Cúng dường rộng khắp.....</i>	<i>152</i>
<i>Thứ tư: Sám hối nghiệp chướng.....</i>	<i>162</i>
<i>Thứ năm: Tùy hỷ công đức.....</i>	<i>167</i>
<i>Thứ sáu: Thỉnh Đức Phật chuyển pháp luân.....</i>	<i>169</i>
<i>Thứ bảy: Thỉnh Phật trụ thế.....</i>	<i>176</i>
<i>Thứ tám: Thường tùy Phật học.....</i>	<i>179</i>
<i>Thứ chín: Hằng thuận chúng sinh.....</i>	<i>180</i>
<i>Thứ mười: Hồi hướng tất cả.....</i>	<i>180</i>
Chương 7 TIẾN TRÌNH ĐÚNG ĐẴN TU HỌC .....	183
PHẬT PHÁP.....	183
I. Tín, giải, hành, chứng:.....	183
II. Cùng lúc tu học giới, định, huệ:.....	190
Chương 8 PHƯƠNG DIỆN NGHỆ THUẬT TRONG NỀN GIÁO DỤC PHẬT GIÁO .....	199
I. Khởi thủy của hệ thống giáo dục tiền tu: .....	199
II. Nghệ thuật Phật giáo:.....	201
III. Thiên vương điện:.....	208
PHỤ LỤC .....	219

**DANH SÁCH PHẬT TỬ  
PHÁT TÂM CÚNG DƯỜNG TỊNH TÀI  
ẤN TỔNG SÁCH NHẬN THỨC PHẬT GIÁO**

STT	TÊN	NƠI Ở	SỐ TIỀN (USD)	SỐ TIỀN (VND)
1	Nguyễn Huy Khánh	Hà Nội		2.000.000 đồng
2	Nguyễn Huỳnh Uyên Chi	Quận 1		5.000.000 đồng
3	Võ Thị Cẩm Hồng	TP. HCM		5.000.000 đồng
4	Phạm Đức Dũng	Đà Nẵng		500.000 đồng
5	Đào Thị Tâm	Paris	USD100	
6	Phan Thị Thanh Nhân	TP. HCM		1.200.000 đồng
7	Lý Hoàng Nguyên	Cà Mau		5.000.000 đồng
8	Phật Tử Vô Danh	Gò Vấp		5.000.000 đồng
9	Nguyễn Hoài Phương	Quận 7		4.000.000 đồng
10	Nguyễn Thị Huệ	Tiền Giang		1.200.000 đồng
11	Thích Nữ Tâm Như	Vĩnh Long		3.800.000 đồng
12	Lê Thị Thu Vân	USA	USD50	
<b>Tổng cộng</b>			<b>USD150</b>	<b>32.700.000 đồng</b>

Mọi thắc mắc xin liên lạc về địa chỉ E-mail:  
[Giaithoat@gmail.com](mailto:Giaithoat@gmail.com)  
hoặc Cellphone: 0987 586 221

Tại Huế, xin liên lạc Chùa Hồng Đức  
109 Minh Mạng, Thành Phố Huế.

*Phật Tử Tịnh Không giảng*

**Pháp Sư Tịnh Không giảng**

**Việt dịch: Tỳ Kheo Thích Nhuận Châu**

**Chịu Trách Nhiệm Xuất Bản**

**NGUYỄN CÔNG OÁNH**

**Biên Tập**

**ĐỖ THỊ QUỲNH**

**Trình Bày và Bìa**

**THÍCH VĨNH MINH**

**NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO**

Yên Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội

ĐT: 04.37822845 – Fax: 04. 37822841

Email: [Nhaxuatbantongiao@gmail.com](mailto:Nhaxuatbantongiao@gmail.com)

In 500 cuốn, khổ 14.5 x 20.5 cm, tại XN In Nguyễn Minh Hoàng.

ĐC: 100 Lê Đại Hành, P.7, Q.11, TP. HCM. ĐT: 38555812.

Số xuất bản: 328-2011/CXB/07-42/TG ngày 28 tháng 06 năm 2011.

In xong và nộp lưu chiểu quý III năm 2011.